

# BẢNG GIÁ 2018



## PRICELIST 2018

### POWER PROTECTION

#### NHÀ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN LEGRAND TẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: 58 đường 34, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP.HCM

Hotline: 0933 239 828 - 0977 775 511

Website: <http://nangluongcao.com/>

# MỤC LỤC

## SẢN PHẨM

## TRANG

|                                                     |                |
|-----------------------------------------------------|----------------|
| Tủ điện âm tường và gắn nổi. ....                   | 1,2,3          |
| solator Switches . ....                             | 4              |
| Ổ cắm và phích cắm công nghiệp. ....                | 5,6            |
| Cầu chì và phụ kiện . ....                          | 7,8,9          |
| Chống sét lan truyền ( SPD ) . ....                 | 10             |
| Thiết bị đóng cắt (MCBs - RCCBs) - RX3 & TX3 . .... | 11             |
| Thiết bị đóng cắt (MCBs - RCBOs) - DX3. ....        | 12,13          |
| Thiết bị đóng cắt (MCCBs) – DRXTM . ....            | 14,15,16,17,18 |
| Thiết bị đóng cắt (MCCBs) - DPX3 . ....             | 19,20,21,22,23 |
| Khởi động từ - CTX3. ....                           | 24,25          |
| Rơ le nhiệt bảo vệ quá tải - RTX3. ....             | 26             |
| CB Bảo vệ động cơ - MPX3 . ....                     | 27             |
| Bộ chuyển nguồn – DCM . ....                        | 28             |
| Máy cắt không khí (ACBs)                            |                |
| - DEX và Phụ kiện . ....                            | 29,30          |
| - DMX3 và Phụ kiện . ....                           | 31,32,33,34    |
| ATS hợp bộ ( 2 MCCBs ) . ....                       | 35             |
| ATS và Thiết bị đo đa năng. ....                    | 36             |
| Phụ kiện busbar, cảm biến, máng cáp nhựa. ....      | 37             |
| Thiết bị điều khiển và báo hiệu . ....              | 38,39          |
| Terminal Blocks . ....                              | 40,41,42,43    |

\* Lưu ý

- Giá chưa bao gồm VAT

- Bảng giá có thể thay đổi mà không cần báo trước

- Bảng giá được tính theo VND

- Những mặt hàng không có trong báo giá vui lòng liên hệ trực tiếp

| Sản phẩm                                                                          | Mã số  | Mô tả                  | Giá            |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------|----------------|
| <b>Tủ âm tường Practibox</b>                                                      |        |                        |                |
|  | 601110 | Tủ âm tường 6 modules  | <b>306,000</b> |
|                                                                                   | 601111 | Tủ âm tường 8 modules  | <b>360,000</b> |
|                                                                                   | 601112 | Tủ âm tường 12 modules | <b>497,000</b> |
|                                                                                   | 601113 | Tủ âm tường 24 modules | <b>838,000</b> |
|                                                                                   | 601114 | Tủ âm tường 36 modules | <b>999,000</b> |

|                                                                                  |        |                       |                |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|----------------|
| <b>Tủ gắn nổi Nedbox</b>                                                         |        |                       |                |
|  | 601240 | Tủ gắn nổi 8 modules  | <b>344,000</b> |
|                                                                                  | 601241 | Tủ gắn nổi 12 modules | <b>449,000</b> |
|                                                                                  | 601242 | Tủ gắn nổi 24 modules | <b>696,000</b> |
|                                                                                  | 601243 | Tủ gắn nổi 36 modules | <b>838,000</b> |
|                                                                                  | 601244 | Tủ gắn nổi 48 modules | <b>978,000</b> |

|                                                                                    |        |                         |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------|------------------|
| <b>Tủ gắn âm Nedbox ( kim loại )</b>                                               |        |                         |                  |
|   | 001441 | 12 modules-cửa kim loại | <b>1,610,000</b> |
|                                                                                    | 001442 | 24 modules-cửa kim loại | <b>1,979,000</b> |
|                                                                                    | 001443 | 36 modules-cửa kim loại | <b>2,704,000</b> |
|                                                                                    | 001444 | 48 modules-cửa kim loại | <b>3,031,000</b> |
|  | 001451 | 12 modules-cửa trong    | <b>2,958,000</b> |
|                                                                                    | 001452 | 24 modules-cửa trong    | <b>3,561,000</b> |
|                                                                                    | 001453 | 36 modules-cửa trong    | <b>4,288,000</b> |
|                                                                                    | 001454 | 48 modules-cửa trong    | <b>4,966,000</b> |

|                                                                                    |        |                      |                |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|----------------|
| <b>Tủ gắn nổi British</b>                                                          |        |                      |                |
|  | 607568 | 4 modules cửa trắng  | <b>451,000</b> |
|                                                                                    | 607561 | 8 modules cửa trắng  | <b>593,000</b> |
|                                                                                    | 607580 | 12 modules cửa trắng | <b>437,000</b> |
|                                                                                    | 607581 | 12 modules cửa trong | <b>477,000</b> |
|                                                                                    | 607582 | 16 modules cửa trắng | <b>587,000</b> |
|                                                                                    | 607583 | 16 modules cửa trong | <b>638,000</b> |
|                                                                                    | 607584 | 22 modules cửa trắng | <b>637,000</b> |
|                                                                                    | 607585 | 22 modules cửa trong | <b>707,000</b> |

|                                                                                     |        |                         |                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------|------------------|
| <b>Tủ gắn nổi Plexo chống thấm nước</b>                                             |        |                         |                  |
|  | 601932 | Tủ gắn nổi 1+2 modules  | <b>213,000</b>   |
|                                                                                     | 601994 | Tủ gắn nổi 4 modules    | <b>243,000</b>   |
|                                                                                     | 601996 | Tủ gắn nổi 6 modules    | <b>263,000</b>   |
|                                                                                     | 601998 | Tủ gắn nổi 8 modules    | <b>287,000</b>   |
|                                                                                     | 601831 | Tủ gắn nổi 1x12 modules | <b>584,000</b>   |
|                                                                                     | 601832 | Tủ gắn nổi 2x12 modules | <b>973,000</b>   |
|                                                                                     | 601833 | Tủ gắn nổi 3x12 modules | <b>1,355,000</b> |
|                                                                                     | 601835 | Tủ gắn nổi 1x18 modules | <b>719,000</b>   |
|                                                                                     | 601836 | Tủ gắn nổi 2x18 modules | <b>1,164,000</b> |
|                                                                                     | 601837 | Tủ gắn nổi 3x18 modules | <b>1,569,000</b> |
|                                                                                     | 601838 | Tủ gắn nổi 4x18 modules | <b>2,186,000</b> |

| Sản phẩm                                                                          | Mã số  | Mô tả                  | Giá            |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------|----------------|
| <b>Phụ kiện cho tủ âm tường Practibox</b>                                         |        |                        |                |
|  | 001660 | Phím che đơn MCB       | <b>29,000</b>  |
|                                                                                   | 601290 | Cầu nối dây trung tính | <b>113,000</b> |
|  | 601291 | Cầu nối dây trung tính | <b>113,000</b> |
|                                                                                   | 601292 | Cầu nối dây trung tính | <b>183,000</b> |
|  | 601293 | Cầu nối dây trung tính | <b>183,000</b> |
|                                                                                   | 001966 | Khóa cửa               | <b>297,000</b> |

|                                                                                     |        |                          |                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------|------------------|
| <b>Phụ kiện cho tủ gắn nổi Nedbox</b>                                               |        |                          |                  |
|    | 601226 | Cửa kim loại cho 601241  | <b>587,000</b>   |
|                                                                                     | 601227 | Cửa kim loại cho 601242  | <b>850,000</b>   |
|                                                                                     | 601228 | Cửa kim loại cho 601243  | <b>946,000</b>   |
|                                                                                     | 601229 | Cửa kim loại cho 601244  | <b>1,203,000</b> |
|  | 601205 | Cửa plastic 601240 trắng | <b>354,000</b>   |
|                                                                                     | 601215 | Cửa plastic 601240 xanh  | <b>353,000</b>   |
|                                                                                     | 601206 | Cửa plastic 601241 trắng | <b>393,000</b>   |
|                                                                                     | 601216 | Cửa plastic 601241 xanh  | <b>392,000</b>   |
|                                                                                     | 601207 | Cửa plastic 601242 trắng | <b>511,000</b>   |
|                                                                                     | 601217 | Cửa plastic 601242 xanh  | <b>507,000</b>   |
|                                                                                     | 601208 | Cửa plastic 601243 trắng | <b>664,000</b>   |
|                                                                                     | 601218 | Cửa plastic 601243 xanh  | <b>656,000</b>   |
|                                                                                     | 601209 | Cửa plastic 601244 trắng | <b>1,448,000</b> |
|                                                                                     | 601219 | Cửa plastic 601244 xanh  | <b>1,539,000</b> |
|                                                                                     |        |                          |                  |

|                                                                                     |        |                      |                |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|----------------|
| <b>Phụ kiện cho tủ gắn nổi Plexo chống thấm nước</b>                                |        |                      |                |
|  | 001917 | Hộp gắn ổ cắm 2 hàng | <b>511,000</b> |
|                                                                                     | 001918 | Hộp gắn ổ cắm 3 hàng | <b>649,000</b> |
|  | 001961 | Phím che màu xám     | <b>9,000</b>   |

Sản phẩm      Mã số      Mô tả      Giá

## Flush-mounting box - IP42



|        |                |           |
|--------|----------------|-----------|
| 402505 | SPN 4 way DB   | 480,000   |
| 402506 | SPN 6 way DB   | 531,000   |
| 402507 | SPN 8 way DB   | 579,000   |
| 402508 | SPN 12 way DB  | 690,000   |
| 402509 | SPN 16 way DB  | 1,001,000 |
| 402515 | ETPN 4 way DB  | 1,064,000 |
| 402516 | ETPN 6 way DB  | 1,165,000 |
| 402517 | ETPN 8 way DB  | 1,417,000 |
| 402518 | ETPN 12 way DB | 1,885,000 |

## XL<sup>3</sup> - N125E - MCB



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 604400 | 12P | 5,274,000 |
| 604401 | 18P | 5,848,000 |
| 604402 | 24P | 6,441,000 |
| 604403 | 30P | 7,081,000 |
| 604404 | 36P | 7,761,000 |
| 604405 | 42P | 8,359,000 |
| 604406 | 48P | 6,407,000 |
| 604407 | 54P | 6,704,000 |

## XL<sup>3</sup> - N250E - DRX125



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 604430 | 12P | 5,266,000 |
| 604431 | 18P | 5,840,000 |
| 604432 | 24P | 6,432,000 |
| 604433 | 30P | 7,073,000 |
| 604434 | 36P | 7,753,000 |
| 604435 | 42P | 8,351,000 |
| 604436 | 48P | 6,407,000 |
| 604437 | 54P | 6,704,000 |

## XL<sup>3</sup> - N250E - DRX125



|        |     |            |
|--------|-----|------------|
| 604440 | 18P | 6,617,000  |
| 604441 | 24P | 7,302,000  |
| 604442 | 30P | 8,050,000  |
| 604443 | 26P | 8,837,000  |
| 604444 | 42P | 9,530,000  |
| 604445 | 48P | 10,167,000 |
| 604446 | 50P | 7,772,000  |

## XL<sup>3</sup> - distribution board - flush-mounting



### N125E

|        |     |            |
|--------|-----|------------|
| 605450 | 12P | 6,265,000  |
| 605451 | 18P | 7,357,000  |
| 605452 | 24P | 8,131,000  |
| 605453 | 30P | 9,065,000  |
| 605454 | 36P | 9,915,000  |
| 605455 | 42P | 10,704,000 |
| 605456 | 48P | 11,425,000 |
| 605457 | 54P | 12,382,000 |

### N250E

|        |     |            |
|--------|-----|------------|
| 605458 | 18P | 7,872,000  |
| 605459 | 24P | 8,746,000  |
| 605460 | 30P | 9,780,000  |
| 605461 | 36P | 10,730,000 |
| 605462 | 42P | 11,621,000 |
| 605463 | 48P | 12,443,000 |
| 605464 | 54P | 13,500,000 |

## XL<sup>3</sup> - N250E -distribution board - surface-mounting



### 125A

|        |     |            |
|--------|-----|------------|
| 605470 | 12P | 6,550,000  |
| 605471 | 18P | 7,357,000  |
| 605472 | 24P | 8,131,000  |
| 605473 | 30P | 9,065,000  |
| 605474 | 36P | 9,915,000  |
| 605475 | 42P | 10,704,000 |
| 605476 | 48P | 11,425,000 |
| 605477 | 54P | 12,382,000 |

### 250A

|        |     |            |
|--------|-----|------------|
| 605478 | 18P | 7,872,000  |
| 605479 | 24P | 8,746,000  |
| 605480 | 30P | 9,780,000  |
| 605481 | 36P | 10,730,000 |
| 605482 | 42P | 11,621,000 |
| 605483 | 48P | 12,443,000 |
| 605484 | 54P | 13,500,000 |

## PHỤ KIỆN

|        |                        |         |
|--------|------------------------|---------|
| 605490 | KIT DIN                | 252,000 |
| 605496 | KIT DPX3 160 3P        | 276,000 |
| 605498 | Pls use code LG-605498 | 310,000 |
| 605497 | KIT DPX3 250 3P        | 342,000 |

|        |                             |         |
|--------|-----------------------------|---------|
| 605493 | KIT ground insulated        | 490,000 |
| 001665 | Grey blanking plate 18 mod. | 53,000  |
| 602795 | Key lock XL3 250            | 408,000 |
| 602798 | KIT XL3 250                 | 236,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số  | Mô tả                         | Giá       | Sản phẩm                                                                             | Mã số  | Mô tả                  | Giá     |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------|---------|--|
| Standard boxes                                                                     |        |                               |           | Square boxes                                                                         |        |                        |         |  |
|    | 092100 | Ø60 mm x 40mm                 | 67,000    |     | 092034 | 130 x 130 x 74         | 411,000 |  |
|                                                                                    | 092101 | Ø70 mm x 40mm                 | 68,000    |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092104 | 65 x 65 mm x 40mm             | 69,000    |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
| Class II boxes                                                                     |        |                               |           | Rectangular boxes                                                                    |        |                        |         |  |
|    |        | 80 x 80 x 45 mm               |           |     | 092044 | 155 x 110 x 74 mm      | 157,000 |  |
|                                                                                    | 092126 | Ø60 mm x 40mm                 | 75,000    |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092127 | Ø70 mm x 40mm                 | 58,000    |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        | 105 x 105 x 55 mm             |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092136 | Ø60 mm x 40mm                 | 105,000   |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092137 | Ø70 mm x 40mm                 | 112,000   |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
| Accessories                                                                        |        |                               |           | Direct entry membrane glands                                                         |        |                        |         |  |
|    | 031210 | Strip with four 4 mm terminal | 108,000   |    | 091914 | Up to Ø20              | 7,000   |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      | 091915 | Up to Ø25              | 7,000   |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      | 091916 | Up to Ø32              | 15,000  |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      | 091917 | Up to Ø40              | 24,000  |  |
| Square boxes                                                                       |        |                               |           | Membrane glands                                                                      |        |                        |         |  |
|  | 092032 | 130 x 130 x 74                | 451,000   |  | 091910 | Up to Ø20              | 6,000   |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      | 091911 | Up to Ø25              | 10,000  |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
| Rectangular boxes                                                                  |        |                               |           | Fixing accessories                                                                   |        |                        |         |  |
|  | 092042 | 155 x 110 x 74 mm             | 443,000   |  | 035802 | Set of 4 lugs          | 70,000  |  |
|                                                                                    | 092052 | 180 x 140 x 86 mm             | 419,000   |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092062 | 220 x 170 x 86 mm             | 769,000   |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092082 | 310 x 240 x 124 mm            | 983,000   |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    | 092092 | 360 x 270 x 124 mm            | 1,161,000 |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           | Membrane glands                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |  | 035800 | For boxes 130 x 130 mm | 327,000 |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      | 035801 | For boxes 310 x 240    | 412,000 |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |
|                                                                                    |        |                               |           |                                                                                      |        |                        |         |  |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|

### AC22A - 2P 250V 50/60HZ



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 735300 | 20A | 517,000   |
| 735301 | 32A | 578,000   |
| 735302 | 40A | 636,000   |
| 735303 | 63A | 1,153,000 |

### AC22A - 3P 440V 50/60HZ



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 735310 | 20A | 673,000   |
| 735311 | 32A | 823,000   |
| 735312 | 40A | 923,000   |
| 735313 | 63A | 1,419,000 |

### AC22A - 4P 440V 50/60HZ



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 735320 | 20A | 749,000   |
| 735321 | 32A | 1,000,000 |
| 735322 | 40A | 1,122,000 |
| 735323 | 63A | 1,819,000 |

### AC23A - 2P 250V 50/60HZ



|         |     |           |
|---------|-----|-----------|
| 735300P | 20A | 577,000   |
| 735301P | 32A | 648,000   |
| 735302P | 40A | 794,000   |
| 735303P | 63A | 1,294,000 |

### AC23A - 3P 440V 50/60HZ



|         |     |           |
|---------|-----|-----------|
| 735310P | 20A | 756,000   |
| 735311P | 32A | 648,000   |
| 735312P | 40A | 1,041,000 |
| 735313P | 63A | 1,732,000 |

### AC23A - 4P 440V 50/60HZ



|         |     |           |
|---------|-----|-----------|
| 735320P | 20A | 840,000   |
| 735321P | 32A | 1,075,000 |
| 735322P | 40A | 1,170,000 |
| 735323P | 63A | 1,914,000 |

## Proximity switching

#### 3P



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 022171 | 16A | 696,000   |
| 022172 | 20A | 746,000   |
| 022173 | 25A | 690,000   |
| 022174 | 40A | 2,958,000 |
| 022175 | 50A | 2,720,000 |
| 022176 | 63A | 3,881,000 |
| 022177 | 80A | 3,808,000 |

#### 4P



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 022181 | 16A | 933,000   |
| 022182 | 20A | 937,000   |
| 022183 | 25A | 894,000   |
| 022184 | 40A | 3,005,000 |
| 022185 | 50A | 3,172,000 |
| 022186 | 63A | 4,937,000 |
| 022187 | 80A | 5,571,000 |

#### 3P + NO + NC



|        |     |           |
|--------|-----|-----------|
| 022189 | 16A | 1,300,000 |
| 022179 | 20A | 1,300,000 |
| 022188 | 25A | 926,000   |

#### Phụ kiện



|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 022700 | Auxiliary NO + NC | 363,000 |
|--------|-------------------|---------|

| Sản phẩm                                                                         | Mã số                        | Mô tả                  | Giá       | Sản phẩm                                                                           | Mã số                        | Mô tả                  | Giá       |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------|
| <b>Hộp ổ cắm công nghiệp IP66</b>                                                |                              |                        |           |                                                                                    |                              |                        |           |
|  | <b>Base for 220 x 125 mm</b> |                        |           |  | <b>Base for 280 x 125 mm</b> |                        |           |
|                                                                                  | 057710                       | Mouting box            | 287,000   |                                                                                    | 057711                       | Mouting box            | 325,000   |
|                                                                                  | 058938                       | Base for 2 sockets 16A | 1,863,000 |                                                                                    | 058920                       | Base for 3 sockets 16A | 1,173,000 |
|                                                                                  | 057705                       | Base for 4 sockets 16A | 1,519,000 |                                                                                    | 057703                       | Base for 6 sockets 16A | 2,841,000 |
|  | 057706                       | Base for 6 sockets 16A | 2,178,000 |  | 057704                       | Base for 9 sockets 16A | 3,307,000 |
| <b>Face Plate 220 x 125 mm</b>                                                   |                              |                        |           | <b>Face Plate 220 x 125 mm</b>                                                     |                              |                        |           |
|  | 057712                       | 1 sockets 16/32A       | 228,000   |  | 057718                       | 2 sockets 16/32A       | 544,000   |
|                                                                                  | 057713                       | 2 sockets 16A          | 379,000   |                                                                                    | 057723                       | 2 sockets 16A          | 779,000   |
|                                                                                  | 057717                       | 1 sockets 63A          | 328,000   |                                                                                    | 057719                       | 1 sockets 16/32/63A    | 449,000   |
|                                                                                  | 057715                       | Plain plate            | 290,000   |                                                                                    | 057714                       | 3 sockets 16A          | 452,000   |
|                                                                                  |                              |                        |           |                                                                                    | 057716                       | Plain plate            | 282,000   |

### Ổ cắm gắn âm (Panel mounting) - IP44

|                                                                                    |                          |          |         |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|---------|
|  | <b>16A - 200/250V</b>    |          |         |
|                                                                                    | 555184                   | 2P+E     | 126,000 |
|                                                                                    | 555185                   | 3P+E     | 162,000 |
|                                                                                    | 555186                   | 4P+E     | 194,000 |
|                                                                                    | <b>32A - 200/250V</b>    |          |         |
|                                                                                    | 555284                   | 2P+E     | 185,000 |
|                                                                                    | 555285                   | 3P+E     | 210,000 |
|                                                                                    | 555286                   | 4P+E     | 251,000 |
|                                                                                    | <b>16/32A - 380/415V</b> |          |         |
|                                                                                    | 555188                   | 16A 3P+E | 149,000 |
|                                                                                    | 555288                   | 32A 3P+E | 203,000 |
|                                                                                    | 555289                   | 32A 4P+E | 224,000 |

### Ổ cắm gắn nổi (Surface mounting) - IP44

|                                                                                      |                       |      |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|---------|
|  | <b>16A - 200/250V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555154                | 2P+E | 190,000 |
|                                                                                      | 555155                | 3P+E | 201,000 |
|                                                                                      | 555156                | 4P+E | 232,000 |
|                                                                                      | <b>32A - 200/250V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555254                | 2P+E | 266,000 |
|                                                                                      | 555255                | 3P+E | 280,000 |
|                                                                                      | 555256                | 4P+E | 313,000 |
|                                                                                      | <b>16A - 380/415V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555157                | 2P+E | 207,000 |
|                                                                                      | 555158                | 3P+E | 217,000 |
|                                                                                      | 555159                | 4P+E | 239,000 |
|                                                                                      | <b>32A - 380/415V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555257                | 2P+E | 275,000 |
|                                                                                      | 555258                | 3P+E | 287,000 |

### Ổ cắm di động (Mobile socket) - IP44

|                                                                                    |                       |      |         |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|---------|
|  | <b>16A - 200/250V</b> |      |         |
|                                                                                    | 555104                | 2P+E | 116,000 |
|                                                                                    | 555105                | 3P+E | 142,000 |
|                                                                                    | 555106                | 4P+E | 173,000 |
|                                                                                    | <b>32A - 200/250V</b> |      |         |
|                                                                                    | 555204                | 2P+E | 165,000 |
|                                                                                    | 555205                | 3P+E | 183,000 |
|                                                                                    | 555206                | 4P+E | 227,000 |
|                                                                                    | <b>16A - 380/415V</b> |      |         |
|                                                                                    | 555107                | 2P+E | 116,000 |
|                                                                                    | 555108                | 3P+E | 143,000 |
|                                                                                    | 555109                | 4P+E | 176,000 |
|                                                                                    | <b>32A - 380/415V</b> |      |         |
|                                                                                    | 555217                | 2P+E | 167,000 |
|                                                                                    | 555218                | 3P+E | 181,000 |
|                                                                                    | 555219                | 4P+E | 194,000 |

### Phích cắm di động (Straight plug) - IP44

|                                                                                      |                       |      |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|---------|
|  | <b>16A - 200/250V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555124                | 2P+E | 955,000 |
|                                                                                      | 555125                | 3P+E | 119,000 |
|                                                                                      | 555126                | 4P+E | 138,000 |
|                                                                                      | <b>32A - 200/250V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555234                | 2P+E | 135,000 |
|                                                                                      | 555235                | 3P+E | 155,000 |
|                                                                                      | 555236                | 4P+E | 191,000 |
|                                                                                      | <b>16A - 380/415V</b> |      |         |
|                                                                                      | 555127                | 2P+E | 91,000  |
|                                                                                      | 555128                | 3P+E | 115,000 |

| Sản phẩm                                                                         | Mã số           | Mô tả | Giá       | Sản phẩm                                                                          | Mã số           | Mô tả | Giá       |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------|-----------|
| Ổ cắm gắn âm (Panel mounting) - IP66/67                                          |                 |       |           | Ổ cắm gắn nổi (Surface mounting) - IP66/67                                        |                 |       |           |
|  | 16A - 200/250V  |       |           |  | 16A - 200/250V  |       |           |
|                                                                                  | 555384          | 2P+E  | 190,000   |                                                                                   | 555354          | 2P+E  | 298,000   |
|                                                                                  | 555385          | 3P+E  | 249,000   |                                                                                   | 555355          | 3P+E  | 327,000   |
|                                                                                  | 555386          | 4P+E  | 290,000   |                                                                                   | 555356          | 4P+E  | 372,000   |
|                                                                                  | 32A - 200/250V  |       |           |                                                                                   | 32A - 200/250V  |       |           |
|                                                                                  | 555484          | 2P+E  | 271,000   |                                                                                   | 555454          | 2P+E  | 420,000   |
|                                                                                  | 555485          | 3P+E  | 294,000   |                                                                                   | 555455          | 3P+E  | 436,000   |
|                                                                                  | 555486          | 4P+E  | 345,000   |                                                                                   | 555456          | 4P+E  | 483,000   |
|                                                                                  | 63A - 200/250V  |       |           |                                                                                   | 63A - 200/250V  |       |           |
|                                                                                  | 555584          | 2P+E  | 746,000   |                                                                                   | 555554          | 2P+E  | 1,062,000 |
|                                                                                  | 555585          | 3P+E  | 805,000   |                                                                                   | 555555          | 3P+E  | 1,122,000 |
|                                                                                  | 555586          | 4P+E  | 888,000   |                                                                                   | 555556          | 4P+E  | 1,205,000 |
|                                                                                  | 16A - 380/415V  |       |           |                                                                                   | 16A - 380/415V  |       |           |
|                                                                                  | 555388          | 3P+E  | 212,000   |                                                                                   | 555358          | 3P+E  | 339,000   |
|                                                                                  | 555389          | 4P+E  | 229,000   |                                                                                   | 555359          | 4P+E  | 397,000   |
|                                                                                  | 32A - 380/415V  |       |           |                                                                                   | 32A - 380/415V  |       |           |
|                                                                                  | 555488          | 3P+E  | 285,000   |                                                                                   | 555458          | 3P+E  | 429,000   |
|                                                                                  | 555489          | 4P+E  | 339,000   |                                                                                   | 555459          | 4P+E  | 506,000   |
|                                                                                  | 63A - 380/415V  |       |           |                                                                                   | 63A - 380/415V  |       |           |
|                                                                                  | 555588          | 3P+E  | 805,000   |                                                                                   | 555558          | 3P+E  | 1,121,000 |
|                                                                                  | 555589          | 4P+E  | 888,000   |                                                                                   | 555559          | 4P+E  | 1,204,000 |
|                                                                                  | 125A - 380/415V |       |           |                                                                                   | 125A - 380/415V |       |           |
|                                                                                  | 555689          | 4P+E  | 2,885,000 |                                                                                   | 555658          | 3P+E  | 5,692,000 |
|                                                                                  |                 |       |           |                                                                                   | 555658          | 4P+E  | 6,041,000 |

**Ổ cắm di động (Mobile socket) - IP66/67**

|                                                                                    |                        |      |           |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|-----------|
|  | <b>16A - 200/250V</b>  |      |           |
|                                                                                    | 555304                 | 2P+E | 145,000   |
|                                                                                    | 555305                 | 3P+E | 182,000   |
|                                                                                    | 555306                 | 4P+E | 220,000   |
|                                                                                    | <b>32A - 200/250V</b>  |      |           |
|                                                                                    | 555414                 | 2P+E | 215,000   |
|                                                                                    | 555415                 | 3P+E | 231,000   |
|                                                                                    | 555416                 | 4P+E | 275,000   |
|                                                                                    | <b>63A - 200/250V</b>  |      |           |
|                                                                                    | 555504                 | 2P+E | 716,000   |
|                                                                                    | 555505                 | 3P+E | 764,000   |
|                                                                                    | 555506                 | 4P+E | 831,000   |
|                                                                                    | <b>16A - 380/415V</b>  |      |           |
|                                                                                    | 555308                 | 3P+E | 248,000   |
|                                                                                    | 555309                 | 4P+E | 312,000   |
|                                                                                    | <b>32A - 380/415V</b>  |      |           |
|                                                                                    | 555418                 | 3P+E | 316,000   |
|                                                                                    | 555419                 | 4P+E | 357,000   |
|                                                                                    | <b>63A - 380/415V</b>  |      |           |
|                                                                                    | 555508                 | 3P+E | 951,000   |
|                                                                                    | 555509                 | 4P+E | 1,034,000 |
|                                                                                    | <b>125A - 380/415V</b> |      |           |
|                                                                                    | 555608                 | 3P+E | 2,839,000 |
|                                                                                    | 555609                 | 4P+E | 3,188,000 |

**Phích cắm di động (Straight plug) - IP66/67**

|                                                                                     |                        |      |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|-----------|
|  | <b>16A - 200/250V</b>  |      |           |
|                                                                                     | 555324                 | 2P+E | 169,000   |
|                                                                                     | 555325                 | 3P+E | 210,000   |
|                                                                                     | 555326                 | 4P+E | 245,000   |
|                                                                                     | <b>32A - 200/250V</b>  |      |           |
|                                                                                     | 555434                 | 2P+E | 248,000   |
|                                                                                     | 555435                 | 3P+E | 276,000   |
|                                                                                     | 555436                 | 4P+E | 346,000   |
|                                                                                     | <b>63A - 200/250V</b>  |      |           |
|                                                                                     | 555524                 | 2P+E | 789,000   |
|                                                                                     | 555525                 | 3P+E | 825,000   |
|                                                                                     | 555526                 | 4P+E | 910,000   |
|                                                                                     | <b>16A - 380/415V</b>  |      |           |
|                                                                                     | 555328                 | 3P+E | 207,000   |
|                                                                                     | 555329                 | 4P+E | 229,000   |
|                                                                                     | <b>32A - 380/415V</b>  |      |           |
|                                                                                     | 555438                 | 3P+E | 266,000   |
|                                                                                     | 555439                 | 4P+E | 303,000   |
|                                                                                     | <b>63A - 380/415V</b>  |      |           |
|                                                                                     | 555528                 | 3P+E | 788,000   |
|                                                                                     | 555529                 | 4P+E | 870,000   |
|                                                                                     | <b>125A - 380/415V</b> |      |           |
|                                                                                     | 555628                 | 3P+E | 2,075,000 |
|                                                                                     | 555629                 | 4P+E | 2,225,000 |

| Sản phẩm                                                                            | Mã số                                                                              | Dòng điện                    | Giá                                                                                | Sản phẩm                                                                            | Mã số                                    | Dòng điện      | Giá       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|-----------|
| <b>Cylindrical type gG</b>                                                          |                                                                                    |                              |                                                                                    | <b>SP fuse carriers</b>                                                             |                                          |                |           |
|    | <b>8 x 32 without indicator</b>                                                    |                              |                                                                                    |    | 021404                                   | 3P (10 x 38)   | 785,000   |
|                                                                                     | 012302                                                                             | 2A                           | 31,000                                                                             |                                                                                     | 021405                                   | 3P+N (10 x 38) | 1,072,000 |
|                                                                                     | 012304                                                                             | 4A                           | 31,000                                                                             |                                                                                     | 021504                                   | 3P (14 x 51)   | 996,000   |
|                                                                                     | 012306                                                                             | 6A                           | 31,000                                                                             |                                                                                     | 021505                                   | 3P+N (14 x 51) | 1,332,000 |
|                                                                                     | 012310                                                                             | 10A                          | 31,000                                                                             |                                                                                     | 021604                                   | 3P (22 x 58)   | 1,309,000 |
|                                                                                     | 012316                                                                             | 16A                          | 31,000                                                                             |                                                                                     | 021605                                   | 3P+N (22 x 58) | 1,742,000 |
|                                                                                     |  | <b>8 x 32 with indicator</b> |                                                                                    |                                                                                     | <b>Cylindrical type aM (motor rated)</b> |                |           |
| 012402                                                                              |                                                                                    | 2A                           | 33,000                                                                             | <b>8 x 32 without indicator</b>                                                     |                                          |                |           |
| 012404                                                                              |                                                                                    | 4A                           | 34,000                                                                             |    | 012004                                   | 4A             | 31,000    |
| 012406                                                                              |                                                                                    | 6A                           | 34,000                                                                             |                                                                                     | 012006                                   | 6A             | 31,000    |
| 012408                                                                              |                                                                                    | 10A                          | 34,000                                                                             |                                                                                     | 012008                                   | 8A             | 31,000    |
| 012416                                                                              |                                                                                    | 16A                          | 34,000                                                                             |                                                                                     | 012010                                   | 10A            | 32,000    |
| <b>22 x 58 without indicator</b>                                                    |                                                                                    |                              | <b>14 x 51 without indicator</b>                                                   |                                                                                     |                                          |                |           |
| 015316                                                                              | 16A                                                                                | 88,000                       |  | 014010                                                                              | 10A                                      | 68,000         |           |
| 015320                                                                              | 20A                                                                                | 88,000                       |                                                                                    | 014012                                                                              | 12A                                      | 68,000         |           |
| 015325                                                                              | 25A                                                                                | 88,000                       |                                                                                    | 014016                                                                              | 16A                                      | 68,000         |           |
| 015332                                                                              | 32A                                                                                | 88,000                       |                                                                                    | 014020                                                                              | 20A                                      | 69,000         |           |
| 015340                                                                              | 40A                                                                                | 88,000                       |                                                                                    | 014025                                                                              | 25A                                      | 69,000         |           |
| 015350                                                                              | 50A                                                                                | 89,000                       |                                                                                    | 014032                                                                              | 32A                                      | 70,000         |           |
| 015363                                                                              | 63A                                                                                | 89,000                       |                                                                                    | 014040                                                                              | 40A                                      | 75,000         |           |
| 015380                                                                              | 80A                                                                                | 90,000                       |                                                                                    | 014050                                                                              | 50A                                      | 79,000         |           |
| 015396                                                                              | 100A                                                                               | 102,000                      |                                                                                    | <b>14 x 51 with indicator</b>                                                       |                                          |                |           |
| 015397                                                                              | 125A                                                                               | 103,000                      |                                                                                    | 014110                                                                              | 10A                                      | 98,000         |           |
| <b>22 x 58 with indicator</b>                                                       |                                                                                    |                              |                                                                                    | 014112                                                                              | 12A                                      | 98,000         |           |
| 015550                                                                              | 50A                                                                                | 135,000                      |                                                                                    | 014116                                                                              | 16A                                      | 98,000         |           |
| 015563                                                                              | 63A                                                                                | 135,000                      |                                                                                    | 014120                                                                              | 20A                                      | 98,000         |           |
| 015580                                                                              | 80A                                                                                | 135,000                      |                                                                                    | 014125                                                                              | 25A                                      | 98,000         |           |
| 015596                                                                              | 100A                                                                               | 135,000                      |                                                                                    | 014132                                                                              | 32A                                      | 102,000        |           |
| 015597                                                                              | 125A                                                                               | 135,000                      |                                                                                    | 014140                                                                              | 40A                                      | 102,000        |           |
| <b>10 x 38 without indicator</b>                                                    |                                                                                    |                              |                                                                                    | 013450                                                                              | 50A                                      | 110,000        |           |
|  | 013306                                                                             | 6A                           | 27,000                                                                             | <b>22 x 58 without indicator</b>                                                    |                                          |                |           |
|                                                                                     | 013308                                                                             | 8A                           | 27,000                                                                             |  | 015002                                   | 25A            | 88,000    |
|                                                                                     | 013310                                                                             | 10A                          | 27,000                                                                             |                                                                                     | 015004                                   | 32A            | 88,000    |
|                                                                                     | 013316                                                                             | 16A                          | 27,000                                                                             |                                                                                     | 015006                                   | 40A            | 89,000    |
|                                                                                     | 013320                                                                             | 20A                          | 27,000                                                                             |                                                                                     | 015008                                   | 50A            | 89,000    |
|                                                                                     | 013325                                                                             | 25A                          | 27,000                                                                             |                                                                                     | 015010                                   | 63A            | 90,000    |
|                                                                                     | <b>10 x 38 with indicator</b>                                                      |                              |                                                                                    |                                                                                     | 015016                                   | 80A            | 101,000   |
| 013406                                                                              | 6A                                                                                 | 34,000                       | 015020                                                                             |                                                                                     | 100A                                     | 102,000        |           |
| 013408                                                                              | 8A                                                                                 | 34,000                       | 015025                                                                             |                                                                                     | 125A                                     | 102,000        |           |
| 013410                                                                              | 10A                                                                                | 34,000                       | <b>22 x 58 with indicator</b>                                                      |                                                                                     |                                          |                |           |
| 013416                                                                              | 16A                                                                                | 35,000                       | 015102                                                                             |                                                                                     | 25A                                      | 135,000        |           |
| 013420                                                                              | 20A                                                                                | 35,000                       | 015104                                                                             |                                                                                     | 32A                                      | 135,000        |           |
| 013425                                                                              | 25A                                                                                | 36,000                       | 015106                                                                             |                                                                                     | 40A                                      | 135,000        |           |
| <b>14 x 51 without indicator</b>                                                    |                                                                                    |                              | 015108                                                                             |                                                                                     | 50A                                      | 135,000        |           |
|  | 014316                                                                             | 10A                          | 68,000                                                                             |                                                                                     | 015110                                   | 63A            | 135,000   |
|                                                                                     | 014320                                                                             | 20A                          | 68,000                                                                             |                                                                                     | 015116                                   | 80A            | 135,000   |
|                                                                                     | 014325                                                                             | 25A                          | 68,000                                                                             |                                                                                     | 015120                                   | 100A           | 135,000   |
|                                                                                     | 014332                                                                             | 32A                          | 69,000                                                                             |                                                                                     | 015125                                   | 125A           | 135,000   |
|                                                                                     | 014340                                                                             | 40A                          | 72,000                                                                             | <b>10 x 38 without indicator</b>                                                    |                                          |                |           |
|                                                                                     | 014350                                                                             | 50A                          | 77,000                                                                             |  | 013002                                   | 2A             | 27,000    |
|                                                                                     | <b>14 x 51 with indicator</b>                                                      |                              |                                                                                    |                                                                                     | 013004                                   | 4A             | 28,000    |
| 014516                                                                              | 10A                                                                                | 98,000                       | 013006                                                                             |                                                                                     | 6A                                       | 27,000         |           |
| 014520                                                                              | 20A                                                                                | 98,000                       | 013008                                                                             |                                                                                     | 8A                                       | 27,000         |           |
| 014525                                                                              | 25A                                                                                | 98,000                       | 013010                                                                             |                                                                                     | 10A                                      | 28,000         |           |
| 014532                                                                              | 32A                                                                                | 98,000                       | 013016                                                                             |                                                                                     | 16A                                      | 28,000         |           |
| 014540                                                                              | 40A                                                                                | 98,000                       | 013020                                                                             |                                                                                     | 20A                                      | 28,000         |           |
| 014550                                                                              | 50A                                                                                | 102,000                      | 013025                                                                             |                                                                                     | 25A                                      | 28,000         |           |

| Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá | Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-----------|-----|

### For domestic cylindrical cartridge fuses

#### Lexic fuse carrier



|        |                    |         |
|--------|--------------------|---------|
| 005810 | 1P (8,5 x 23)      | 119,000 |
| 005811 | 1P (10,3 x 25,8)   | 117,000 |
| 005812 | 1P (8,5 x 31,5)    | 139,000 |
| 005813 | 1P (10,3 x 31,5)   | 142,000 |
| 005814 | 1P (10 x 38)       | 136,000 |
| 005820 | 1P+N (8,5 x 23)    | 153,000 |
| 005821 | 1P+N (10,3 x 25,8) | 151,000 |
| 005822 | 1P+N (8,5 x 31,5)  | 178,000 |
| 005823 | 1P+N (10,3 x 31,5) | 175,000 |
| 005824 | 1P+N (10 x 38)     | 175,000 |
| 005800 | 1P (5 x 20)        | 232,000 |
| 005802 | 1P+N (5 x 20)      | 268,000 |

### Isolating fuse carriers - cylindrical

#### Cartridge fuse



|        |                   |        |
|--------|-------------------|--------|
| 010306 | 6A (6,3 x 23)     | 39,000 |
| 010406 | 6A (8,5 x 23)     | 36,000 |
| 011310 | 10A (8,5 x 23)    | 32,000 |
| 011410 | 10A (8,5 x 23)    | 36,000 |
| 011610 | 10A (10,3 x 25,8) | 36,000 |
| 011616 | 16A (10,3 x 25,8) | 37,000 |
| 011716 | 16A (10,3 x 25,8) | 36,000 |
| 012320 | 20A (8,5 x 31,5)  | 31,000 |
| 012420 | 20A (8,5 x 31,5)  | 34,000 |
| 012616 | 16A (10,3 x 31,5) | 43,000 |
| 012620 | 20A (10,3 x 31,5) | 43,000 |
| 012625 | 25A (10,3 x 31,5) | 44,000 |
| 012725 | 25A (10,3 x 31,5) | 60,000 |
| 013332 | 32A (10 x 38)     | 29,000 |
| 013332 | 32A (10 x 38)     | 36,000 |

### Dimestic cartridge fuse - miniature type

#### 5 x 20



|        |       |        |
|--------|-------|--------|
| 010202 | 0,2A  | 22,000 |
| 010205 | 0,5A  | 22,000 |
| 010206 | 0,63A | 22,000 |
| 010210 | 1A    | 22,000 |
| 010220 | 2A    | 22,000 |
| 010230 | 3,15A | 22,000 |
| 010250 | 5A    | 22,000 |
| 010263 | 6,3A  | 22,000 |
| 010296 | 10A   | 22,000 |

### Isolating fuse carrier

#### Lexic fuse carrier



|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 005806 | 1P (8,5 x 31,5)   | 107,000 |
| 005808 | 1P (10 x 38)      | 105,000 |
| 005816 | 1P+N (8,5 x 31,5) | 137,000 |
| 005818 | 1P+N (10 x 38)    | 134,000 |
| 005826 | 2P (8,5 x 31,5)   | 232,000 |
| 005828 | 2P (10 x 38)      | 228,000 |
| 005836 | 3P (8,5 x 31,5)   | 329,000 |
| 005838 | 3P (10 x 38)      | 323,000 |
| 005846 | 3P+N (8,5 x 31,5) | 451,000 |
| 005848 | 3P+N (10 x 38)    | 445,000 |

| Sản phẩm                                                                         | Mã số  | Mô tả | Giá     |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------|---------|
| <b>Type gG/gL - size 00 - blade type fuse</b>                                    |        |       |         |
|  | 016318 | 25A   | 219,000 |
|                                                                                  | 016320 | 32A   | 209,000 |
|                                                                                  | 016322 | 35A   | 216,000 |
|                                                                                  | 016325 | 40A   | 216,000 |
|                                                                                  | 016330 | 50A   | 210,000 |
|                                                                                  | 016335 | 63A   | 209,000 |
|                                                                                  | 016340 | 80A   | 215,000 |
|                                                                                  | 016345 | 100A  | 209,000 |
|                                                                                  | 016350 | 125A  | 209,000 |
|                                                                                  | 016355 | 160A  | 209,000 |

|                                                                                   |        |                       |         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|---------|
| <b>Type gG/gL - size 0</b>                                                        |        |                       |         |
|  | 016835 | 63A - blade type      | 296,000 |
|                                                                                   | 016840 | 80A - blade type      | 283,000 |
|                                                                                   | 016845 | 100A - cartridge type | 301,000 |
|                                                                                   | 016850 | 125A - cartridge type | 324,000 |
|                                                                                   | 016855 | 160A - cartridge type | 324,000 |

|                                                                                    |        |                       |         |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|---------|
| <b>Type gG/gL - size 1</b>                                                         |        |                       |         |
|  | 017350 | 125A - cartridge type | 453,000 |
|                                                                                    | 017355 | 160A - cartridge type | 444,000 |
|                                                                                    | 017360 | 200A - cartridge type | 449,000 |
|                                                                                    | 017365 | 250A - cartridge type | 447,000 |

|                                                                                     |        |                       |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|---------|
| <b>Type gG/gL - size 2</b>                                                          |        |                       |         |
|  | 017860 | 200A - cartridge type | 486,000 |
|                                                                                     | 017865 | 250A - cartridge type | 512,000 |
|                                                                                     | 017870 | 315A - cartridge type | 533,000 |
|                                                                                     | 017875 | 400A - cartridge type | 660,000 |

| Sản phẩm                                                                          | Mã số  | Dòng điện         | Giá     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|---------|
| <b>Type aM ( motor rated ) - size 00</b>                                          |        |                   |         |
|  | 016035 | 63A - blade type  | 218,000 |
|                                                                                   | 016040 | 80A - blade type  | 216,000 |
|                                                                                   | 016045 | 100A - blade type | 216,000 |
|                                                                                   | 016050 | 125A - blade type | 210,000 |

|                                                                                   |        |                   |         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|---------|
| <b>Type aM ( motor rated ) - size 0</b>                                           |        |                   |         |
|  | 016635 | 63A - blade type  | 663,000 |
|                                                                                   | 016640 | 80A - blade type  | 658,000 |
|                                                                                   | 016645 | 100A - blade type | 658,000 |
|                                                                                   | 016650 | 125A - blade type | 694,000 |
|                                                                                   | 016655 | 160A - blade type | 694,000 |

|                                                                                    |        |                       |         |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|---------|
| <b>Type aM ( motor rated ) - size 1</b>                                            |        |                       |         |
|  | 017150 | 125A - cartridge type | 748,000 |
|                                                                                    | 017155 | 160A - cartridge type | 748,000 |
|                                                                                    | 017160 | 200A - cartridge type | 748,000 |
|                                                                                    | 017165 | 250A - cartridge type | 748,000 |

|                                                                                     |        |                       |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|-----------|
| <b>Type aM ( motor rated ) - size 2</b>                                             |        |                       |           |
|  | 017660 | 200A - cartridge type | 835,000   |
|                                                                                     | 017665 | 250A - cartridge type | 826,000   |
|                                                                                     | 017670 | 315A - cartridge type | 866,000   |
|                                                                                     | 017675 | 400A - cartridge type | 1,086,000 |

## PHỤ KIỆN

### Base for blade type cartridge fuses

|                                                                                     |        |                     |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|-----------|
|  | 019942 | 1P - S000/00 - 100A | 327,000   |
|                                                                                     | 019944 | 1P - S000/00 - 160A | 327,000   |
|                                                                                     | 019943 | 3P - S000/00 - 100A | 905,000   |
|                                                                                     | 019945 | 3P - S000/00 - 160A | 905,000   |
|                                                                                     | 019946 | 1P - S0 - 160A      | 432,000   |
|                                                                                     | 019948 | 1P - S1 - 250A      | 905,000   |
|                                                                                     | 019950 | 1P - S2 - 400A      | 1,106,000 |
|                                                                                     | 019947 | 1P - S0 - 160A + MS | 1,277,000 |
|                                                                                     | 019949 | 1P - S1 - 250A + MS | 1,653,000 |
|                                                                                     | 019951 | 1P - S2 - 400A + MS | 1,914,000 |

### Phụ kiện khác

|                                                                                     |        |                        |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------|---------|
|  | 019930 | Separ divider S00      | 93,000  |
|                                                                                     | 019931 | Separ divider S0       | 187,000 |
|                                                                                     | 019932 | Separ divider S1 - S2  | 288,000 |
|                                                                                     | 019935 | Terminal shield 1P S00 | 249,000 |
|                                                                                     | 019936 | Terminal shield 1P S0  | 318,000 |
|                                                                                     | 019937 | Terminal shield 1P S1  | 559,000 |
|                                                                                     | 019938 | Terminal shield 1P S2  | 557,000 |
|                                                                                     | 019939 | Terminal shield 3P S00 | 562,000 |

| Sản phẩm                                                                            | Mã số                                                                       | Dòng điện           | Giá                         | Sản phẩm                                                                            | Mã số          | Dòng điện             | Giá                   |                       |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------|
| SPDs for general protection of main distribution                                    |                                                                             |                     |                             | T2 SPDs                                                                             |                |                       |                       |                       |           |
| T1 + T2 TYPE/limp 12,5kA, I <sub>max</sub> 60kA - Very high risk                    |                                                                             |                     |                             | T2 - I <sub>max</sub> 40kA                                                          |                |                       |                       |                       |           |
|    | 412270                                                                      | 1P                  | 685,000                     |    | 412240         | 1P                    | 400,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412274                                                                      | 1P + N (Left)       | 1,679,000                   |                                                                                     | 412244         | 1P + N (Left)         | 1,050,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412276                                                                      | 1P + N (Right)      | 1,679,000                   |                                                                                     | 412246         | 1P + N (Right)        | 1,054,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412271                                                                      | 2P                  | 1,331,000                   |                                                                                     | 412241         | 2P                    | 761,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412272                                                                      | 3P                  | 2,229,000                   |                                                                                     | 412242         | 3P                    | 1,374,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412275                                                                      | 3P + N              | 3,856,000                   |                                                                                     | 412245         | 3P + N (Left)         | 1,750,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412277                                                                      | 3P + N              | 3,856,000                   |                                                                                     | 412247         | 3P + N (Right)        | 1,754,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412273                                                                      | 4P                  | 2,601,000                   |                                                                                     | 412243         | 4P                    | 1,460,000             |                       |           |
| T1 + T2 TYPE/limp 8kA, I <sub>max</sub> 50kA - High risk                            |                                                                             |                     |                             | T1 + T2 TYPE/limp 40kA, 440V (IT)                                                   |                |                       |                       |                       |           |
|     | 412250                                                                      | 1P                  | 566,000                     |    | 412230         | 1P                    | 444,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412254                                                                      | 1P + N (Left)       | 1,331,000                   |                                                                                     | 412232         | 3P                    | 1,516,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412256                                                                      | 1P + N (Right)      | 1,321,000                   |                                                                                     | 412233         | 4P                    | 1,949,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412251                                                                      | 2P                  | 1,093,000                   |                                                                                     |                |                       |                       |                       |           |
|                                                                                     | 412252                                                                      | 3P                  | 1,608,000                   | T2 TYPE I <sub>max</sub> 20kA (N left/right )                                       |                |                       |                       |                       |           |
|                                                                                     | 412255                                                                      | 3P + N (Left)       | 2,355,000                   |  | 412220         | 1P                    | 340,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412257                                                                      | 3P + N (Right)      | 2,353,000                   |                                                                                     | 412224         | 1P + N (Left)         | 990,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412253                                                                      | 4P                  | 2,125,000                   |                                                                                     | 412226         | 1P + N (Right)        | 994,000               |                       |           |
| SPDs for high risk level installations                                              |                                                                             |                     |                             |                                                                                     | 412221         | 2P                    | 640,000               |                       |           |
| T1 + T2 TYPE/limp 35kA/pole, 440V~                                                  |                                                                             |                     |                             |                                                                                     | 412225         | 3P + N (Left)         | 1,570,000             |                       |           |
|  | 412280                                                                      | 1P                  | 7,227,000                   | 412227                                                                              | 3P + N (Right) | 1,586,000             |                       |                       |           |
|                                                                                     | T1 + T2 TYPE/limp 25kA/pole, 440V                                           |                     |                             |                                                                                     | 412223         | 4P                    | 1,221,000             |                       |           |
|                                                                                     | 412281                                                                      | 1P + N              | 11,094,000                  | SPDs for telephone and data lines                                                   |                |                       |                       |                       |           |
|                                                                                     | 412282                                                                      | 3P                  | 16,734,000                  | Analog SPD                                                                          |                |                       |                       |                       |           |
| 412283                                                                              | 3P + N                                                                      | 18,176,000          | 003828                      |                                                                                     |                |                       | I <sub>max</sub> 10kA | 1,433,000             |           |
| SPDs with intergrated protection                                                    |                                                                             |                     |                             | Digital SPD                                                                         |                |                       |                       |                       |           |
| T2 seft protected SPDs - I <sub>max</sub> 12kA/pole for consumer unit               |                                                                             |                     |                             | 003829                                                                              |                |                       |                       | I <sub>max</sub> 10kA | 1,336,000 |
|  | 003951                                                                      | 1P + N (Left)       | 1,624,000                   | T2 seft protected SPDs - I <sub>max</sub> 12kA/pole for distribution boards         |                |                       |                       |                       |           |
|                                                                                     | 003953                                                                      | 3P + N (Left)       | 3,920,000                   |  | 003971         | 1P + N (Left)         | 2,233,000             |                       |           |
|                                                                                     | T2 seft protected SPDs - I <sub>max</sub> 12kA/pole for distribution boards |                     |                             |                                                                                     | 003973         | 3P + N (Left)         | 5,061,000             |                       |           |
|                                                                                     | 003971                                                                      | 1P + N (Left)       | 2,233,000                   |                                                                                     | Phụ kiện       |                       |                       |                       |           |
| 003973                                                                              | 3P + N (Left)                                                               | 5,061,000           | Replacement plug-in modules |                                                                                     |                |                       |                       |                       |           |
| Replacement plug-in modules                                                         |                                                                             |                     |                             | Replacement plug-in modules                                                         |                |                       |                       |                       |           |
|  | T1 + T2                                                                     |                     |                             |  | T2             |                       |                       |                       |           |
|                                                                                     | 412302                                                                      | 8kA                 | 460,000                     |                                                                                     | 412299         | 40kA                  | 294,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412303                                                                      | 12,5kA              | 579,000                     |                                                                                     | 412300         | 40kA N-PE             | 586,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412284                                                                      | 25kA                | 4,419,000                   |                                                                                     | 412301         | 40kA - 440V           | 338,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412285                                                                      | 25kA (N - PE)       | 4,151,000                   |                                                                                     | 412297         | 20kA                  | 234,000               |                       |           |
|                                                                                     | 412286                                                                      | 25kA                | 5,303,000                   |                                                                                     | 412298         | 20kA N-PE             | 586,000               |                       |           |
| Cabling accessories                                                                 |                                                                             |                     |                             | Replacement plug-in modules                                                         |                |                       |                       |                       |           |
|   | 412310                                                                      | 16 mm - Length 40cm | 607,000                     |  | 003954         | Volt.surge prot.spare | 1,096,000             |                       |           |
|                                                                                     |                                                                             |                     |                             |                                                                                     | 003974         | Volt.surge prot       | 1,382,000             |                       |           |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số            | Dòng điện | Giá     | Sản phẩm                                                                             | Mã số         | Dòng điện | Giá     |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|---------|
| <b>MCBs RX<sup>3</sup> 6kA</b>                                                     |                  |           |         | <b>MCBs TX<sup>3</sup> 10kA</b>                                                      |               |           |         |
|    | 419837           | 6A        | 73,500  |     | 404167        | 6A        | 121,000 |
|                                                                                    | 419838           | 10A       | 73,500  |                                                                                      | 404169        | 10A       | 110,000 |
|                                                                                    | 419840           | 16A       | 73,500  |                                                                                      | 404171        | 16A       | 110,000 |
|                                                                                    | 419841           | 20A       | 75,000  |                                                                                      | 404172        | 20A       | 115,000 |
|                                                                                    | 419842           | 25A       | 75,500  |                                                                                      | 404173        | 25A       | 118,000 |
|                                                                                    | 419843           | 32A       | 76,000  |                                                                                      | 404174        | 32A       | 124,000 |
|                                                                                    | 419844           | 40A       | 78,000  |                                                                                      | 404175        | 40A       | 133,000 |
|                                                                                    | 419845           | 50A       | 102,500 |                                                                                      | 404176        | 50A       | 152,000 |
|                                                                                    | 419846           | 63A       | 102,500 |                                                                                      | 404177        | 63A       | 162,000 |
| <b>2P ~ 230/400V</b>                                                               |                  |           |         | <b>2P ~ 230/400V</b>                                                                 |               |           |         |
|    | 419870           | 6A        | 151,000 |     | 404201        | 6A        | 254,000 |
|                                                                                    | 419871           | 10A       | 151,000 |                                                                                      | 404203        | 10A       | 231,000 |
|                                                                                    | 419873           | 16A       | 151,000 |                                                                                      | 404205        | 16A       | 231,000 |
|                                                                                    | 419874           | 20A       | 158,000 |                                                                                      | 404206        | 20A       | 232,000 |
|                                                                                    | 419875           | 25A       | 166,000 |                                                                                      | 404207        | 25A       | 243,000 |
|                                                                                    | 419876           | 32A       | 173,500 |                                                                                      | 404208        | 32A       | 263,000 |
|                                                                                    | 419877           | 40A       | 173,500 |                                                                                      | 404209        | 40A       | 280,000 |
|                                                                                    | 419878           | 50A       | 228,500 |                                                                                      | 404210        | 50A       | 320,000 |
|                                                                                    | 419879           | 63A       | 228,500 |                                                                                      | 404211        | 63A       | 340,000 |
| <b>3P ~ 230/400V</b>                                                               |                  |           |         | <b>3P ~ 230/400V</b>                                                                 |               |           |         |
|  | 419881           | 6A        | 211,500 |  | 404218        | 6A        | 380,000 |
|                                                                                    | 419882           | 10A       | 211,500 |                                                                                      | 404220        | 10A       | 331,000 |
|                                                                                    | 419884           | 16A       | 211,500 |                                                                                      | 404222        | 16A       | 331,000 |
|                                                                                    | 419885           | 20A       | 221,500 |                                                                                      | 404223        | 20A       | 347,000 |
|                                                                                    | 419886           | 25A       | 231,500 |                                                                                      | 404224        | 25A       | 364,000 |
|                                                                                    | 419887           | 32A       | 249,000 |                                                                                      | 404225        | 32A       | 414,000 |
|                                                                                    | 419888           | 40A       | 249,000 |                                                                                      | 404226        | 40A       | 429,000 |
|                                                                                    | 419889           | 50A       | 373,000 |                                                                                      | 404227        | 50A       | 520,000 |
|                                                                                    | 419890           | 63A       | 373,000 |                                                                                      | 404228        | 63A       | 527,000 |
| <b>4P ~ 230/400V</b>                                                               |                  |           |         | <b>4P ~ 230/400V</b>                                                                 |               |           |         |
|  | 419914           | 6A        | 352,000 |  | 404252        | 6A        | 530,000 |
|                                                                                    | 419915           | 10A       | 352,000 |                                                                                      | 404254        | 10A       | 461,000 |
|                                                                                    | 419917           | 16A       | 352,000 |                                                                                      | 404256        | 16A       | 461,000 |
|                                                                                    | 419918           | 20A       | 352,000 |                                                                                      | 404257        | 20A       | 484,000 |
|                                                                                    | 419919           | 25A       | 369,000 |                                                                                      | 404258        | 25A       | 507,000 |
|                                                                                    | 419920           | 32A       | 389,000 |                                                                                      | 404259        | 32A       | 576,000 |
|                                                                                    | 419921           | 40A       | 422,000 |                                                                                      | 404260        | 40A       | 646,000 |
|                                                                                    | 419922           | 50A       | 464,500 |                                                                                      | 404261        | 50A       | 738,000 |
|                                                                                    | 419923           | 63A       | 524,500 |                                                                                      | 404262        | 63A       | 750,000 |
| <b>RCCBs RX<sup>3</sup> AC type</b>                                                |                  |           |         | <b>4P ~ 400V</b>                                                                     |               |           |         |
|  | <b>2P ~ 230V</b> |           |         | <b>30 mA</b>                                                                         |               |           |         |
|                                                                                    | 402024           | 25A       | 551,000 |  | 402062        | 25A       | 713,000 |
|                                                                                    | 402025           | 40A       | 609,000 |                                                                                      | 402063        | 40A       | 779,000 |
|                                                                                    | 402026           | 63A       | 629,000 |                                                                                      | 402064        | 63A       | 848,000 |
|                                                                                    | <b>100 mA</b>    |           |         |                                                                                      | <b>100 mA</b> |           |         |
|                                                                                    | 402028           | 25A       | 579,000 |                                                                                      | 402066        | 25A       | 713,000 |
|                                                                                    | 402029           | 40A       | 557,000 |                                                                                      | 402067        | 40A       | 779,000 |
|                                                                                    | 402030           | 63A       | 707,000 |                                                                                      | 402068        | 63A       | 848,000 |
|                                                                                    | <b>300 mA</b>    |           |         |                                                                                      | <b>300 mA</b> |           |         |
|                                                                                    | 402032           | 25A       | 575,000 |                                                                                      | 402070        | 25A       | 713,000 |
|                                                                                    | 402033           | 40A       | 595,000 |                                                                                      | 402071        | 40A       | 779,000 |
|                                                                                    | 402034           | 63A       | 660,000 |                                                                                      | 402072        | 63A       | 848,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số                | Dòng điện | Giá       | Sản phẩm                                                                            | Mã số                | Dòng điện | Giá       |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|-----------|
| <b>MCBs DX<sup>3</sup> 10kA</b>                                                    |                      |           |           | <b>MCBs DX<sup>3</sup> 25kA</b>                                                     |                      |           |           |
|    | <b>1P ~ 230/400V</b> |           |           |    | <b>1P ~ 230/400V</b> |           |           |
|                                                                                    | 409111               | 6A        | 171,500   |                                                                                     | 409753               | 6A        | 349,000   |
|                                                                                    | 409112               | 10A       | 171,500   |                                                                                     | 409754               | 10A       | 349,000   |
|                                                                                    | 409114               | 16A       | 171,500   |                                                                                     | 409755               | 16A       | 349,000   |
|                                                                                    | 409115               | 20A       | 180,000   |                                                                                     | 409756               | 20A       | 349,000   |
|                                                                                    | 409116               | 25A       | 188,500   |                                                                                     | 409757               | 25A       | 349,000   |
|                                                                                    | 409117               | 32A       | 198,000   |                                                                                     | 409758               | 32A       | 381,000   |
|                                                                                    | 409118               | 40A       | 210,000   |                                                                                     | 409759               | 40A       | 381,000   |
|                                                                                    | 409119               | 50A       | 246,000   |                                                                                     | 409760               | 50A       | 508,000   |
|                                                                                    | 409120               | 63A       | 299,500   |                                                                                     | 409761               | 63A       | 619,000   |
|                                                                                    | 409140               | 80A       | 785,500   |                                                                                     | 409762               | 80A       | 996,000   |
|                                                                                    | 409141               | 100A      | 838,000   |                                                                                     | 409763               | 100A      | 1,049,000 |
|                                                                                    | 409142               | 125A      | 873,000   |                                                                                     | 409764               | 125A      | 1,169,000 |
| <b>2P ~ 230/400V</b>                                                               |                      |           |           | <b>2P ~ 230/400V</b>                                                                |                      |           |           |
|   | 409199               | 6A        | 343,000   |   | 409765               | 6A        | 698,000   |
|                                                                                    | 409200               | 10A       | 343,000   |                                                                                     | 409766               | 10A       | 698,000   |
|                                                                                    | 409202               | 16A       | 343,000   |                                                                                     | 409768               | 16A       | 698,000   |
|                                                                                    | 409203               | 20A       | 360,000   |                                                                                     | 409769               | 20A       | 698,000   |
|                                                                                    | 409204               | 25A       | 423,000   |                                                                                     | 409770               | 25A       | 698,000   |
|                                                                                    | 409205               | 32A       | 446,000   |                                                                                     | 409771               | 32A       | 761,000   |
|                                                                                    | 409206               | 40A       | 472,000   |                                                                                     | 409772               | 40A       | 761,000   |
|                                                                                    | 409207               | 50A       | 554,000   |                                                                                     | 409773               | 50A       | 1,015,000 |
|                                                                                    | 409208               | 63A       | 674,000   |                                                                                     | 409774               | 63A       | 1,237,000 |
|                                                                                    | 409228               | 80A       | 1,649,500 |                                                                                     | 409775               | 80A       | 1,991,000 |
|                                                                                    | 409229               | 100A      | 1,759,500 |                                                                                     | 409776               | 100A      | 2,097,000 |
|                                                                                    | 409230               | 125A      | 1,833,000 |                                                                                     | 409777               | 125A      | 2,339,000 |
| <b>3P ~ 230/400V</b>                                                               |                      |           |           | <b>3P ~ 230/400V</b>                                                                |                      |           |           |
|  | 409251               | 6A        | 540,600   |  | 409778               | 6A        | 1,151,000 |
|                                                                                    | 409252               | 10A       | 540,600   |                                                                                     | 409779               | 10A       | 1,151,000 |
|                                                                                    | 409254               | 16A       | 540,600   |                                                                                     | 409781               | 16A       | 1,151,000 |
|                                                                                    | 409255               | 20A       | 540,600   |                                                                                     | 409782               | 20A       | 1,151,000 |
|                                                                                    | 409256               | 25A       | 565,000   |                                                                                     | 409783               | 25A       | 1,151,000 |
|                                                                                    | 409257               | 32A       | 594,000   |                                                                                     | 409784               | 32A       | 1,256,000 |
|                                                                                    | 409258               | 40A       | 629,000   |                                                                                     | 409785               | 40A       | 1,256,000 |
|                                                                                    | 409259               | 50A       | 739,000   |                                                                                     | 409786               | 50A       | 1,682,000 |
|                                                                                    | 409260               | 63A       | 899,000   |                                                                                     | 409787               | 63A       | 1,856,000 |
|                                                                                    | 409280               | 80A       | 2,344,000 |                                                                                     | 409788               | 80A       | 2,987,000 |
|                                                                                    | 409281               | 100A      | 2,500,000 |                                                                                     | 409789               | 100A      | 3,146,000 |
|                                                                                    | 409282               | 125A      | 2,604,000 |                                                                                     | 409790               | 125A      | 3,508,000 |
| <b>4P ~ 230/400V</b>                                                               |                      |           |           | <b>4P ~ 230/400V</b>                                                                |                      |           |           |
|  | 409333               | 6A        | 721,000   |  | 409791               | 6A        | 1,535,000 |
|                                                                                    | 409334               | 10A       | 733,000   |                                                                                     | 409792               | 10A       | 1,535,000 |
|                                                                                    | 409336               | 16A       | 686,000   |                                                                                     | 409794               | 16A       | 1,535,000 |
|                                                                                    | 409337               | 20A       | 721,000   |                                                                                     | 409795               | 20A       | 1,535,000 |
|                                                                                    | 409338               | 25A       | 753,000   |                                                                                     | 409796               | 25A       | 1,535,000 |
|                                                                                    | 409339               | 32A       | 793,000   |                                                                                     | 409797               | 32A       | 1,599,000 |
|                                                                                    | 409340               | 40A       | 839,000   |                                                                                     | 409798               | 40A       | 1,599,000 |
|                                                                                    | 409341               | 50A       | 1,047,000 |                                                                                     | 409799               | 50A       | 2,030,000 |
|                                                                                    | 409342               | 63A       | 1,199,000 |                                                                                     | 409800               | 63A       | 2,474,000 |
|                                                                                    | 409362               | 80A       | 3,299,000 |                                                                                     | 409801               | 80A       | 3,982,000 |
|                                                                                    | 409363               | 100A      | 3,519,000 |                                                                                     | 409802               | 100A      | 4,195,000 |
|                                                                                    | 409364               | 125A      | 3,665,000 |                                                                                     | 409803               | 125A      | 4,677,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số                                     | Dòng điện | Giá                      | Sản phẩm                                                                             | Mã số  | Dòng điện | Giá       |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|-----------|
| <b>MCBs DX<sup>3</sup> 50kA</b>                                                    |                                           |           |                          | <b>RCBOs DX<sup>3</sup> 6kA</b>                                                      |        |           |           |
|   | <b>1P ~ 230/400V</b>                      |           |                          | <b>1P+N, IΔn = 30mA</b>                                                              |        |           |           |
|                                                                                    | 410134                                    | 10A       | 1,474,000                |     | 410999 | 6A        | 916,000   |
|                                                                                    | 410135                                    | 16A       | 1,474,000                |                                                                                      | 411000 | 10A       | 916,000   |
|                                                                                    | 410136                                    | 20A       | 1,474,000                |                                                                                      | 411002 | 16A       | 916,000   |
|                                                                                    | 410137                                    | 25A       | 1,474,000                |                                                                                      | 411003 | 20A       | 916,000   |
|                                                                                    | 410138                                    | 32A       | 1,474,000                |                                                                                      | 411004 | 25A       | 916,000   |
|                                                                                    | 410139                                    | 40A       | 1,474,000                |                                                                                      | 411005 | 32A       | 916,000   |
|                                                                                    | 410140                                    | 50A       | 1,608,000                |                                                                                      | 411006 | 40A       | 1,289,000 |
| 410141                                                                             | 63A                                       | 1,608,000 | <b>1P+N, IΔn = 300mA</b> |                                                                                      |        |           |           |
|    | <b>2P ~ 230/400V</b>                      |           |                          |     | 411021 | 6A        | 1,466,000 |
|                                                                                    | 410147                                    | 10A       | 2,527,000                |                                                                                      | 411022 | 10A       | 1,466,000 |
|                                                                                    | 410148                                    | 16A       | 2,527,000                |                                                                                      | 411024 | 16A       | 1,466,000 |
|                                                                                    | 410149                                    | 20A       | 2,527,000                |                                                                                      | 411025 | 20A       | 1,466,000 |
|                                                                                    | 410150                                    | 25A       | 2,527,000                |                                                                                      | 411026 | 25A       | 1,466,000 |
|                                                                                    | 410151                                    | 32A       | 2,757,000                |                                                                                      | 411027 | 32A       | 1,466,000 |
|                                                                                    | 410152                                    | 40A       | 2,757,000                |                                                                                      | 411028 | 40A       | 1,728,000 |
|                                                                                    | 410153                                    | 50A       | 3,676,000                | <b>2P, IΔn = 30mA</b>                                                                |        |           |           |
|                                                                                    | 410154                                    | 63A       | 4,480,000                |   | 411157 | 10A       | 1,814,000 |
| <b>3P ~ 230/400V</b>                                                               |                                           |           | 411158                   |                                                                                      | 16A    | 1,742,000 |           |
|   | 410160                                    | 10A       | 4,170,000                |                                                                                      | 411159 | 20A       | 2,039,000 |
|                                                                                    | 410161                                    | 16A       | 4,170,000                |                                                                                      | 411160 | 25A       | 2,039,000 |
|                                                                                    | 410162                                    | 20A       | 4,170,000                |                                                                                      | 411161 | 32A       | 2,052,000 |
|                                                                                    | 410163                                    | 25A       | 4,170,000                |                                                                                      | 411162 | 40A       | 2,067,000 |
|                                                                                    | 410164                                    | 32A       | 4,549,000                |                                                                                      | 411163 | 50A       | 2,067,000 |
|                                                                                    | 410165                                    | 40A       | 4,549,000                |                                                                                      | 411164 | 63A       | 2,225,000 |
|                                                                                    | 410166                                    | 50A       | 6,093,000                | <b>2P, IΔn = 300mA</b>                                                               |        |           |           |
|                                                                                    | 410167                                    | 63A       | 6,720,000                |  | 411171 | 10A       | 2,225,000 |
|                                                                                    | <b>4P ~ 230/400V</b>                      |           |                          |                                                                                      | 411172 | 16A       | 2,225,000 |
|  | 410173                                    | 10A       | 5,560,000                |                                                                                      | 411173 | 20A       | 2,548,000 |
|                                                                                    | 410174                                    | 16A       | 5,560,000                |                                                                                      | 411174 | 25A       | 3,131,000 |
|                                                                                    | 410175                                    | 20A       | 5,560,000                |                                                                                      | 411175 | 32A       | 3,131,000 |
|                                                                                    | 410176                                    | 25A       | 5,560,000                |                                                                                      | 411176 | 40A       | 3,131,000 |
|                                                                                    | 410177                                    | 32A       | 5,790,000                |                                                                                      | 411177 | 50A       | 3,131,000 |
|                                                                                    | 410178                                    | 40A       | 5,790,000                |                                                                                      | 411178 | 63A       | 3,131,000 |
|                                                                                    | 410179                                    | 50A       | 7,352,000                | <b>4P, IΔn = 30mA - 4 modules</b>                                                    |        |           |           |
|                                                                                    | 410180                                    | 63A       | 8,961,000                |   | 411185 | 10A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | <b>MCBs DX<sup>3</sup> 16kA - DC type</b> |           |                          |                                                                                      | 411186 | 16A       | 3,466,000 |
| <b>2P - 12V/500V</b>                                                               |                                           |           | 411187                   |                                                                                      | 20A    | 3,466,000 |           |
|  | 409565                                    | 6A        | 575,000                  |                                                                                      | 411188 | 25A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409566                                    | 8A        | 547,000                  |                                                                                      | 411189 | 32A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409567                                    | 10A       | 483,000                  | <b>4P, IΔn = 300mA - 4 modules</b>                                                   |        |           |           |
|                                                                                    | 409568                                    | 16A       | 484,000                  |   | 411204 | 10A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409569                                    | 20A       | 512,000                  |                                                                                      | 411205 | 16A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409570                                    | 25A       | 512,000                  |                                                                                      | 411206 | 20A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409571                                    | 32A       | 522,000                  |                                                                                      | 411207 | 25A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409572                                    | 40A       | 522,000                  |                                                                                      | 411208 | 32A       | 3,466,000 |
|                                                                                    | 409573                                    | 50A       | 528,000                  | <b>4P, IΔn = 30mA - 7 modules</b>                                                    |        |           |           |
|                                                                                    | 409574                                    | 63A       | 539,000                  |  | 411190 | 10A       | 3,682,000 |
| <b>MCBs DX<sup>3</sup> DC type</b>                                                 |                                           |           | 411191                   |                                                                                      | 50A    | 3,899,000 |           |
| <b>2P - 800V</b>                                                                   |                                           |           | 411192                   |                                                                                      | 63A    | 4,116,000 |           |
|  | 414424                                    | 6A        | 1,800,000                | <b>4P, IΔn = 300mA - 7 modules</b>                                                   |        |           |           |
|                                                                                    | 414425                                    | 8A        | 1,743,000                |  | 411209 | 40A       | 3,682,000 |
|                                                                                    | 414426                                    | 10A       | 1,603,000                |                                                                                      | 411210 | 50A       | 3,899,000 |
|                                                                                    | 414427                                    | 13A       | 1,671,000                |                                                                                      | 411211 | 63A       | 4,116,000 |
|                                                                                    | 414428                                    | 16A       | 1,599,000                |                                                                                      |        |           |           |
|                                                                                    | 414429                                    | 20A       | 1,632,000                |                                                                                      |        |           |           |

Sản phẩm

Mã số

Dòng điện

Giá

Sản phẩm

Mã số

Dòng điện

Giá

### MCCB DRX125 loại cố định

#### 3P - 20kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 027020 | 15A  | 1,031,000 |
| 027021 | 20A  | 1,031,000 |
| 027022 | 25A  | 1,031,000 |
| 027023 | 30A  | 1,031,000 |
| 027024 | 40A  | 1,031,000 |
| 027025 | 50A  | 1,039,000 |
| 027026 | 63A  | 1,039,000 |
| 027027 | 75A  | 1,039,000 |
| 027257 | 80A  | 1,039,000 |
| 027028 | 100A | 1,039,000 |
| 027221 | 125A | 1,043,000 |

#### 3P - 36kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 027060 | 15A  | 1,221,000 |
| 027061 | 20A  | 1,221,000 |
| 027062 | 25A  | 1,221,000 |
| 027063 | 30A  | 1,221,000 |
| 027064 | 40A  | 1,221,000 |
| 027065 | 50A  | 1,221,000 |
| 027066 | 63A  | 1,340,000 |
| 027067 | 75A  | 1,340,000 |
| 027259 | 80A  | 1,340,000 |
| 027068 | 100A | 1,340,000 |
| 027225 | 125A | 1,941,000 |

#### 4P - 20kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 027030 | 15A  | 1,914,000 |
| 027031 | 20A  | 1,914,000 |
| 027032 | 25A  | 1,914,000 |
| 027033 | 30A  | 1,943,000 |
| 027034 | 40A  | 1,943,000 |
| 027035 | 50A  | 1,943,000 |
| 027222 | 63A  | 1,943,000 |
| 027037 | 75A  | 1,943,000 |
| 027038 | 100A | 1,943,000 |
| 027223 | 125A | 1,943,000 |

#### 4P - 36kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 027070 | 15A  | 1,943,000 |
| 027071 | 20A  | 1,943,000 |
| 027072 | 25A  | 1,943,000 |
| 027073 | 30A  | 1,959,000 |
| 027074 | 40A  | 1,959,000 |
| 027075 | 50A  | 1,959,000 |
| 027026 | 63A  | 1,971,000 |
| 027077 | 75A  | 1,971,000 |
| 027078 | 100A | 1,971,000 |
| 027227 | 125A | 1,971,000 |

### MCCB DRX125 loại điều chỉnh

#### 3P - 25kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 667350 | 16A  | 1,462,000 |
| 667351 | 20A  | 1,462,000 |
| 667352 | 25A  | 1,462,000 |
| 667353 | 32A  | 1,462,000 |
| 667354 | 40A  | 1,462,000 |
| 667355 | 50A  | 1,462,000 |
| 667356 | 63A  | 1,462,000 |
| 667357 | 80A  | 1,462,000 |
| 667358 | 100A | 1,462,000 |
| 667359 | 125A | 1,462,000 |

#### 3P - 36kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 667370 | 16A  | 1,462,000 |
| 667371 | 20A  | 1,462,000 |
| 667372 | 25A  | 1,462,000 |
| 667373 | 32A  | 1,462,000 |
| 667374 | 40A  | 1,462,000 |
| 667375 | 50A  | 1,462,000 |
| 667376 | 63A  | 1,462,000 |
| 667377 | 80A  | 1,462,000 |
| 667378 | 100A | 1,462,000 |
| 667379 | 125A | 1,462,000 |

#### 4P - 25kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 667360 | 16A  | 2,437,000 |
| 667361 | 20A  | 2,437,000 |
| 667362 | 25A  | 2,437,000 |
| 667363 | 32A  | 2,437,000 |
| 667364 | 40A  | 2,437,000 |
| 667365 | 50A  | 2,437,000 |
| 667366 | 63A  | 2,437,000 |
| 667367 | 80A  | 2,437,000 |
| 667368 | 100A | 2,437,000 |
| 667369 | 125A | 2,437,000 |

#### 4P - 36kA



|        |      |           |
|--------|------|-----------|
| 667380 | 16A  | 2,437,000 |
| 667381 | 20A  | 2,437,000 |
| 667382 | 25A  | 2,437,000 |
| 667383 | 32A  | 2,437,000 |
| 667384 | 40A  | 2,437,000 |
| 667385 | 50A  | 2,437,000 |
| 667386 | 63A  | 2,437,000 |
| 667387 | 80A  | 2,437,000 |
| 667388 | 100A | 2,437,000 |
| 667359 | 125A | 2,437,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số     | Dòng điện | Giá       | Sản phẩm                                                                            | Mã số     | Dòng điện | Giá       |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| MCCB DRX250 loại cố định                                                           |           |           |           |                                                                                     |           |           |           |
|    | 3P - 25kA |           |           |    | 3P - 36kA |           |           |
|                                                                                    | 427112    | 125A      | 1,896,000 |                                                                                     | 427124    | 125A      | 1,941,000 |
|                                                                                    | 427113    | 150A      | 1,939,000 |                                                                                     | 427125    | 150A      | 2,128,000 |
|                                                                                    | 027230    | 160A      | 1,939,000 |                                                                                     | 027232    | 160A      | 2,128,000 |
|                                                                                    | 427114    | 175A      | 1,939,000 |                                                                                     | 427126    | 175A      | 2,128,000 |
|                                                                                    | 427115    | 200A      | 1,995,000 |                                                                                     | 427127    | 200A      | 2,570,000 |
|                                                                                    | 427116    | 225A      | 1,995,000 |                                                                                     | 427128    | 225A      | 2,356,000 |
|                                                                                    | 427117    | 250A      | 1,995,000 |                                                                                     | 427129    | 250A      | 2,356,000 |
|    | 4P - 25kA |           |           |    | 4P - 36kA |           |           |
|                                                                                    | 027118    | 125A      | 3,016,000 |                                                                                     | 027130    | 125A      | 3,036,000 |
|                                                                                    | 027119    | 150A      | 3,456,000 |                                                                                     | 427131    | 150A      | 3,605,000 |
|                                                                                    | 027231    | 160A      | 3,446,000 |                                                                                     | 027233    | 160A      | 3,605,000 |
|                                                                                    | 027120    | 175A      | 3,456,000 |                                                                                     | 027132    | 175A      | 3,605,000 |
|                                                                                    | 027121    | 200A      | 3,815,000 |                                                                                     | 027133    | 200A      | 4,425,000 |
|                                                                                    | 027122    | 225A      | 3,815,000 |                                                                                     | 427134    | 225A      | 4,425,000 |
|                                                                                    | 027123    | 250A      | 3,815,000 |                                                                                     | 427135    | 250A      | 4,425,000 |
| MCCB DRX250 loại điều chỉnh                                                        |           |           |           |                                                                                     |           |           |           |
|  | 3P - 25kA |           |           |  | 3P - 36kA |           |           |
|                                                                                    | 667392    | 160A      | 2,681,000 |                                                                                     | 667397    | 160A      | 2,681,000 |
|                                                                                    | 667393    | 200A      | 2,681,000 |                                                                                     | 667398    | 200A      | 2,681,000 |
|                                                                                    | 667394    | 250A      | 2,681,000 |                                                                                     | 667399    | 250A      | 2,681,000 |
|                                                                                    | 4P - 25kA |           |           |                                                                                     | 4P - 36kA |           |           |
|                                                                                    | 667402    | 160A      | 3,412,000 |                                                                                     | 667407    | 160A      | 3,412,000 |
|                                                                                    | 667403    | 200A      | 3,412,000 |                                                                                     | 667408    | 200A      | 3,412,000 |
|                                                                                    | 667404    | 250A      | 3,412,000 |                                                                                     | 667409    | 250A      | 3,412,000 |

| Sản phẩm                                          | Mã số  | Mô tả            | Giá       | Sản phẩm                                  | Mã số  | Mô tả                 | Giá     |
|---------------------------------------------------|--------|------------------|-----------|-------------------------------------------|--------|-----------------------|---------|
| <b>PHỤ KIỆN CHO DRX 125</b>                       |        |                  |           | <b>Tấm chắn bảo vệ tiếp điểm</b>          |        |                       |         |
| <b>Khung đỡ để lắp trên DIN rail - 3P và 4P</b>   |        |                  |           |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027187 | Dùng cho DRX 125 | 119,000   |                                           | 027183 | 3P Bộ 2 tấm chắn      | 300,000 |
|                                                   |        |                  |           |                                           | 027184 | 4P Bộ 2 tấm chắn      | 324,000 |
| <b>Tay nắm dạng xoay</b>                          |        |                  |           | <b>Tiếp điểm dạng khung</b>               |        |                       |         |
|                                                   | 027176 | Trực tiếp        | 1,437,000 |                                           | 027170 | 3P - Đến 50A          | 279,000 |
|                                                   | 027077 | Nối dài          | 2,366,000 |                                           | 027171 | 3P - Từ 60 - 100A     | 291,000 |
|                                                   |        |                  |           |                                           | 027172 | 4P - Đến 50A          | 325,000 |
|                                                   |        |                  |           |                                           | 027173 | 4P - Từ 60 - 100A     | 341,000 |
| <b>PHỤ KIỆN CHO DRX 250</b>                       |        |                  |           | <b>Tấm chắn bảo vệ tiếp điểm</b>          |        |                       |         |
| <b>Khung đỡ để lắp trên DIN rail - 3P và 4P</b>   |        |                  |           |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027188 | Dùng cho DRX 250 | 291,000   |                                           | 027185 | 3P Bộ 2 tấm chắn      | 335,000 |
|                                                   |        |                  |           |                                           | 027186 | 4P Bộ 2 tấm chắn      | 361,000 |
| <b>Tay nắm dạng xoay</b>                          |        |                  |           | <b>Tiếp điểm dạng khung</b>               |        |                       |         |
|                                                   | 027178 | Trực tiếp        | 1,709,000 |                                           | 027174 | 3P - Đến 250A         | 695,000 |
|                                                   | 027179 | Nối dài          | 2,715,000 |                                           | 027775 | 4P - Đến 250A         | 861,000 |
| <b>PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO DRX 125 VÀ DRX 250</b> |        |                  |           | <b>Tiếp điểm phụ ( chỉ lắp bên trái )</b> |        |                       |         |
| <b>Undervoltage Releases</b>                      |        |                  |           |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027160 | 12V~ / =         | 2,963,000 |                                           | 027140 | 1 auxiliary (1AUX)    | 742,000 |
|                                                   | 027161 | 24V~ / =         | 2,963,000 |                                           | 027141 | 1 alarm (1AL)         | 742,000 |
|                                                   | 027162 | 48V~ / =         | 2,963,000 |                                           | 027142 | 1 auxiliary + 1 alarm | 892,000 |
|                                                   | 027163 | 110/130V~ / =    | 2,963,000 | <b>Pad lock</b>                           |        |                       |         |
|                                                   | 027164 | 200/240V~ / =    | 2,963,000 |                                           | 027180 | Tối đa 3 khóa         | 276,000 |
|                                                   | 027165 | 380/415V~ / =    | 2,963,000 | <b>Tấm chắn pha</b>                       |        |                       |         |
| <b>Shunt trips</b>                                |        |                  |           |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027150 | 12V~ / =         | 1,234,000 |                                           | 027181 | 3P Bộ 2 tấm chắn      | 121,000 |
|                                                   | 027151 | 24V~ / =         | 1,234,000 |                                           | 027182 | 4P Bộ 2 tấm chắn      | 147,000 |
|                                                   | 027152 | 48V~ / =         | 1,234,000 |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027153 | 110/130V~ / =    | 1,234,000 |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027154 | 200/277V~ / =    | 1,234,000 |                                           |        |                       |         |
|                                                   | 027155 | 380/415V~ / =    | 1,234,000 |                                           |        |                       |         |

**HIGH INTERRUPTING CAPACITY**

| Sản phẩm                                                                           | Mã số            | Dòng điện | Giá       | Sản phẩm                                                                            | Mã số            | Dòng điện | Giá       |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|
| <b>MCCB DRX250HP 25kA loại điều chỉnh</b>                                          |                  |           |           | <b>MCCB DRX250HP 36kA loại điều chỉnh</b>                                           |                  |           |           |
|    | <b>3P - 25kA</b> |           |           |    | <b>3P - 36kA</b> |           |           |
|                                                                                    | 669000           | 16A       | 1,854,000 |                                                                                     | 669040           | 16A       | 2,005,000 |
|                                                                                    | 669002           | 25A       | 1,854,000 |                                                                                     | 669042           | 25A       | 2,005,000 |
|                                                                                    | 669003           | 32A       | 1,854,000 |                                                                                     | 669043           | 32A       | 2,005,000 |
|                                                                                    | 669004           | 40A       | 1,854,000 |                                                                                     | 669044           | 40A       | 2,005,000 |
|                                                                                    | 669005           | 50A       | 1,854,000 |                                                                                     | 669045           | 50A       | 2,005,000 |
|                                                                                    | 669006           | 63A       | 1,854,000 |                                                                                     | 669046           | 63A       | 2,005,000 |
|                                                                                    | 669007           | 80A       | 1,873,000 |                                                                                     | 669047           | 80A       | 2,080,000 |
|                                                                                    | 669008           | 100A      | 1,873,000 |                                                                                     | 669048           | 100A      | 2,080,000 |
|                                                                                    | 669009           | 125A      | 1,940,000 |                                                                                     | 669049           | 125A      | 2,117,000 |
|                                                                                    | 669010           | 160A      | 2,225,000 |                                                                                     | 669050           | 160A      | 2,534,000 |
|                                                                                    | 669011           | 200A      | 2,455,000 |                                                                                     | 669051           | 200A      | 2,933,000 |
|                                                                                    | 669012           | 250A      | 2,591,000 |                                                                                     | 669052           | 250A      | 3,084,000 |
|   | <b>4P - 25kA</b> |           |           |   | <b>4P - 36kA</b> |           |           |
|                                                                                    | 669020           | 16A       | 2,581,000 |                                                                                     | 669060           | 16A       | 2,785,000 |
|                                                                                    | 669022           | 25A       | 2,581,000 |                                                                                     | 669062           | 25A       | 2,785,000 |
|                                                                                    | 669023           | 32A       | 2,581,000 |                                                                                     | 669063           | 32A       | 2,785,000 |
|                                                                                    | 669024           | 40A       | 2,581,000 |                                                                                     | 669064           | 40A       | 2,785,000 |
|                                                                                    | 669025           | 50A       | 2,581,000 |                                                                                     | 669065           | 50A       | 2,785,000 |
|                                                                                    | 669026           | 63A       | 2,581,000 |                                                                                     | 669066           | 63A       | 2,785,000 |
|                                                                                    | 669027           | 80A       | 2,729,000 |                                                                                     | 669067           | 80A       | 2,971,000 |
|                                                                                    | 669028           | 100A      | 2,729,000 |                                                                                     | 669068           | 100A      | 2,971,000 |
|                                                                                    | 669029           | 125A      | 2,940,000 |                                                                                     | 669069           | 125A      | 3,092,000 |
|                                                                                    | 669030           | 160A      | 3,169,000 |                                                                                     | 669070           | 160A      | 3,445,000 |
|                                                                                    | 669031           | 200A      | 3,593,000 |                                                                                     | 669071           | 200A      | 4,083,000 |
|                                                                                    | 669032           | 250A      | 3,833,000 |                                                                                     | 669072           | 250A      | 4,355,000 |
| <b>MCCB DRX250HP 50kA loại điều chỉnh</b>                                          |                  |           |           | <b>MCCB DRX250HP 50kA loại điều chỉnh</b>                                           |                  |           |           |
|  | <b>3P - 50kA</b> |           |           |  | <b>4P - 50kA</b> |           |           |
|                                                                                    | 669080           | 16A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669100           | 16A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669081           | 20A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669101           | 20A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669082           | 25A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669102           | 25A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669083           | 32A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669103           | 32A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669084           | 40A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669104           | 40A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669085           | 50A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669105           | 50A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669086           | 63A       | 2,406,000 |                                                                                     | 669106           | 63A       | 3,203,000 |
|                                                                                    | 669087           | 80A       | 2,496,000 |                                                                                     | 669107           | 80A       | 3,417,000 |
|                                                                                    | 669088           | 100A      | 2,496,000 |                                                                                     | 669108           | 100A      | 3,417,000 |
|                                                                                    | 669089           | 125A      | 2,540,000 |                                                                                     | 669109           | 125A      | 3,555,000 |
|                                                                                    | 669090           | 160A      | 3,041,000 |                                                                                     | 669110           | 160A      | 3,962,000 |
|                                                                                    | 669091           | 200A      | 3,519,000 |                                                                                     | 669111           | 200A      | 4,696,000 |
|                                                                                    | 669092           | 250A      | 3,700,000 |                                                                                     | 669112           | 250A      | 5,008,000 |

| Sản phẩm                             | Mã số  | Dòng điện | Giá        | Sản phẩm                                | Mã số  | Dòng điện | Giá        |
|--------------------------------------|--------|-----------|------------|-----------------------------------------|--------|-----------|------------|
| <b>MCCB DRX630 36kA loại cố định</b> |        |           |            | <b>MCCB DRX630 36kA loại điều chỉnh</b> |        |           |            |
|                                      | 027234 | 320A      | 6,805,000  |                                         | 667650 | 320A      | 8,531,000  |
|                                      | 027235 | 400A      | 6,805,000  |                                         | 667651 | 400A      | 8,531,000  |
|                                      | 027236 | 500A      | 7,700,000  |                                         | 667652 | 500A      | 9,749,000  |
|                                      | 027237 | 630A      | 7,898,000  |                                         | 667653 | 630A      | 9,749,000  |
| <b>4P - 36kA</b>                     |        |           |            | <b>4P - 36kA</b>                        |        |           |            |
|                                      | 027238 | 320A      | 9,332,000  |                                         | 667654 | 320A      | 11,690,000 |
|                                      | 027239 | 400A      | 9,332,000  |                                         | 667655 | 400A      | 11,690,000 |
|                                      | 027240 | 500A      | 9,928,000  |                                         | 667656 | 500A      | 13,406,000 |
|                                      | 027241 | 630A      | 10,845,000 |                                         | 667657 | 630A      | 13,406,000 |
| <b>MCCB DRX630 50kA loại cố định</b> |        |           |            | <b>MCCB DRX630 50kA loại điều chỉnh</b> |        |           |            |
|                                      | 027242 | 320A      | 6,001,000  |                                         | 667658 | 320A      | 8,531,000  |
|                                      | 027243 | 400A      | 6,192,000  |                                         | 667659 | 400A      | 8,531,000  |
|                                      | 027244 | 500A      | 7,483,000  |                                         | 667660 | 500A      | 9,749,000  |
|                                      | 027245 | 630A      | 7,483,000  |                                         | 667661 | 630A      | 9,749,000  |
| <b>4P - 50kA</b>                     |        |           |            | <b>4P - 50kA</b>                        |        |           |            |
|                                      | 027246 | 320A      | 8,227,000  |                                         | 667662 | 320A      | 11,699,000 |
|                                      | 027247 | 400A      | 8,227,000  |                                         | 667663 | 400A      | 11,699,000 |
|                                      | 027248 | 500A      | 9,619,000  |                                         | 667664 | 500A      | 13,406,000 |
|                                      | 027249 | 630A      | 9,619,000  |                                         |        |           |            |

## PHỤ KIỆN DÙNG CHO DRX 630

### Bộ thấp áp

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 422244 | 24V~ / =  | 3,399,000 |
|  | 422245 | 24V DC    | 2,045,000 |
|  | 422246 | 48V~ / =  | 2,045,000 |
|  | 422247 | 110V~ / = | 3,399,000 |
|  | 422248 | 230V~ / = | 2,045,000 |
|  | 422249 | 400V~ / = | 3,399,000 |

### Shunt trips

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 422239 | 24V~ / =  | 902,000   |
|  | 422240 | 48V~ / =  | 952,000   |
|  | 422241 | 110V~ / = | 952,000   |
|  | 422242 | 230V~ / = | 902,000   |
|  | 422243 | 400V~ / = | 3,399,000 |

### Tay nắm dạng xoay

|        |           |           |
|--------|-----------|-----------|
| 027250 | Trực tiếp | 4,210,000 |
| 027251 | Nối dài   | 4,330,000 |

### Bản cực

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 026248 | Trực tiếp | 1,550,000 |
|  | 026249 | Nối dài   | 1,550,000 |

### Tiếp điểm phụ

|        |                         |         |
|--------|-------------------------|---------|
| 421011 | Contact or fault signal | 419,000 |
|--------|-------------------------|---------|

### Tám chắn pha

|  |        |               |        |
|--|--------|---------------|--------|
|  | 026230 | Set of pieces | 84,000 |
|--|--------|---------------|--------|

### Cage terminal

|        |                      |           |
|--------|----------------------|-----------|
| 026250 | 4 cage terminal      | 734,000   |
| 026251 | 4 high cage terminal | 3,775,000 |

### Padlock

|        |            |         |
|--------|------------|---------|
| 026240 | For DRX630 | 367,000 |
|--------|------------|---------|

| Sản phẩm                                                                           | Mã số            | Dòng điện | Giá        | Sản phẩm                                                                            | Mã số            | Dòng điện | Giá        |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|------------|
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 160 25kA</b>                                               |                  |           |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 160 36kA</b>                                                |                  |           |            |
|    | <b>3P - 25kA</b> |           |            |    | <b>3P - 36kA</b> |           |            |
|                                                                                    | 420040           | 16A       | 1,921,000  |                                                                                     | 420080           | 16A       | 2,022,000  |
|                                                                                    | 420041           | 25A       | 1,921,000  |                                                                                     | 420081           | 25A       | 2,022,000  |
|                                                                                    | 420042           | 40A       | 1,921,000  |                                                                                     | 420082           | 40A       | 2,022,000  |
|                                                                                    | 420043           | 63A       | 1,966,000  |                                                                                     | 420083           | 63A       | 2,022,000  |
|                                                                                    | 420044           | 80A       | 1,975,000  |                                                                                     | 420084           | 80A       | 2,079,000  |
|                                                                                    | 420045           | 100A      | 2,114,000  |                                                                                     | 420085           | 100A      | 1,957,000  |
|                                                                                    | 420046           | 125A      | 2,056,000  |                                                                                     | 420086           | 125A      | 2,055,000  |
|                                                                                    | 420047           | 160A      | 2,237,000  |                                                                                     | 420087           | 160A      | 2,007,000  |
|    | <b>4P - 25kA</b> |           |            |    | <b>4P - 36kA</b> |           |            |
|                                                                                    | 420050           | 16A       | 2,595,000  |                                                                                     | 420090           | 16A       | 2,759,000  |
|                                                                                    | 420051           | 25A       | 2,595,000  |                                                                                     | 420091           | 25A       | 2,759,000  |
|                                                                                    | 420052           | 40A       | 2,595,000  |                                                                                     | 420092           | 40A       | 2,759,000  |
|                                                                                    | 420053           | 63A       | 2,595,000  |                                                                                     | 420093           | 63A       | 2,759,000  |
|                                                                                    | 420054           | 80A       | 2,755,000  |                                                                                     | 420094           | 80A       | 2,930,000  |
|                                                                                    | 420055           | 100A      | 2,755,000  |                                                                                     | 420095           | 100A      | 2,930,000  |
|                                                                                    | 420056           | 125A      | 2,747,000  |                                                                                     | 420096           | 125A      | 3,021,000  |
|                                                                                    | 420057           | 160A      | 2,274,000  |                                                                                     | 420097           | 160A      | 2,279,000  |
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 160 50kA</b>                                               |                  |           |            |                                                                                     |                  |           |            |
|  | <b>3P - 50kA</b> |           |            |  | <b>4P - 50kA</b> |           |            |
|                                                                                    | 420120           | 16A       | 2,488,000  |                                                                                     | 420130           | 16A       | 3,361,000  |
|                                                                                    | 420121           | 25A       | 2,488,000  |                                                                                     | 420131           | 25A       | 3,361,000  |
|                                                                                    | 420122           | 40A       | 2,488,000  |                                                                                     | 420132           | 40A       | 3,361,000  |
|                                                                                    | 420123           | 63A       | 2,488,000  |                                                                                     | 420133           | 63A       | 3,361,000  |
|                                                                                    | 420124           | 80A       | 2,558,000  |                                                                                     | 420134           | 80A       | 3,568,000  |
|                                                                                    | 420125           | 100A      | 2,558,000  |                                                                                     | 420135           | 100A      | 3,568,000  |
|                                                                                    | 420126           | 125A      | 3,184,000  |                                                                                     | 420136           | 125A      | 4,683,000  |
|                                                                                    | 420127           | 160A      | 4,044,000  |                                                                                     | 420137           | 160A      | 5,507,000  |
| <b>ELCB DPX<sup>3</sup> 160 with electronic earth leakage</b>                      |                  |           |            |                                                                                     |                  |           |            |
|  | <b>4P - 16kA</b> |           |            |  | <b>4P - 25kA</b> |           |            |
|                                                                                    | 420030           | 16A       | 9,105,000  |                                                                                     | 420070           | 16A       | 10,178,000 |
|                                                                                    | 420031           | 25A       | 9,105,000  |                                                                                     | 420071           | 25A       | 10,178,000 |
|                                                                                    | 420032           | 40A       | 9,105,000  |                                                                                     | 420072           | 40A       | 10,178,000 |
|                                                                                    | 420033           | 63A       | 9,105,000  |                                                                                     | 420073           | 63A       | 10,178,000 |
|                                                                                    | 420034           | 80A       | 9,157,000  |                                                                                     | 420074           | 80A       | 10,806,000 |
|                                                                                    | 420035           | 100A      | 9,157,000  |                                                                                     | 420075           | 100A      | 11,454,000 |
|                                                                                    | 420036           | 125A      | 12,931,000 |                                                                                     | 420076           | 125A      | 15,259,000 |
|                                                                                    | 420037           | 160A      | 14,205,000 |                                                                                     | 420077           | 160A      | 16,762,000 |
| <b>ELCB DPX<sup>3</sup> 160 with electronic earth leakage</b>                      |                  |           |            |                                                                                     |                  |           |            |
|  | <b>4P - 36kA</b> |           |            |  | <b>4P - 50kA</b> |           |            |
|                                                                                    | 420110           | 16A       | 11,705,000 |                                                                                     | 420150           | 16A       | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420111           | 25A       | 11,705,000 |                                                                                     | 420151           | 25A       | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420112           | 40A       | 11,705,000 |                                                                                     | 420152           | 40A       | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420113           | 63A       | 11,705,000 |                                                                                     | 420153           | 63A       | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420114           | 80A       | 12,426,000 |                                                                                     | 420154           | 80A       | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420115           | 100A      | 10,132,000 |                                                                                     | 420155           | 100A      | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420116           | 125A      | 17,548,000 |                                                                                     | 420156           | 125A      | 13,461,000 |
|                                                                                    | 420117           | 160A      | 19,276,000 |                                                                                     | 420157           | 160A      | 13,461,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số  | Dòng điện        | Giá        | Sản phẩm                                                                            | Mã số  | Dòng điện        | Giá        |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|------------|
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 250 25kA</b>                                               |        |                  |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 250 36kA</b>                                                |        |                  |            |
|    |        | <b>3P - 25kA</b> |            |    |        | <b>3P - 36kA</b> |            |
|                                                                                    | 420205 | 100A             | 3,829,000  |                                                                                     | 420215 | 100A             | 4,420,000  |
|                                                                                    | 420207 | 160A             | 3,832,000  |                                                                                     | 420217 | 160A             | 4,821,000  |
|                                                                                    | 420208 | 200A             | 4,127,000  |                                                                                     | 420218 | 200A             | 5,130,000  |
|                                                                                    | 420209 | 250A             | 4,305,000  |                                                                                     | 420219 | 250A             | 5,815,000  |
|    |        | <b>4P - 25kA</b> |            |    |        | <b>4P - 36kA</b> |            |
|                                                                                    | 420235 | 100A             | 3,829,000  |                                                                                     | 420245 | 100A             | 4,821,000  |
|                                                                                    | 420237 | 160A             | 4,491,000  |                                                                                     | 420247 | 160A             | 5,223,000  |
|                                                                                    | 420238 | 200A             | 4,516,000  |                                                                                     | 420248 | 200A             | 5,830,000  |
|                                                                                    | 420239 | 250A             | 4,568,000  |                                                                                     | 420249 | 250A             | 5,830,000  |
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 250 50kA</b>                                               |        |                  |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 250 70kA</b>                                                |        |                  |            |
|    |        | <b>3P - 50kA</b> |            |    |        | <b>3P - 70kA</b> |            |
|                                                                                    | 420265 | 100A             | 3,832,000  |                                                                                     | 420605 | 100A             | 4,453,000  |
|                                                                                    | 420267 | 160A             | 3,944,000  |                                                                                     | 420607 | 160A             | 4,974,000  |
|                                                                                    | 420268 | 200A             | 4,468,000  |                                                                                     | 420608 | 200A             | 6,482,000  |
|                                                                                    | 420269 | 250A             | 4,714,000  |                                                                                     | 420609 | 250A             | 6,482,000  |
|   |        | <b>4P - 50kA</b> |            |   |        | <b>4P - 70kA</b> |            |
|                                                                                    | 420275 | 100A             | 5,223,000  |                                                                                     | 420615 | 100A             | 5,560,000  |
|                                                                                    | 420277 | 160A             | 5,625,000  |                                                                                     | 420617 | 160A             | 6,588,000  |
|                                                                                    | 420278 | 200A             | 5,874,000  |                                                                                     | 420618 | 200A             | 9,373,000  |
|                                                                                    | 420279 | 250A             | 5,826,000  |                                                                                     | 420619 | 250A             | 9,373,000  |
| <b>ELCB DPX<sup>3</sup> 250 with electronic earth leakage</b>                      |        |                  |            |                                                                                     |        |                  |            |
|  |        | <b>4P - 25kA</b> |            |  |        | <b>4P - 36kA</b> |            |
|                                                                                    | 420225 | 100A             | 12,035,000 |                                                                                     | 420255 | 100A             | 12,656,000 |
|                                                                                    | 420227 | 160A             | 12,438,000 |                                                                                     | 420257 | 160A             | 13,289,000 |
|                                                                                    | 420228 | 200A             | 13,235,000 |                                                                                     | 420258 | 200A             | 13,953,000 |
|                                                                                    | 420229 | 250A             | 15,000,000 |                                                                                     | 420259 | 250A             | 14,651,000 |
|  |        | <b>4P - 50kA</b> |            |  |        | <b>4P - 70kA</b> |            |
|                                                                                    | 420285 | 100A             | 14,048,000 |                                                                                     | 420625 | 100A             | 15,593,000 |
|                                                                                    | 420287 | 160A             | 14,750,000 |                                                                                     | 420627 | 160A             | 16,373,000 |
|                                                                                    | 420288 | 200A             | 15,488,000 |                                                                                     | 420628 | 200A             | 17,191,000 |
|                                                                                    | 420289 | 250A             | 16,262,000 |                                                                                     | 420629 | 250A             | 18,051,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá | Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|

## PHỤ KIỆN CHO DPX<sup>3</sup> 160 ( Một số phụ kiện có thể dùng cho DPX<sup>3</sup> 250 )

### Undervoltage Releases

|                                                                                   |        |               |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|-----------|
|  | 421018 | 12V~ / =      | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421019 | 24V~ / =      | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421020 | 48V~ / =      | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421021 | 110/130V~ / = | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421022 | 200/240V~ / = | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421023 | 277V~ / =     | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421024 | 380/415V~ / = | 1,684,000 |
|                                                                                   | 421025 | 440/480V~ / = | 1,684,000 |

### Shunt trips

|                                                                                   |        |               |         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|---------|
|  | 421012 | 12V~ / =      | 541,000 |
|                                                                                   | 421013 | 24V~ / =      | 541,000 |
|                                                                                   | 421014 | 48V~ / =      | 541,000 |
|                                                                                   | 421015 | 110/130V~ / = | 541,000 |
|                                                                                   | 421016 | 200/277V~ / = | 541,000 |
|                                                                                   | 421017 | 380/415V~ / = | 541,000 |

### Front spreader

|                                                                                   |        |                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|-----------|
|  | 421032 | Dùng cho 3P - 160 | 842,000   |
|                                                                                   | 421033 | Dùng cho 4P - 160 | 1,203,000 |
|                                                                                   | 421034 | Dùng cho 3P - 250 | 1,323,000 |
|                                                                                   | 421035 | Dùng cho 4P - 250 | 1,804,000 |

### Cage terminal for 160

|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 421093 | Set of 3 terminal | 182,000 |
| 421094 | Set of 4 terminal | 219,000 |

### Sealable terminal shield front

|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 421054 | Dùng cho 3P - 160 | 421,000 |
| 421055 | Dùng cho 4P - 160 | 529,000 |

### Sealable terminal shield rear

|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 421050 | Dùng cho 3P - 160 | 361,000 |
| 421051 | Dùng cho 4P - 160 | 433,000 |

### Flat rear

|                                                                                   |        |                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|-----------|
|  | 421036 | Dùng cho 3P - 160 | 1,323,000 |
|                                                                                   | 421037 | Dùng cho 4P - 160 | 1,564,000 |
|                                                                                   | 421038 | Dùng cho 3P - 250 | 1,323,000 |
|                                                                                   | 421039 | Dùng cho 4P - 250 | 1,564,000 |

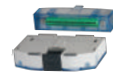
### Pad lock

|                                                                                   |        |               |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|-----------|
|  | 421049 | Tối đa 3 khóa | 1,083,000 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|-----------|

### Interlock Mounting plate

|                                                                                   |        |                  |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|-----------|
|  | 421058 | Dùng cho 160/250 | 1,083,000 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|-----------|

### Connector for AUX

|                                                                                   |        |                  |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|-----------|
|  | 421044 | Dùng cho 160/250 | 1,684,000 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|-----------|

### Interlock Plug - in/ Draw out

|                                                                                   |        |                  |         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|---------|
|  | 421059 | Dùng cho 160/250 | 962,000 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|---------|

### Insulating Shields

|                                                                                     |        |                  |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|---------|
|  | 421070 | Dùng cho 160/250 | 818,000 |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------|---------|

### Cage terminal for 250

|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 421030 | Set of 3 terminal | 361,000 |
| 421031 | Set of 4 terminal | 481,000 |

### Sealable terminal shield front

|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 421056 | Dùng cho 3P - 250 | 469,000 |
| 421057 | Dùng cho 4P - 250 | 613,000 |

### Sealable terminal shield rear

|        |                   |         |
|--------|-------------------|---------|
| 421052 | Dùng cho 3P - 250 | 397,000 |
| 421053 | Dùng cho 4P - 250 | 517,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số  | Dòng điện | Giá        | Sản phẩm                                                                            | Mã số  | Dòng điện | Giá        |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|------------|
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 630 36kA</b>                                               |        |           |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 630 50kA</b>                                                |        |           |            |
|    | 422000 | 250A      | 9,186,000  |    | 422014 | 250A      | 9,669,000  |
|                                                                                    | 422001 | 320A      | 10,089,000 |                                                                                     | 422015 | 320A      | 9,123,000  |
|                                                                                    | 422002 | 400A      | 10,056,000 |                                                                                     | 422016 | 400A      | 9,366,000  |
|                                                                                    | 422003 | 500A      | 11,420,000 |                                                                                     | 422017 | 500A      | 10,807,000 |
|                                                                                    | 422004 | 630A      | 11,377,000 |                                                                                     | 422018 | 630A      | 10,807,000 |
|    | 422005 | 250A      | 11,329,000 |    | 422019 | 250A      | 11,270,000 |
|                                                                                    | 422006 | 320A      | 11,329,000 |                                                                                     | 422020 | 320A      | 11,270,000 |
|                                                                                    | 422007 | 400A      | 11,329,000 |                                                                                     | 422021 | 400A      | 11,270,000 |
|                                                                                    | 422008 | 500A      | 12,420,000 |                                                                                     | 422022 | 500A      | 12,316,000 |
|                                                                                    | 422009 | 630A      | 12,420,000 |                                                                                     | 422023 | 630A      | 12,316,000 |
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 630 70kA</b>                                               |        |           |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 630 100kA</b>                                               |        |           |            |
|   | 422028 | 250A      | 9,074,000  |   | 422042 | 250A      | 9,155,000  |
|                                                                                    | 422029 | 320A      | 9,306,000  |                                                                                     | 422043 | 320A      | 9,492,000  |
|                                                                                    | 422030 | 400A      | 9,554,000  |                                                                                     | 422044 | 400A      | 9,745,000  |
|                                                                                    | 422031 | 500A      | 11,024,000 |                                                                                     | 422045 | 500A      | 11,244,000 |
|                                                                                    | 422032 | 630A      | 11,024,000 |                                                                                     | 422046 | 630A      | 11,244,000 |
|  | 422033 | 250A      | 11,495,000 |  | 422047 | 250A      | 11,725,000 |
|                                                                                    | 422034 | 320A      | 11,495,000 |                                                                                     | 422048 | 320A      | 11,725,000 |
|                                                                                    | 422035 | 400A      | 12,671,000 |                                                                                     | 422049 | 400A      | 12,924,000 |
|                                                                                    | 422036 | 500A      | 12,932,000 |                                                                                     | 422050 | 500A      | 13,191,000 |
|                                                                                    | 422037 | 630A      | 13,264,000 |                                                                                     | 422051 | 630A      | 13,529,000 |
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 1600 36kA</b>                                              |        |           |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 1600 50kA</b>                                               |        |           |            |
|  | 422251 | 630A      | 24,562,000 |  | 422263 | 630A      | 22,808,000 |
|                                                                                    | 422252 | 800A      | 21,961,000 |                                                                                     | 422264 | 800A      | 26,833,000 |
|                                                                                    | 422253 | 1000A     | 27,411,000 |                                                                                     | 422265 | 1000A     | 27,581,000 |
|                                                                                    | 422254 | 1250A     | 27,659,000 |                                                                                     | 422266 | 1250A     | 27,162,000 |
|                                                                                    | 422243 | 1600A     | 47,812,000 |                                                                                     | 422555 | 1600A     | 48,769,000 |
|  | 422256 | 630A      | 31,931,000 |  | 422268 | 630A      | 28,282,000 |
|                                                                                    | 422257 | 800A      | 31,931,000 |                                                                                     | 422269 | 800A      | 28,282,000 |
|                                                                                    | 422258 | 1000A     | 32,569,000 |                                                                                     | 422270 | 1000A     | 34,387,000 |
|                                                                                    | 422259 | 1250A     | 33,221,000 |                                                                                     | 422271 | 1250A     | 35,075,000 |
|                                                                                    | 422549 | 1600A     | 62,156,000 |                                                                                     | 422561 | 1600A     | 53,211,000 |
| <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 1600 70kA</b>                                              |        |           |            | <b>MCCB DPX<sup>3</sup> 1600 100kA</b>                                              |        |           |            |
|  | 422275 | 630A      | 22,808,000 |  | 422287 | 630A      | 23,264,000 |
|                                                                                    | 422276 | 800A      | 22,808,000 |                                                                                     | 422288 | 800A      | 23,264,000 |
|                                                                                    | 422277 | 1000A     | 31,774,000 |                                                                                     | 422289 | 1000A     | 28,492,000 |
|                                                                                    | 422278 | 1250A     | 31,748,000 |                                                                                     | 422290 | 1250A     | 29,062,000 |
|                                                                                    | 422567 | 1600A     | 56,315,000 |  | 422292 | 630A      | 29,559,000 |
|  | 422280 | 630A      | 28,979,000 |                                                                                     | 422293 | 800A      | 29,559,000 |
|                                                                                    | 422281 | 800A      | 28,979,000 |                                                                                     | 422294 | 1000A     | 34,191,000 |
|                                                                                    | 422282 | 1000A     | 32,682,000 |                                                                                     | 422295 | 1250A     | 34,874,000 |
|                                                                                    | 422283 | 1250A     | 31,931,000 |                                                                                     |        |           |            |
|                                                                                    | 422573 | 1600A     | 66,156,000 |                                                                                     |        |           |            |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá | Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|

## PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO DPX<sup>3</sup> 630 & DPX<sup>3</sup> 1600

### Undervoltage Releases



|        |           |           |
|--------|-----------|-----------|
| 422244 | 24V - DC  | 3,399,000 |
| 422245 | 24V~ / =  | 2,045,000 |
| 422246 | 48V~ / =  | 2,045,000 |
| 422247 | 110V~ / = | 3,399,000 |
| 422248 | 230V~ / = | 2,045,000 |
| 422249 | 400V~ / = | 3,339,000 |

### Front terminal base



|        |                   |            |
|--------|-------------------|------------|
| 422222 | Dùng cho 3P - 630 | 15,637,000 |
| 422333 | Dùng cho 4P - 630 | 17,080,000 |

### Debrolift mechanism



|        |                   |            |
|--------|-------------------|------------|
| 422231 | Dùng cho 3P - 630 | 13,378,000 |
| 422232 | Dùng cho 4P - 630 | 14,061,000 |

### Shunt trips



|        |           |           |
|--------|-----------|-----------|
| 422239 | 24V~ / =  | 902,000   |
| 422240 | 48V~ / =  | 952,000   |
| 422241 | 110V~ / = | 952,000   |
| 422242 | 230V~ / = | 902,000   |
| 422243 | 400V~ / = | 3,339,000 |

### Set 2 extractor handle



|        |    |           |
|--------|----|-----------|
| 422228 | 4P | 3,007,000 |
|--------|----|-----------|

### Set of contact 24PIN



|         |    |           |
|---------|----|-----------|
| 4 22229 | 4P | 1,564,000 |
|---------|----|-----------|

### REMOTE CONTROL 1600



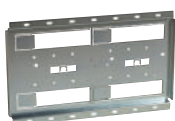
|        |               |            |
|--------|---------------|------------|
| 026154 | Dùng cho 1600 | 30,663,000 |
|--------|---------------|------------|

### REMOTE CONTROL 630



|        |              |            |
|--------|--------------|------------|
| 026144 | Dùng cho 630 | 13,527,000 |
|--------|--------------|------------|

### MOUTING PLATE 1600



|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 026410 | Dùng cho 1600 | 8,980,000 |
|--------|---------------|-----------|

### MOUTING PLATE 630



|        |              |           |
|--------|--------------|-----------|
| 026409 | Dùng cho 630 | 8,980,000 |
|--------|--------------|-----------|

| Sản phẩm                   | Mã số                         | Dòng điện | Giá       |
|----------------------------|-------------------------------|-----------|-----------|
| <b>CTX<sup>3</sup> 22</b>  |                               |           |           |
|                            | <b>3P - 230V AC (1NO+1NC)</b> |           |           |
|                            | 416086                        | 9A        | 302,000   |
|                            | 416096                        | 12A       | 358,000   |
|                            | 416106                        | 18A       | 457,000   |
|                            | 416116                        | 22A       | 592,000   |
| <b>CTX<sup>3</sup> 40</b>  |                               |           |           |
|                            | <b>3P - 230V AC (2NO+2NC)</b> |           |           |
|                            | 416126                        | 32A       | 812,000   |
|                            | 416136                        | 40A       | 1,093,000 |
| <b>CTX<sup>3</sup> 65</b>  |                               |           |           |
|                            | <b>3P - 230V AC (2NO+2NC)</b> |           |           |
|                            | 416146                        | 50A       | 1,462,000 |
|                            | 416166                        | 65A       | 1,702,000 |
| <b>CTX<sup>3</sup> 100</b> |                               |           |           |
|                            | <b>3P - 230V AC (2NO+2NC)</b> |           |           |
|                            | 416186                        | 75A       | 1,898,000 |
|                            | 416206                        | 85A       | 2,267,000 |
|                            | 416226                        | 100A      | 3,022,000 |

| Sản phẩm                   | Mã số                             | Dòng điện | Giá        |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------|------------|
| <b>CTX<sup>3</sup> 150</b> |                                   |           |            |
|                            | <b>3P - 100/240V AC (2NO+2NC)</b> |           |            |
|                            | 416246                            | 130A      | 3,970,000  |
|                            | 416266                            | 150A      | 4,692,000  |
| <b>CTX<sup>3</sup> 225</b> |                                   |           |            |
|                            | <b>3P - 100/240V AC/DC</b>        |           |            |
|                            | 416286                            | 185A      | 6,147,000  |
|                            | 416296                            | 225A      | 7,407,000  |
| <b>CTX<sup>3</sup> 400</b> |                                   |           |            |
|                            | <b>3P - 100/240V AC/DC</b>        |           |            |
|                            | 416306                            | 265A      | 10,065,000 |
|                            | 416316                            | 330A      | 12,074,000 |
|                            | 416326                            | 400A      | 13,871,000 |
| <b>CTX<sup>3</sup> 800</b> |                                   |           |            |
|                            | <b>3P - 100/240V AC/DC</b>        |           |            |
|                            | 416336                            | 500A      | 25,608,000 |
|                            | 416346                            | 630A      | 26,870,000 |
|                            | 416356                            | 800A      | 35,540,000 |

### Power contactors with handle CTX<sup>3</sup>

With 24V coil & handle 2P - 250V~

|  |        |           |         |
|--|--------|-----------|---------|
|  | 412514 | 25A (2NO) | 335,000 |
|  | 412515 | 40A (2NO) | 950,000 |
|  | 412516 | 63A (2NO) | 950,000 |

With 24V coil & handle 4P - 400V~

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 412517 | 25A (2NO) | 950,000   |
|  | 412518 | 40A (2NO) | 1,249,000 |
|  | 412519 | 63A (2NO) | 1,249,000 |

Low noise with 230V coil & handle 2P 250V

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 412558 | 25A (2NO) | 294,000   |
|  | 412559 | 40A (2NO) | 1,430,000 |
|  | 412560 | 63A (2NO) | 1,430,000 |

With 230V coil & handle 3P - 400V~

|  |        |           |         |
|--|--------|-----------|---------|
|  | 412549 | 40A (3NO) | 912,000 |
|  | 412550 | 63A (3NO) | 912,000 |

With 230V coil & handle 2P - 250V~

|  |        |           |         |
|--|--------|-----------|---------|
|  | 412544 | 25A (2NO) | 281,000 |
|  | 412545 | 40A (2NO) | 740,000 |
|  | 412547 | 63A (2NO) | 740,000 |
|  | 412548 | 63A (2NC) | 981,000 |

With 230V coil & handle 4P - 400V~

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 412543 | 25A (4NO) | 445,000   |
|  | 412544 | 40A (4NO) | 1,016,000 |
|  | 412545 | 63A (4NO) | 1,015,000 |
|  | 412547 | 25A (4NC) | 1,320,000 |

Low noise with 230V coil & handle 4P 400V

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 412592 | 25A (4NO) | 1,438,000 |
|  | 412593 | 40A (4NO) | 1,752,000 |
|  | 412594 | 63A (4NO) | 1,752,000 |

### Power contactors without handle CTX<sup>3</sup>

With 230V coil & handle 2P - 250V~

|  |        |               |         |
|--|--------|---------------|---------|
|  | 412521 | 16A (NC + NO) | 598,000 |
|  | 412523 | 25A (2NO)     | 276,000 |
|  | 412524 | 25A (2NC)     | 629,000 |
|  | 412527 | 63A (2NO)     | 914,000 |

With 24V coil & handle 2P - 250V~

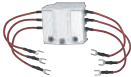
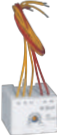
|  |        |               |         |
|--|--------|---------------|---------|
|  | 412503 | 16A (NC + NO) | 402,000 |
|  | 412505 | 25A (2NO)     | 567,000 |

With 230V coil & handle 4P - 400V~

|  |        |                 |           |
|--|--------|-----------------|-----------|
|  | 412533 | 25A (2NO + 2NC) | 934,000   |
|  | 412535 | 25A (4NO)       | 436,000   |
|  | 412536 | 25A (4NC)       | 935,000   |
|  | 412541 | 63A (4NO)       | 1,183,000 |

With 24V coil & handle 4P - 400V~

|  |        |                 |         |
|--|--------|-----------------|---------|
|  | 412510 | 25A (4NO)       | 938,000 |
|  | 412509 | 25A (2NO + 2NC) | 939,000 |

| Sản phẩm                                                                          | Mã số  | Mô tả                   | Giá        | Sản phẩm                                                                            | Mã số          | Mô tả                   | Giá       |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-----------|
| <b>CTX<sup>3</sup> Safety</b>                                                     |        |                         |            | <b>CTX aux contact front</b>                                                        |                |                         |           |
|  | 416840 | Front cover 9A - 150A   | 25,000     |    | 416849         | CTX40 - 1NO + 1NC       | 108,000   |
|                                                                                   | 416841 | Front cover 185A - 800A | 21,000     |                                                                                     | 416850         | 1NO + 1NC               | 108,000   |
| <b>Capacitor unit</b>                                                             |        |                         |            |                                                                                     | 416851         | 2NO                     | 108,000   |
|   | 416874 | For CTX40A              | 402,000    |                                                                                     | 416852         | 2NC                     | 108,000   |
|                                                                                   | 416875 | For CTX50 - 65A         | 567,000    |                                                                                     | 416853         | 4NO                     | 175,000   |
| <b>Terminal cover unit</b>                                                        |        |                         |            |                                                                                     | 416854         | 3NO + 1NC               | 175,000   |
|   | 416843 | For CTX400 3P           | 165,000    |                                                                                     | 416855         | 2NO + 2NC               | 175,000   |
|                                                                                   | 416844 | For CTX800 3P           | 257,000    |                                                                                     | 416856         | 1NO + 3NC               | 175,000   |
|   | 416845 | For CTX225 4P           | 129,000    |                                                                                     | 416857         | 4NC                     | 175,000   |
|                                                                                   | 416847 | For CTX800 4P           | 322,000    |                                                                                     | 416858         | Side 1NO + 1NC          | 108,000   |
| <b>Interlock</b>                                                                  |        |                         |            | 416859                                                                              | Side 1NO + 1NC | 180,000                 |           |
|   | 416879 | For CTX40 - 85A 4P      | 232,000    | <b>Time on delay</b>                                                                |                |                         |           |
|                                                                                   | 416880 | For CTX22 - 150A 3P     | 232,000    |    | 416871         | 1-30S / 110 - 230V      | 1,288,000 |
|                                                                                   | 416887 | For CTX185 - 400A       | 747,000    |                                                                                     | 416872         | 1-30S / 24 - 48V        | 1,288,000 |
|                                                                                   | 416888 | For CTX500 - 800A 3P    | 11,844,000 |                                                                                     | 416873         | 1-30S / 110 - 230V      | 1,288,000 |
|                                                                                   | 416889 | For CTX500 - 800A 4P    | 11,844,000 | <b>Wiring kit interlock</b>                                                         |                |                         |           |
| <b>RTX reset cable</b>                                                            |        |                         |            |  | 416882         | For CTX22 3P            | 268,000   |
|  | 416892 | L400mm                  | 1,004,000  |                                                                                     | 416883         | For CTX40 3P            | 237,000   |
|                                                                                   | 416893 | L500mm                  | 1,081,000  |                                                                                     | 416884         | For CTX65 3P            | 422,000   |
|                                                                                   | 416894 | L600mm                  | 1,288,000  |                                                                                     | 416885         | For CTX100 3P           | 850,000   |
|                                                                                   |        |                         |            | <b>Box for motor starter</b>                                                        |                |                         |           |
|                                                                                   |        |                         |            |  | 416890         | For CTX <sup>3</sup> 22 | 567,000   |
|                                                                                   |        |                         |            |                                                                                     | 416891         | For CTX <sup>3</sup> 22 | 798,000   |

## CTX<sup>3</sup> control replay

|  |                  |         |         |  |                  |         |         |
|--|------------------|---------|---------|--|------------------|---------|---------|
|  | <b>4NO</b>       |         |         |  | <b>2NO + 2NC</b> |         |         |
|  | 416800           | 24V AC  | 361,000 |  | 416820           | 24V AC  | 361,000 |
|  | 416801           | 24V DC  | 567,000 |  | 416821           | 24V DC  | 567,000 |
|  | 416804           | 110V AC | 361,000 |  | 416822           | 110V AC | 361,000 |
|  | 416806           | 230V AC | 361,000 |  | 416823           | 230V AC | 361,000 |
|  | 416809           | 400V AC | 361,000 |  | 416824           | 400V AC | 361,000 |
|  | <b>3NO + 1NC</b> |         |         |  |                  |         |         |
|  | 416810           | 24V AC  | 361,000 |  |                  |         |         |
|  | 416811           | 24V DC  | 567,000 |  |                  |         |         |
|  | 416814           | 110V AC | 361,000 |  |                  |         |         |
|  | 416816           | 230V AC | 361,000 |  |                  |         |         |
|  | 416819           | 400V AC | 361,000 |  |                  |         |         |

Sản phẩm

Mã số

Dòng điện

Giá

Sản phẩm

Mã số

Dòng điện

Giá

### RTX<sup>3</sup> 40 sử dụng cho CTX<sup>3</sup> 22 & CTX<sup>3</sup> 40

#### RTX<sup>3</sup> relays S SZ2,3



|        |              |         |
|--------|--------------|---------|
| 416640 | 0,1 - 0,16A  | 405,000 |
| 416641 | 0,16 - 0,25A | 405,000 |
| 416642 | 0,25 - 0,4A  | 405,000 |
| 416643 | 0,4 - 0,63A  | 405,000 |
| 416644 | 0,63 - 1,0A  | 405,000 |
| 416645 | 1,0 - 1,6A   | 405,000 |
| 416646 | 1,6 - 2,5A   | 405,000 |
| 416647 | 2,5 - 4,0A   | 405,000 |
| 416648 | 4,0 - 6,0A   | 405,000 |
| 416649 | 5,0 - 8,0A   | 405,000 |
| 416650 | 6,0 - 9,0A   | 405,000 |
| 416651 | 7,0 - 10A    | 405,000 |
| 416652 | 9,0 - 13A    | 405,000 |
| 416653 | 12 - 18A     | 405,000 |
| 416654 | 16 - 22A     | 405,000 |
| 416655 | 18 - 25A     | 405,000 |
| 416656 | 22 - 32A     | 405,000 |
| 416657 | 28 - 40A     | 405,000 |

### RTX<sup>3</sup> 65 sử dụng cho CTX<sup>3</sup> 65

#### RTX<sup>3</sup> relays S SZ4



|        |           |           |
|--------|-----------|-----------|
| 416683 | 9,0 - 13A | 714,000   |
| 416684 | 12 - 18A  | 714,000   |
| 416685 | 16 - 22A  | 714,000   |
| 416686 | 18 - 25A  | 714,000   |
| 416687 | 24 - 36A  | 714,000   |
| 416688 | 28 - 40A  | 1,302,000 |
| 416689 | 34 - 50A  | 1,302,000 |

### RTX<sup>3</sup> 100 sử dụng cho CTX<sup>3</sup> 22 & CTX<sup>3</sup> 100

#### RTX<sup>3</sup> relays S SZ5



|        |          |           |
|--------|----------|-----------|
| 416723 | 18 - 25A | 1,302,000 |
| 416724 | 24 - 36A | 1,302,000 |
| 416725 | 28 - 40A | 1,302,000 |
| 416726 | 34 - 50A | 1,302,000 |
| 416727 | 45 - 65A | 1,302,000 |
| 416728 | 54 - 75A | 1,302,000 |
| 416729 | 63 - 85A | 1,933,000 |
| 416730 | 70 - 95A | 1,933,000 |

### RTX<sup>3</sup> 150 sử dụng cho CTX<sup>3</sup> 150

#### RTX<sup>3</sup> relays S SZ6



|        |           |           |
|--------|-----------|-----------|
| 416760 | 45 - 65A  | 1,302,000 |
| 416761 | 54 - 75A  | 1,302,000 |
| 416762 | 63 - 85A  | 1,302,000 |
| 416763 | 80 - 105A | 2,274,000 |
| 416764 | 95 - 130A | 2,274,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá | Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|

### MPCBs MPX<sup>3</sup> 32S MMS MT

|  |        |              |           |
|--|--------|--------------|-----------|
|  | 417300 | 0,1 - 0,16A  | 1,132,000 |
|  | 417301 | 0,16 - 0,25A | 1,132,000 |
|  | 417302 | 0,25 - 0,4A  | 1,132,000 |
|  | 417303 | 0,4 - 0,63A  | 1,132,000 |
|  | 417304 | 0,63 - 1A    | 1,132,000 |
|  | 417305 | 1,0 - 1,6A   | 1,132,000 |
|  | 417306 | 1,6 - 2,5A   | 1,132,000 |
|  | 417307 | 2,5 - 4,0A   | 1,132,000 |
|  | 417308 | 4,0 - 6,0A   | 1,132,000 |
|  | 417309 | 5,0 - 8,0A   | 1,132,000 |
|  | 417310 | 6,0 - 10A    | 1,132,000 |
|  | 417311 | 9,0 - 13A    | 1,169,000 |
|  | 417312 | 11 - 17A     | 1,169,000 |
|  | 417313 | 14 - 22A     | 1,169,000 |
|  | 417314 | 18 - 26A     | 1,169,000 |
|  | 417315 | 22 - 32A     | 1,169,000 |

### MPCBs MPX<sup>3</sup> 32MA MMS M

|  |        |              |           |
|--|--------|--------------|-----------|
|  | 417340 | 0,1 - 0,16A  | 1,309,000 |
|  | 417341 | 0,16 - 0,25A | 1,309,000 |
|  | 417342 | 0,25 - 0,4A  | 1,309,000 |
|  | 417343 | 0,4 - 0,63A  | 1,309,000 |
|  | 417344 | 0,63 - 1A    | 1,309,000 |
|  | 417345 | 1,0 - 1,6A   | 1,309,000 |
|  | 417346 | 1,6 - 2,5A   | 1,309,000 |
|  | 417347 | 2,5 - 4,0A   | 1,309,000 |
|  | 417348 | 4,0 - 6,0A   | 1,309,000 |
|  | 417349 | 5,0 - 8,0A   | 1,309,000 |
|  | 417350 | 6,0 - 10A    | 1,309,000 |
|  | 417351 | 9,0 - 13A    | 1,342,000 |
|  | 417352 | 11 - 17A     | 1,342,000 |
|  | 417353 | 14 - 22A     | 1,342,000 |
|  | 417354 | 18 - 26A     | 1,342,000 |
|  | 417355 | 22 - 32A     | 1,342,000 |

### MPCBs MPX<sup>3</sup> 32H MMS MT

|  |        |              |           |
|--|--------|--------------|-----------|
|  | 417320 | 0,1 - 0,16A  | 1,342,000 |
|  | 417321 | 0,16 - 0,25A | 1,342,000 |
|  | 417322 | 0,25 - 0,4A  | 1,342,000 |
|  | 417323 | 0,4 - 0,63A  | 1,342,000 |
|  | 417324 | 0,63 - 1A    | 1,342,000 |
|  | 417325 | 1,0 - 1,6A   | 1,342,000 |
|  | 417326 | 1,6 - 2,5A   | 1,342,000 |
|  | 417327 | 2,5 - 4,0A   | 1,342,000 |
|  | 417328 | 4,0 - 6,0A   | 1,342,000 |
|  | 417329 | 5,0 - 8,0A   | 1,342,000 |
|  | 417330 | 6,0 - 10A    | 1,342,000 |
|  | 417331 | 9,0 - 13A    | 1,450,000 |
|  | 417332 | 11 - 17A     | 1,450,000 |
|  | 417333 | 14 - 22A     | 1,450,000 |
|  | 417334 | 18 - 26A     | 1,450,000 |
|  | 417335 | 22 - 32A     | 1,450,000 |

### MPCBs MPX<sup>3</sup> 63H MMS MT

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 417360 | 6,0 - 10A | 3,323,000 |
|  | 417361 | 9,0 - 13A | 3,323,000 |
|  | 417362 | 11 - 17A  | 3,323,000 |
|  | 417363 | 14 - 22A  | 3,323,000 |
|  | 417364 | 18 - 26A  | 3,323,000 |
|  | 417365 | 22 - 32A  | 3,323,000 |
|  | 417366 | 28 - 40A  | 3,323,000 |
|  | 417367 | 34 - 50A  | 3,451,000 |
|  | 417368 | 45 - 63A  | 3,451,000 |

### MPCBs MPX<sup>3</sup> 100H MMS MT

|  |        |           |           |
|--|--------|-----------|-----------|
|  | 417370 | 11 - 17A  | 6,200,000 |
|  | 417371 | 14 - 22A  | 6,200,000 |
|  | 417372 | 18 - 26A  | 6,200,000 |
|  | 417373 | 22 - 32A  | 6,200,000 |
|  | 417374 | 28 - 40A  | 6,200,000 |
|  | 417375 | 34 - 50A  | 6,200,000 |
|  | 417376 | 45 - 63A  | 6,200,000 |
|  | 417377 | 55 - 75A  | 6,200,000 |
|  | 417378 | 70 - 90A  | 6,583,000 |
|  | 417379 | 80 - 100A | 6,583,000 |

## PHỤ KIỆN CHO MPX<sup>3</sup>

#### Undervoltage Releases ( Bộ thấp áp )

|  |        |               |         |
|--|--------|---------------|---------|
|  | 417420 | 24V~ / =      | 683,000 |
|  | 417422 | 230V~ / =     | 683,000 |
|  | 417423 | 400V~ / =     | 683,000 |
|  | 417430 | 2NO 24V~ / =  | 777,000 |
|  | 417431 | 2NO 110V~ / = | 777,000 |
|  | 417432 | 2NO 230V~ / = | 777,000 |

#### Shunttrips

|  |        |           |         |
|--|--------|-----------|---------|
|  | 417410 | 24V~ / =  | 683,000 |
|  | 417411 | 110V~ / = | 683,000 |
|  | 417412 | 230V~ / = | 683,000 |
|  | 417413 | 400V~ / = | 683,000 |

#### Tiếp điểm phụ

|  |        |                    |         |
|--|--------|--------------------|---------|
|  | 417400 | Auxiliary contact  |         |
|  | 417401 | SIDE 1NO + 1NC     | 313,000 |
|  | 417402 | SIDE 2NO           | 313,000 |
|  | 417403 | SIDE 2NC           | 313,000 |
|  | 417404 | Front 1NO + 1NC    | 270,000 |
|  | 417405 | Front 1NO          | 270,000 |
|  | 417405 | Front 1NC          | 270,000 |
|  | 417406 | Auxiliary alarm    |         |
|  | 417407 | Trip signal switch | 407,000 |
|  |        | Magnetic trip      | 432,000 |

#### Adaptor dùng cho CTX

|  |        |                                    |         |
|--|--------|------------------------------------|---------|
|  | 417448 | 32S with CTX <sup>3</sup> 22 AC    | 188,000 |
|  | 417449 | 32S with CTX <sup>3</sup> 22 DC    | 188,000 |
|  | 417450 | 32H/MA with CTX <sup>3</sup> 22 AC | 188,000 |
|  | 417451 | 32H/MA with CTX <sup>3</sup> 22 DC | 188,000 |
|  | 417452 | 32S with CTX <sup>3</sup> 40 AC    | 238,000 |
|  | 417453 | 32S with CTX <sup>3</sup> 40 DC    | 238,000 |
|  | 417454 | 32H/MA with CTX <sup>3</sup> 40 AC | 238,000 |
|  | 417455 | 32H/MA with CTX <sup>3</sup> 40 DC | 238,000 |
|  | 417456 | 63H with CTX <sup>3</sup> 65 AC    | 282,000 |
|  | 417457 | 63H with CTX <sup>3</sup> 65 DC    | 282,000 |
|  | 417458 | 100H with CTX <sup>3</sup> 100 AC  | 282,000 |
|  | 417459 | 100H with CTX <sup>3</sup> 100 DC  | 282,000 |

#### Phase busbar

|  |        |               |         |
|--|--------|---------------|---------|
|  | 417471 | 24V~ / =      | 219,000 |
|  | 417472 | 230V~ / =     | 432,000 |
|  | 417474 | 400V~ / =     | 620,000 |
|  | 417475 | 2NO 24V~ / =  | 219,000 |
|  | 417476 | 2NO 110V~ / = | 564,000 |
|  | 417477 | 2NO 230V~ / = | 157000  |

#### Tay nắm dạng xoay

|  |        |          |         |
|--|--------|----------|---------|
|  | 417463 | MPX 32H  | 815,000 |
|  | 417464 | MPX 63H  | 815,000 |
|  | 417465 | MPX 100H | 815,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá | Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|

### Changover switch DCX-M

3P - 230/400V



|        |       |            |
|--------|-------|------------|
| 431100 | 40A   | 2,279,000  |
| 431101 | 63A   | 2,435,000  |
| 431102 | 100A  | 3,905,000  |
| 431103 | 125A  | 4,403,000  |
| 431104 | 160A  | 5,096,000  |
| 431105 | 200A  | 7,178,000  |
| 431106 | 250A  | 7,768,000  |
| 431107 | 315A  | 10,358,000 |
| 431108 | 400A  | 11,550,000 |
| 431109 | 630A  | 18,126,000 |
| 431110 | 800A  | 20,716,000 |
| 431111 | 1000A | 31,074,000 |
| 431112 | 1250A | 32,627,000 |
| 431113 | 1600A | 57,486,000 |

4P - 230/400V



|        |       |            |
|--------|-------|------------|
| 431120 | 40A   | 2,589,000  |
| 431121 | 63A   | 2,745,000  |
| 431122 | 100A  | 4,350,000  |
| 431123 | 125A  | 4,868,000  |
| 431124 | 160A  | 5,697,000  |
| 431125 | 200A  | 8,183,000  |
| 431126 | 250A  | 8,804,000  |
| 431127 | 315A  | 11,394,000 |
| 431128 | 400A  | 12,637,000 |
| 431129 | 630A  | 20,716,000 |
| 431130 | 800A  | 23,305,000 |
| 431131 | 1000A | 34,181,000 |
| 431132 | 1250A | 39,360,000 |
| 431133 | 1600A | 65,255,000 |

### Phụ kiện Changover switch DCX-M

#### External handles



|        |                        |           |
|--------|------------------------|-----------|
| 431140 | For DCX-M 40 - 160A    | 396,000   |
| 431141 | For DCX-M 200 - 400A   | 986,000   |
| 431142 | For DCX-M 630 - 800A   | 1,106,000 |
| 431143 | For DCX-M 1000 - 1250A | 1,257,000 |
| 431144 | For DCX-M 1600A        | 1,508,000 |

#### Direct handles



|        |                        |           |
|--------|------------------------|-----------|
| 431145 | For DCX-M 40 - 160A    | 257,000   |
| 431146 | For DCX-M 200 - 400A   | 654,000   |
| 431147 | For DCX-M 630 - 800A   | 754,000   |
| 431148 | For DCX-M 1000 - 1250A | 905,000   |
| 431149 | For DCX-M 1600A        | 1,006,000 |

#### Rear protective plates



|        |                        |           |
|--------|------------------------|-----------|
| 431165 | For DCX-M 200 - 400A   | 1,036,000 |
| 431166 | For DCX-M 630 - 800A   | 1,243,000 |
| 431167 | For DCX-M 1000 - 1250A | 1,279,000 |

#### Mouting kits ( Plate & Panel )

|        |                       |           |
|--------|-----------------------|-----------|
| 021120 | DCX-M 40 - 63A VERT   | 3,224,000 |
| 021121 | DCX-M 100 - 160A VERT | 2,993,000 |
| 021122 | DCX-M 250 - 400A VERT | 3,181,000 |
| 021123 | DCX-M 630 - 800A VERT | 3,746,000 |
| 021124 | DCX-M 1250A VERT      | 3,821,000 |
| 021125 | DCX-M 1600A VERT      | 2,603,000 |
| 021127 | DCX-M 100 - 160A HZ   | 3,040,000 |
| 021128 | DCX-M 250 - 400A HZ   | 3,215,000 |
| 021129 | DCX-M 630 - 800A HZ   | 3,747,000 |

#### Extended shafts



|        |                        |         |
|--------|------------------------|---------|
| 431150 | For DCX-M 40 - 160A    | 311,000 |
| 431151 | For DCX-M 200 - 400A   | 414,000 |
| 431152 | For DCX-M 630 - 800A   | 621,000 |
| 431153 | For DCX-M 1000 - 1250A | 725,000 |

#### Auxiliary contacts ( tiếp điểm phụ )



|        |                     |         |
|--------|---------------------|---------|
| 431155 | For DCX-M 1NO + 1NC | 207,000 |
| 431156 | For DCX-M 2NO + 2NC | 363,000 |
| 431157 | For DCX-M 1NO + 1NC | 207,000 |
| 431158 | For DCX-M 2NO + 2NC | 363,000 |

#### Simple lock devices



|        |                        |           |
|--------|------------------------|-----------|
| 431170 | For DCX-M 40 - 160A    | 2,693,000 |
| 431171 | For DCX-M 200 - 400A   | 3,625,000 |
| 431172 | For DCX-M 630 - 800A   | 4,143,000 |
| 431173 | For DCX-M 1000 - 1250A | 4,350,000 |
| 431174 | For DCX-M 1600A        | 4,557,000 |

#### Double lock devices



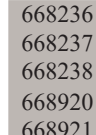
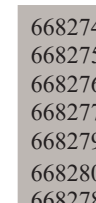
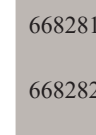
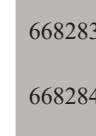
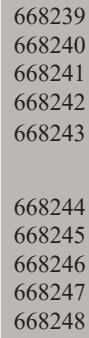
|        |                        |           |
|--------|------------------------|-----------|
| 431175 | For DCX-M 40 - 160A    | 4,143,000 |
| 431176 | For DCX-M 200 - 400A   | 5,697,000 |
| 431177 | For DCX-M 630 - 800A   | 6,008,000 |
| 431178 | For DCX-M 1000 - 1250A | 6,318,000 |
| 431179 | For DCX-M 1600A        | 6,733,000 |

#### Bridgind links



|        |                        |           |
|--------|------------------------|-----------|
| 431160 | For DCX-M 200 - 400A   | 777,000   |
| 431161 | For DCX-M 630 - 800A   | 932,000   |
| 431162 | For DCX-M 1000 - 1250A | 1,139,000 |

| Sản phẩm                                                                           | Mã số                                                                            | Dòng điện        | Giá              | Sản phẩm           | Mã số            | Dòng điện   | Giá         |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------|------------------|-------------|-------------|--|
| ACBs DEX - FIX TYPE                                                                |                                                                                  |                  |                  | ACBs DEX - DRAWOUT |                  |             |             |  |
|    | 3P - 1600 - 55kA                                                                 |                  |                  | 3P - 1600 - 55kA   |                  |             |             |  |
|                                                                                    | 668000                                                                           | 630A             | 113,072,000      | 668090             | 630A             | 141,165,000 |             |  |
|                                                                                    | 668001                                                                           | 800A             | 104,071,000      | 668091             | 800A             | 141,165,000 |             |  |
|                                                                                    | 668002                                                                           | 1000A            | 112,380,000      | 668092             | 1000A            | 141,165,000 |             |  |
|                                                                                    | 668003                                                                           | 1250A            | 95,626,000       | 668093             | 1250A            | 143,058,000 |             |  |
|                                                                                    | 668004                                                                           | 1600A            | 103,104,000      | 668094             | 1600A            | 134,959,000 |             |  |
|                                                                                    | 4P - 1600 - 55kA                                                                 |                  |                  | 4P - 1600 - 55kA   |                  |             |             |  |
|                                                                                    | 668010                                                                           | 630A             | 124,256,000      | 668100             | 630A             | 159,471,000 |             |  |
|                                                                                    | 668011                                                                           | 800A             | 124,256,000      | 668101             | 800A             | 151,372,000 |             |  |
|                                                                                    | 668012                                                                           | 1000A            | 124,256,000      | 668102             | 1000A            | 159,884,000 |             |  |
|                                                                                    | 668013                                                                           | 1250A            | 113,792,000      | 668103             | 1250A            | 166,863,000 |             |  |
|                                                                                    | 668014                                                                           | 1600A            | 122,304,000      | 668104             | 1600A            | 175,376,000 |             |  |
|                                                                                    |  | 3P - 2000 - 80kA |                  |                    | 3P - 2000 - 80kA |             |             |  |
|                                                                                    |                                                                                  | 668026           | 630A             | 135,319,000        | 668116           | 630A        | 159,747,000 |  |
| 668027                                                                             |                                                                                  | 800A             | 135,247,000      | 668117             | 800A             | 156,259,000 |             |  |
| 668028                                                                             |                                                                                  | 1000A            | 135,247,000      | 668118             | 1000A            | 159,747,000 |             |  |
| 668029                                                                             |                                                                                  | 1250A            | 128,410,000      | 668119             | 1250A            | 159,907,000 |             |  |
| 668030                                                                             |                                                                                  | 1600A            | 128,410,000      | 668120             | 1600A            | 159,907,000 |             |  |
| 668031                                                                             |                                                                                  | 2000A            | 128,410,000      | 668121             | 2000A            | 163,046,000 |             |  |
| 4P - 2000 - 80kA                                                                   |                                                                                  |                  | 4P - 2000 - 80kA |                    |                  |             |             |  |
| 668046                                                                             |                                                                                  | 630A             | 159,343,000      | 668136             | 630A             | 200,067,000 |             |  |
| 668047                                                                             |                                                                                  | 800A             | 159,343,000      | 668137             | 800A             | 200,067,000 |             |  |
| 668048                                                                             |                                                                                  | 1000A            | 159,343,000      | 668138             | 1000A            | 200,067,000 |             |  |
| 668049                                                                             |                                                                                  | 1250A            | 152,709,000      | 668139             | 1250A            | 190,910,000 |             |  |
| 668050                                                                             |                                                                                  | 1600A            | 152,709,000      | 668140             | 1600A            | 190,910,000 |             |  |
| 668051                                                                             |                                                                                  | 2000A            | 139,211,000      | 668141             | 2000A            | 194,834,000 |             |  |
|  | 3P - 3200 -100kA                                                                 |                  |                  | 3P - 3200 -100kA   |                  |             |             |  |
|                                                                                    | 668066                                                                           | 2000A            | 155,048,000      | 668156             | 2000A            | 238,238,000 |             |  |
|                                                                                    | 668067                                                                           | 2500A            | 155,048,000      | 668157             | 2500A            | 238,238,000 |             |  |
|                                                                                    | 668068                                                                           | 3200A            | 155,050,000      | 668158             | 3200A            | 238,238,000 |             |  |
|                                                                                    | 4P - 3200 -100kA                                                                 |                  |                  | 4P - 3200 -100kA   |                  |             |             |  |
|                                                                                    | 668076                                                                           | 2000A            | 205,987,000      | 668166             | 2000A            | 276,671,000 |             |  |
|                                                                                    | 668077                                                                           | 2500A            | 205,987,000      | 668167             | 2500A            | 276,671,000 |             |  |
|                                                                                    | 668078                                                                           | 3200A            | 219,492,000      | 668168             | 3200A            | 276,671,000 |             |  |
|  | 3P - 4000 - 100kA                                                                |                  |                  | 3P - 4000 - 100kA  |                  |             |             |  |
|                                                                                    | 668800                                                                           | 630A             | 226,349,000      | 668830             | 630A             | 326,261,000 |             |  |
|                                                                                    | 668802                                                                           | 800A             | 227,302,000      | 668832             | 800A             | 335,448,000 |             |  |
|                                                                                    | 668804                                                                           | 1000A            | 226,767,000      | 668834             | 1000A            | 335,866,000 |             |  |
|                                                                                    | 668806                                                                           | 1250A            | 206,083,000      | 668836             | 1250A            | 304,271,000 |             |  |
|                                                                                    | 668808                                                                           | 1600A            | 206,083,000      | 668838             | 1600A            | 304,271,000 |             |  |
|                                                                                    | 668810                                                                           | 2000A            | 206,083,000      | 668840             | 2000A            | 304,271,000 |             |  |
|                                                                                    | 668812                                                                           | 2500A            | 206,459,000      | 668842             | 2500A            | 304,648,000 |             |  |
|                                                                                    | 668814                                                                           | 2900A            | 195,070,000      | 668844             | 2900A            | 293,259,000 |             |  |
|                                                                                    | 668816                                                                           | 3200A            | 206,459,000      | 668846             | 3200A            | 304,648,000 |             |  |
|                                                                                    | 668818                                                                           | 3600A            | 195,512,000      | 668848             | 3600A            | 293,701,000 |             |  |
|                                                                                    | 668820                                                                           | 4000A            | 214,653,000      | 668850             | 4000A            | 312,842,000 |             |  |
|                                                                                    | 4P - 4000 - 100kA                                                                |                  |                  | 4P - 4000 - 100kA  |                  |             |             |  |
|                                                                                    | 668801                                                                           | 630A             | 268,838,000      | 668831             | 630A             | 407,124,000 |             |  |
|                                                                                    | 668803                                                                           | 800A             | 268,838,000      | 668833             | 800A             | 407,124,000 |             |  |
|                                                                                    | 668805                                                                           | 1000A            | 269,394,000      | 668835             | 1000A            | 407,681,000 |             |  |
|                                                                                    | 668807                                                                           | 1250A            | 244,447,000      | 668837             | 1250A            | 368,905,000 |             |  |
|                                                                                    | 668809                                                                           | 1600A            | 244,447,000      | 668839             | 1600A            | 368,905,000 |             |  |
|                                                                                    | 668811                                                                           | 2000A            | 244,447,000      | 668841             | 2000A            | 368,905,000 |             |  |
|                                                                                    | 668813                                                                           | 2500A            | 244,949,000      | 668843             | 2500A            | 369,407,000 |             |  |
|                                                                                    | 668815                                                                           | 2900A            | 244,949,000      | 668845             | 2900A            | 357,161,000 |             |  |
|                                                                                    | 668817                                                                           | 3200A            | 244,949,000      | 668847             | 3200A            | 369,407,000 |             |  |
|                                                                                    | 668819                                                                           | 3600A            | 245,929,000      | 668849             | 3600A            | 358,142,000 |             |  |
|                                                                                    | 668821                                                                           | 4000A            | 254,892,000      | 668851             | 4000A            | 379,351,000 |             |  |

| Sản phẩm                                                                            | Mã số                        | Mô tả                        | Giá        | Sản phẩm                                                                             | Mã số                        | Mô tả                          | Giá         |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------|--|
| <b>PHỤ KIỆN ACBs DEX</b>                                                            |                              |                              |            |                                                                                      |                              |                                |             |  |
| <b>Shunt trips</b>                                                                  |                              |                              |            | <b>Motor</b>                                                                         |                              |                                |             |  |
|    | 668207                       | 1600A - 230V~                | 1,570,000  |     | 668190                       | 1600 - 400V~                   | 7,263,000   |  |
|                                                                                     | 668208                       | 1600A - 400V~                | 1,570,000  |                                                                                      | 668191                       | 1600 - 230V~                   | 7,263,000   |  |
|                                                                                     | 668211                       | 2000/3200/4000A - 230V~      | 1,762,000  |                                                                                      | 668193                       | 2000 - 400V~                   | 6,779,000   |  |
|                                                                                     | 668212                       | 2000/3200/4000A - 400V~      | 1,998,000  |                                                                                      | 668194                       | 2000 - 230V~                   | 5,980,000   |  |
| <b>Undervoltage</b>                                                                 |                              |                              |            |                                                                                      | 668196                       | 3200/4000 - 400V~              | 7,505,000   |  |
|     | <b>Frame 1600A</b>           |                              |            |                                                                                      | 668197                       | 3200/4000 - 230V~              | 7,505,000   |  |
|                                                                                     | 668215                       | 230V~                        | 4,568,000  | <b>Closing coil</b>                                                                  |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668216                       | 400V~                        | 4,568,000  |     | 668199                       | 1600 - 230V~                   | 1,578,000   |  |
|                                                                                     | 668217                       | 230V~ ( 1s,0.3s,0.5s, 0.7s)* | 5,815,000  |                                                                                      | 668200                       | 1600 - 400V~                   | 1,578,000   |  |
|                                                                                     | 668218                       | 400V~ ( 1s,0.3s,0.5s, 0.7s)* | 5,873,000  |                                                                                      | 668203                       | 2000/3200 - 230V~              | 1,770,000   |  |
|                                                                                     | 668219                       | 230V~ ( 3s,0.3s,0.5s, 0.7s)* | 5,815,000  |                                                                                      | 668204                       | 2000/3200 - 400V~              | 2,008,000   |  |
|                                                                                     | 668220                       | 400V~ ( 3s,0.3s,0.5s, 0.7s)* | 5,815,000  | <b>Cable mechanical Interlock</b>                                                    |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668221                       | 230V~ ( 5s,0.3s,0.5s, 0.7s)* | 5,815,000  |    | 668236                       | 1600A between 2 draw           | 7,486,000   |  |
|                                                                                     | 668222                       | 400V~ ( 5s,0.3s,0.5s, 0.7s)* | 5,815,000  |                                                                                      | 668237                       | 2000/3200A between 2 fix       | 12,476,000  |  |
|                                                                                     | <b>Frame 2000/3200/4000A</b> |                              |            |                                                                                      | 668238                       | 2000/3200A between 2 draw      | 6,239,000   |  |
|                                                                                     | 668223                       | 2000 - 230V~                 | 3,576,000  |                                                                                      | 668920                       | 4000A between 2 fix or draw    | 50,156,000  |  |
|                                                                                     | 668224                       | 2000 - 400V~                 | 3,576,000  |                                                                                      | 668921                       | 4000A between 3 fix or draw    | 103,890,000 |  |
|                                                                                     | 668225                       | 2000 - 230V~ (0.3s - 5s)*    | 4,951,000  | <b>Auxiliary contact ( tiếp điểm phụ )</b>                                           |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668226                       | 2000 - 400V~ (0.3s - 5s)*    | 4,951,000  |   | 668231                       | 1600A - 6NC/6N0                | 1,681,000   |  |
|                                                                                     | 668227                       | 3200/4000 - 230V~            | 3,576,000  |                                                                                      | 668232                       | 3200A/4000A - 6NC/6N0          | 1,936,000   |  |
|                                                                                     | 668228                       | 3200/4000 - 400V~            | 3,576,000  | <b>Door frame and secondary cover</b>                                                |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668229                       | 4000 - 230V~ (0.3s - 5s)*    | 4,951,000  |  | 668274                       | 1600A - fix/frame              | 1,756,000   |  |
|                                                                                     | 668230                       | 4000 - 400V~ (0.3s - 5s)*    | 4,951,000  |                                                                                      | 668275                       | 1600A - drawout/frame          | 2,934,000   |  |
| *dt: delay time                                                                     |                              |                              |            |                                                                                      | 668276                       | 2000A - fix/frame              | 2,016,000   |  |
| <b>Protection Unit 1600A</b>                                                        |                              |                              |            |                                                                                      | 668277                       | 2000A - drawout/frame          | 2,016,000   |  |
|  | 668295                       | LI                           | 20,183,000 |                                                                                      | 668279                       | 3200/4000A - fix/frame         | 2,016,000   |  |
|                                                                                     | 668296                       | LSI                          | 21,127,000 |                                                                                      | 668280                       | 3200/4000A - drawout           | 2,016,000   |  |
|                                                                                     | 668297                       | LSIg                         | 30,479,000 |                                                                                      | 668278                       | 3200/4000 - secondary          | 341,000     |  |
|                                                                                     | 668298                       | LCD - LSI                    | 25,612,000 | <b>Auxiliary power supply</b>                                                        |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668299                       | LCD - LSIg                   | 26,557,000 |  | <b>Frame 1600A</b>           |                                |             |  |
| <b>Protection Unit 2000/3200/4000A</b>                                              |                              |                              |            |                                                                                      | 668281                       | Input 400V/AC<br>Output 24V/DC | 1,232,000   |  |
|  | 668290                       | LI                           | 20,488,000 |                                                                                      | 668282                       | Input 230V/AC<br>Output 24V/DC | 1,232,000   |  |
|                                                                                     | 668291                       | LSI                          | 15,331,000 |  | <b>Frame 2000/3200/4000A</b> |                                |             |  |
|                                                                                     | 668292                       | LSIg                         | 17,554,000 |                                                                                      | 668283                       | Input 400V/AC<br>Output 12V/DC | 2,312,000   |  |
|                                                                                     | 668293                       | LCD - LSI                    | 23,473,000 |                                                                                      | 668284                       | Input 230V/AC<br>Output 12V/DC | 2,312,000   |  |
|                                                                                     | 668294                       | LCD - LSIg                   | 23,473,000 | <b>External neutral transformer</b>                                                  |                              |                                |             |  |
| <b>Open position keylock</b>                                                        |                              |                              |            |  | 668286                       | 2000/3200/4000A                | 1,879,000   |  |
|  | <b>Frame 1600A</b>           |                              |            |                                                                                      | 668287                       | 1600A                          | 1,879,000   |  |
|                                                                                     | 668239                       | 1 lock + 1 key               | 2,429,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668240                       | 2 lock + 1 key               | 4,856,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668241                       | 3 lock + 1 key               | 7,284,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668242                       | 3 lock + 2 key               | 7,284,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668243                       | 5 lock + 3 key               | 12,140,000 |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | <b>Frame 2000/3200/4000A</b> |                              |            |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668244                       | 3 lock + 1 key               | 8,441,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668245                       | 3 lock + 2 key               | 8,441,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668246                       | 5 lock + 3 key               | 14,071,000 |                                                                                      |                              |                                |             |  |
| <b>Door Interlock</b>                                                               |                              |                              |            |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|  | 668247                       | 1 lock + 1 key               | 2,814,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668248                       | 2 lock + 1 key               | 5,628,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     |                              |                              |            |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|  | 668249                       | 1600A                        | 2,508,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668250                       | 2000/3200A                   | 2,508,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |
|                                                                                     | 668230                       | 4000A                        | 2,508,000  |                                                                                      |                              |                                |             |  |

| Sản phẩm                                    | Mã số  | Dòng điện | Giá         |
|---------------------------------------------|--------|-----------|-------------|
| <b>ACBs DMX<sup>3</sup> 1600 FIX - TYPE</b> |        |           |             |
| <b>3P - 1600 - 42kA</b>                     |        |           |             |
|                                             | 028000 | 630A      | 131,281,000 |
|                                             | 028001 | 800A      | 131,281,000 |
|                                             | 028002 | 1000A     | 131,281,000 |
|                                             | 028003 | 1250A     | 131,281,000 |
|                                             | 028004 | 1600A     | 131,281,000 |
| <b>4P - 1600 - 42kA</b>                     |        |           |             |
|                                             | 028006 | 630A      | 153,350,000 |
|                                             | 028007 | 800A      | 153,350,000 |
|                                             | 028008 | 1000A     | 191,741,000 |
|                                             | 028009 | 1250A     | 153,350,000 |
|                                             | 028010 | 1600A     | 153,350,000 |

| Sản phẩm                                  | Mã số  | Dòng điện | Giá         |
|-------------------------------------------|--------|-----------|-------------|
| <b>ACBs DMX<sup>3</sup> 1600 DRAW-OUT</b> |        |           |             |
| <b>3P - 1600 - 42kA</b>                   |        |           |             |
|                                           | 028012 | 630A      | 172,546,000 |
|                                           | 028013 | 800A      | 172,546,000 |
|                                           | 028014 | 1000A     | 210,613,000 |
|                                           | 028015 | 1250A     | 172,546,000 |
|                                           | 028016 | 1600A     | 172,546,000 |
| <b>4P - 1600 - 42kA</b>                   |        |           |             |
|                                           | 028018 | 630A      | 208,583,000 |
|                                           | 028019 | 800A      | 208,583,000 |
|                                           | 028020 | 1000A     | 208,583,000 |
|                                           | 028021 | 1250A     | 252,261,000 |
|                                           | 028022 | 1600A     | 208,583,000 |

|                         |        |       |             |
|-------------------------|--------|-------|-------------|
| <b>3P - 1600 - 50kA</b> |        |       |             |
|                         | 028024 | 630A  | 131,281,000 |
|                         | 028025 | 800A  | 131,281,000 |
|                         | 028026 | 1000A | 131,281,000 |
|                         | 028027 | 1250A | 131,281,000 |
|                         | 028028 | 1600A | 112,618,000 |
| <b>4P - 1600 - 50kA</b> |        |       |             |
|                         | 028030 | 630A  | 153,350,000 |
|                         | 028031 | 800A  | 153,350,000 |
|                         | 028032 | 1000A | 191,741,000 |
|                         | 028033 | 1250A | 153,350,000 |
|                         | 028034 | 1600A | 129,733,000 |

|                         |        |       |             |
|-------------------------|--------|-------|-------------|
| <b>3P - 1600 - 50kA</b> |        |       |             |
|                         | 028036 | 630A  | 172,546,000 |
|                         | 028037 | 800A  | 172,546,000 |
|                         | 028038 | 1000A | 172,546,000 |
|                         | 028039 | 1250A | 172,546,000 |
|                         | 028040 | 1600A | 148,706,000 |
| <b>4P - 1600 - 50kA</b> |        |       |             |
|                         | 028042 | 630A  | 208,583,000 |
|                         | 028043 | 800A  | 208,583,000 |
|                         | 028044 | 1000A | 208,583,000 |
|                         | 028045 | 1250A | 208,583,000 |
|                         | 028046 | 1600A | 204,988,000 |

## PHỤ KIỆN ACBs DMX<sup>3</sup> 1600

### Undervoltage Releases



|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 028136 | 12V~ / =      | 5,801,000 |
| 028137 | 24V~ / =      | 5,801,000 |
| 028138 | 48V~ / =      | 6,427,000 |
| 028139 | 110/130V~ / = | 5,801,000 |
| 028140 | 200/240V~ / = | 5,801,000 |

### Shunt trips

|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 028131 | 12V~ / =      | 3,226,000 |
| 028132 | 24V~ / =      | 3,226,000 |
| 028133 | 48V~ / =      | 3,226,000 |
| 028134 | 110/130V~ / = | 3,226,000 |
| 028135 | 200/240V~ / = | 3,226,000 |

### Motor operators



|        |               |            |
|--------|---------------|------------|
| 028120 | 12V~ / =      | 10,602,000 |
| 028121 | 24V~ / =      | 10,602,000 |
| 028122 | 48V~ / =      | 10,602,000 |
| 028123 | 110/130V~ / = | 10,602,000 |
| 028124 | 200/240V~ / = | 10,602,000 |

### Closing coil

|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 028126 | 12V~ / =      | 3,226,000 |
| 028127 | 24V~ / =      | 3,226,000 |
| 028128 | 48V~ / =      | 3,226,000 |
| 028129 | 110/130V~ / = | 3,226,000 |
| 028130 | 200/240V~ / = | 3,226,000 |

### Front terminals

|           |              |            |
|-----------|--------------|------------|
| <b>3P</b> |              |            |
| 028155    | For DMX 1600 | 16,601,000 |
| 028157    | For DMX 1600 | 16,325,000 |
| <b>4P</b> |              |            |
| 028156    | For DMX 1600 | 16,388,000 |
| 028158    | For DMX 1600 | 21,722,000 |

### Insulation Shield

|        |              |           |
|--------|--------------|-----------|
| 028149 | For DMX 1600 | 1,577,000 |
| 028150 | For DMX 1600 | 2,210,000 |

### Spreaders

|           |              |            |
|-----------|--------------|------------|
| <b>3P</b> |              |            |
| 028159    | For DMX 1600 | 7,468,000  |
| <b>4P</b> |              |            |
| 028160    | For DMX 1600 | 10,323,000 |

### Cable intelock



|        |        |           |
|--------|--------|-----------|
| 028917 | 1000mm | 6,341,000 |
| 028918 | 1500mm | 5,532,000 |
| 028919 | 2600mm | 5,048,000 |
| 028920 | 3000mm | 5,288,000 |
| 028921 | 3600mm | 7,211,000 |
| 028922 | 4000mm | 7,452,000 |
| 028923 | 4600mm | 7,933,000 |
| 028924 | 5600mm | 8,173,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá | Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|----------|-------|-----------|-----|

## ACBs DMX<sup>3</sup> - FIX TYPE

### 3P - 2500 - 50kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028621 | 800A  | 233,985,000 |
| 028622 | 1000A | 233,985,000 |
| 028623 | 1250A | 204,737,000 |
| 028624 | 1600A | 204,669,000 |
| 028625 | 2000A | 204,738,000 |
| 028626 | 2500A | 204,738,000 |

### 4P - 2500 - 50kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028631 | 800A  | 270,431,000 |
| 028632 | 1000A | 270,431,000 |
| 028633 | 1250A | 236,627,000 |
| 028634 | 1600A | 236,629,000 |
| 028635 | 2000A | 236,629,000 |
| 028636 | 2500A | 236,629,000 |



## ACBs DMX<sup>3</sup> - DRAWOUT

### 3P - 2500 - 50kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028721 | 800A  | 369,053,000 |
| 028722 | 1000A | 369,053,000 |
| 028723 | 1250A | 322,921,000 |
| 028724 | 1600A | 322,921,000 |
| 028725 | 2000A | 322,921,000 |
| 028726 | 2500A | 322,921,000 |

### 4P - 2500 - 50kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028731 | 800A  | 425,825,000 |
| 028732 | 1000A | 425,825,000 |
| 028733 | 1250A | 372,597,000 |
| 028734 | 1600A | 372,597,000 |
| 028735 | 2000A | 372,597,000 |
| 028736 | 2500A | 372,597,000 |



### 3P - 2500 - 65kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028641 | 800A  | 234,031,000 |
| 028642 | 1000A | 234,029,000 |
| 028643 | 1250A | 204,776,000 |
| 028644 | 1600A | 204,777,000 |
| 028645 | 2000A | 204,777,000 |
| 028646 | 2500A | 204,777,000 |

### 4P - 2500 - 65kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028651 | 800A  | 270,476,000 |
| 028652 | 1000A | 240,133,000 |
| 028653 | 1250A | 236,666,000 |
| 028654 | 1600A | 236,667,000 |
| 028655 | 2000A | 236,667,000 |
| 028656 | 2500A | 236,667,000 |



### 3P - 2500 - 65kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028741 | 800A  | 369,099,000 |
| 028742 | 1000A | 369,099,000 |
| 028743 | 1250A | 365,631,000 |
| 028744 | 1600A | 322,960,000 |
| 028745 | 2000A | 322,960,000 |
| 028746 | 2500A | 322,960,000 |

### 4P - 2500 - 65kA

|        |       |             |
|--------|-------|-------------|
| 028751 | 800A  | 425,871,000 |
| 028752 | 1000A | 425,870,000 |
| 028753 | 1250A | 372,636,000 |
| 028754 | 1600A | 372,636,000 |
| 028755 | 2000A | 372,636,000 |
| 028756 | 2500A | 372,636,000 |



| Sản phẩm                                                                          | Mã số            | Dòng điện | Giá         | Sản phẩm                                                                           | Mã số            | Dòng điện | Giá         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-------------|
| ACBs DMX <sup>3</sup> - FIX TYPE                                                  |                  |           |             | ACBs DMX <sup>3</sup> - DRAWOUT                                                    |                  |           |             |
|   | 3P - 4000 - 50kA |           |             |   | 3P - 4000 - 50kA |           |             |
|                                                                                   | 028627           | 3200A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028727           | 3200A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 028628           | 4000A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028728           | 4000A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 4P - 4000 - 50kA |           |             |                                                                                    | 4P - 4000 - 50kA |           |             |
|                                                                                   | 028637           | 3200A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028737           | 3200A     | 501,720,000 |
|                                                                                   | 028638           | 4000A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028738           | 4000A     | 501,720,000 |
|   | 3P - 4000 - 65kA |           |             |   | 3P - 4000 - 65kA |           |             |
|                                                                                   | 028647           | 3200A     | 271,085,000 |                                                                                    | 028747           | 3200A     | 423,433,000 |
|                                                                                   | 028648           | 4000A     | 271,085,000 |                                                                                    | 028748           | 4000A     | 423,433,000 |
|                                                                                   | 4P - 4000 - 65kA |           |             |                                                                                    | 4P - 4000 - 65kA |           |             |
|                                                                                   | 028657           | 3200A     | 321,627,000 |                                                                                    | 028757           | 3200A     | 501,759,000 |
|                                                                                   | 028658           | 4000A     | 321,627,000 |                                                                                    | 028758           | 4000A     | 501,759,000 |
|  | 3P - 4000 -100kA |           |             |  | 3P - 4000 -100kA |           |             |
|                                                                                   | 028661           | 800A      | 309,767,000 |                                                                                    | 028761           | 800A      | 483,891,000 |
|                                                                                   | 028662           | 1000A     | 309,767,000 |                                                                                    | 028762           | 1000A     | 483,891,000 |
|                                                                                   | 028663           | 1250A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028763           | 1250A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 028664           | 1600A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028764           | 1600A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 028665           | 2000A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028765           | 2000A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 028666           | 2500A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028766           | 2500A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 028667           | 3200A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028767           | 3200A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 028668           | 4000A     | 271,046,000 |                                                                                    | 028768           | 4000A     | 423,404,000 |
|                                                                                   | 4P - 4000 -100kA |           |             |                                                                                    | 4P - 4000 -100kA |           |             |
|                                                                                   | 028671           | 800A      | 367,529,000 |                                                                                    | 028771           | 800A      | 573,394,000 |
|                                                                                   | 028672           | 1000A     | 367,529,000 |                                                                                    | 028772           | 1000A     | 573,394,000 |
|                                                                                   | 028673           | 1250A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028773           | 1250A     | 501,720,000 |
|                                                                                   | 028674           | 1600A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028774           | 1600A     | 501,720,000 |
|                                                                                   | 028675           | 2000A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028775           | 2000A     | 501,720,000 |
|                                                                                   | 028676           | 2500A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028776           | 2500A     | 501,720,000 |
|                                                                                   | 028677           | 3200A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028777           | 3200A     | 501,720,000 |
|                                                                                   | 028678           | 4000A     | 321,588,000 |                                                                                    | 028778           | 4000A     | 501,720,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|

### PHỤ KIỆN ACBs DMX<sup>3</sup>

#### Undervoltage Releases



|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 028855 | 24V~ / =      | 8,791,000 |
| 028856 | 48V~ / =      | 8,791,000 |
| 028857 | 110/130V~ / = | 8,791,000 |
| 028858 | 200/240V~ / = | 8,791,000 |
| 028859 | 415/480V~ / = | 8,791,000 |

#### Shunt trips



|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 028848 | 24V~ / =      | 8,791,000 |
| 028849 | 48V~ / =      | 8,791,000 |
| 028850 | 110/130V~ / = | 8,791,000 |
| 028851 | 200/240V~ / = | 8,791,000 |
| 028852 | 415/480V~ / = | 8,791,000 |

#### Motor operators



|        |               |            |
|--------|---------------|------------|
| 028834 | 24V~ / =      | 16,483,000 |
| 028835 | 48V~ / =      | 16,483,000 |
| 028836 | 110/130V~ / = | 16,483,000 |
| 028837 | 220/250V~ / = | 16,483,000 |
| 028838 | 415/440V~ / = | 16,483,000 |
| 028839 | 440/480V~ / = | 59,061,000 |
| 028840 | 480V~ / =     | 16,483,000 |

#### Closing coil



|        |               |           |
|--------|---------------|-----------|
| 028841 | 24V~ / =      | 8,791,000 |
| 028842 | 48V~ / =      | 8,791,000 |
| 028843 | 110/130V~ / = | 8,791,000 |
| 028844 | 200/240V~ / = | 8,791,000 |
| 028845 | 415/480V~ / = | 8,791,000 |

#### Key locking in "open" position



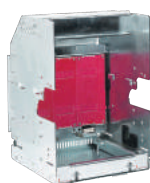
|        |            |            |
|--------|------------|------------|
| 028830 | Frame 2500 | 6,593,000  |
| 028831 | Frame 2500 | 7,692,000  |
| 028828 | Frame 2500 | 3,022,000  |
| 028829 | Frame 2500 | 45,510,000 |

#### Padlock in "open" position



|        |            |           |
|--------|------------|-----------|
| 028821 | Frame 2500 | 2,747,000 |
| 028824 | Frame 2500 | 4,682,000 |
| 028826 | Frame 2500 | 824,000   |

#### Bases for drawout device



|        |            |             |
|--------|------------|-------------|
| 028902 | Frame 2500 | 76,923,000  |
| 028903 | Frame 2500 | 91,483,000  |
| 028904 | Frame 4000 | 120,054,000 |
| 028905 | Frame 4000 | 148,076,000 |
| 028913 | Frame 6300 | 262,086,000 |
| 028914 | Frame 6300 | 321,976,000 |

#### Equipment for supply invertors



|        |            |            |
|--------|------------|------------|
| 028864 | Frame 2500 | 11,538,000 |
| 028865 | Frame 4000 | 11,538,000 |
| 028866 | Frame 6300 | 11,538,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Dòng điện | Giá |
|----------|-------|-----------|-----|
|----------|-------|-----------|-----|

### MP4 Protection units



|        |            |            |
|--------|------------|------------|
| 028800 | Frame 2500 | 27,735,000 |
| 028801 | Frame 2500 | 27,968,000 |
| 028802 | Frame 2500 | 28,266,000 |

### MP6 touch screen protection units



|        |            |            |
|--------|------------|------------|
| 028803 | Frame 2500 | 98,750,000 |
| 028804 | Frame 2500 | 98,755,000 |

### Transformation kit for drawout



|        |                       |            |
|--------|-----------------------|------------|
| 028909 | 3P for DMX frame 2500 | 25,000,000 |
| 028910 | 3P for DMX frame 2500 | 31,044,000 |
| 028911 | 3P for DMX frame 2500 | 35,165,000 |
| 028912 | 3P for DMX frame 4000 | 35,714,000 |
| 028915 | 3P for DMX frame 6300 | 49,176,000 |
| 028916 | 3P for DMX frame 6300 | 45,879,000 |

### Rear terminals



|        |                           |            |
|--------|---------------------------|------------|
| 028884 | 3P For frame 2500 fix     | 10,165,000 |
| 028885 | 4P For frame 2500 fix     | 12,912,000 |
| 028882 | 3P For frame 2500 fix     | 12,912,000 |
| 028883 | 4P For frame 2500 fix     | 12,912,000 |
| 028896 | For frame 2500 drawout    | 10,714,000 |
| 028897 | For frame 2500 drawout    | 13,736,000 |
| 028892 | For frame 4000 fix        | 21,428,000 |
| 028893 | For frame 4000 fix        | 28,297,000 |
| 028894 | For frame 4000 & 6300 fix | 17,582,000 |
| 028895 | For frame 4000 & 6300 fix | 23,077,000 |

### Cable intelock



|        |        |           |
|--------|--------|-----------|
| 028917 | 1000mm | 6,341,000 |
| 028918 | 1500mm | 5,532,000 |
| 028919 | 2600mm | 5,048,000 |
| 028920 | 3000mm | 5,288,000 |
| 028921 | 3600mm | 7,211,000 |
| 028922 | 4000mm | 7,452,000 |
| 028923 | 4600mm | 7,933,000 |
| 028924 | 5600mm | 8,173,000 |

### Spreaders for DMX frame 2500 fix



|        |                                |            |
|--------|--------------------------------|------------|
| 028886 | 3P - for flat connection       | 20,330,000 |
| 028887 | 4P - for flat connection       | 28,846,000 |
| 028888 | 3P - for vertical connection   | 29,945,000 |
| 028889 | 4P - for vertical connection   | 40,110,000 |
| 028890 | 3P - for horizontal connection | 18,681,000 |
| 028891 | 4P - for horizontal connection | 31,318,000 |

| Mã số | Dòng điện | Giá |
|-------|-----------|-----|
|-------|-----------|-----|

### AUTOMATIC TRANSFER SWITCH - 415 VAC

| 3P - 25kA |      |            |
|-----------|------|------------|
| ATS420045 | 100A | 30,127,000 |
| ATS420046 | 125A | 30,450,000 |
| ATS420047 | 160A | 30,832,000 |
| ATS420208 | 200A | 34,280,000 |
| ATS420209 | 250A | 35,165,000 |

| 3P - 36kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS420085 | 100A  | 30,627,000  |
| ATS420086 | 125A  | 30,821,000  |
| ATS420087 | 160A  | 31,853,000  |
| ATS420238 | 200A  | 34,480,000  |
| ATS420239 | 250A  | 35,562,000  |
| ATS422001 | 320A  | 68,000,000  |
| ATS422002 | 400A  | 67,409,000  |
| ATS422003 | 500A  | 73,725,000  |
| ATS422004 | 630A  | 74,036,000  |
| ATS422252 | 800A  | 132,000,000 |
| ATS422253 | 1000A | 157,439,000 |
| ATS422254 | 1250A | 157,928,000 |
| ATS422543 | 1600A | 197,625,000 |

| 3P - 50kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS420125 | 100A  | 35,097,000  |
| ATS420167 | 160A  | 35,786,000  |
| ATS420268 | 200A  | 36,834,000  |
| ATS420269 | 250A  | 37,328,000  |
| ATS422015 | 320A  | 68,500,000  |
| ATS422016 | 400A  | 68,791,000  |
| ATS422017 | 500A  | 68,585,000  |
| ATS422018 | 630A  | 68,751,000  |
| ATS422264 | 800A  | 142,000,000 |
| ATS422265 | 1000A | 156,775,000 |
| ATS422266 | 1250A | 156,974,000 |
| ATS422567 | 1600A | 164,746,000 |

| 3P - 70kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS422028 | 250A  | 46,061,000  |
| ATS422029 | 320A  | 67,288,000  |
| ATS422030 | 400A  | 67,784,000  |
| ATS422031 | 500A  | 70,729,000  |
| ATS422032 | 600A  | 70,729,000  |
| ATS422276 | 800A  | 134,370,000 |
| ATS422277 | 1000A | 166,064,000 |
| ATS422278 | 1250A | 166,013,000 |
| ATS422567 | 1600A | 214,408,000 |

| 3P -100kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS422042 | 250A  | 46,223,000  |
| ATS422043 | 320A  | 67,660,000  |
| ATS422044 | 400A  | 68,167,000  |
| ATS422045 | 500A  | 71,170,000  |
| ATS422046 | 600A  | 71,170,000  |
| ATS422288 | 800A  | 135,271,000 |
| ATS422289 | 1000A | 159,575,000 |
| ATS422290 | 1250A | 167,702,000 |

| Mã số | Dòng điện | Giá |
|-------|-----------|-----|
|-------|-----------|-----|

| 4P - 25kA |      |            |
|-----------|------|------------|
| ATS420055 | 100A | 32,969,000 |
| ATS420056 | 125A | 30,626,000 |
| ATS420057 | 160A | 38,365,000 |
| ATS420218 | 200A | 38,984,000 |
| ATS420219 | 250A | 40,355,000 |

| 4P - 36kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS420095 | 100A  | 33,264,000  |
| ATS420096 | 125A  | 33,493,000  |
| ATS420097 | 160A  | 39,170,000  |
| ATS420248 | 200A  | 40,385,000  |
| ATS420249 | 250A  | 40,385,000  |
| ATS422006 | 320A  | 71,341,000  |
| ATS422007 | 400A  | 71,115,000  |
| ATS422008 | 500A  | 72,525,000  |
| ATS422009 | 630A  | 73,425,000  |
| ATS422257 | 800A  | 152,405,000 |
| ATS422258 | 1000A | 167,636,000 |
| ATS422259 | 1250A | 168,924,000 |
| ATS422549 | 1600A | 225,938,000 |

| 4P - 50kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS420275 | 100A  | 37,848,000  |
| ATS420177 | 160A  | 39,975,000  |
| ATS420278 | 200A  | 40,474,000  |
| ATS420279 | 250A  | 40,487,000  |
| ATS422020 | 320A  | 71,452,000  |
| ATS422021 | 400A  | 71,342,000  |
| ATS422022 | 500A  | 73,318,000  |
| ATS422023 | 630A  | 73,518,000  |
| ATS422269 | 800A  | 145,191,000 |
| ATS422270 | 1000A | 171,229,000 |
| ATS422271 | 1250A | 172,589,000 |
| ATS422567 | 1600A | 208,281,000 |

| 4P - 70kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS422034 | 320A  | 71,637,000  |
| ATS422035 | 400A  | 74,029,000  |
| ATS422036 | 500A  | 74,552,000  |
| ATS422037 | 600A  | 75,216,000  |
| ATS422281 | 800A  | 146,570,000 |
| ATS422282 | 1000A | 167,859,000 |
| ATS422283 | 1250A | 166,373,000 |
| ATS422573 | 1600A | 233,834,000 |

| 4P -100kA |       |             |
|-----------|-------|-------------|
| ATS422048 | 320A  | 72,134,000  |
| ATS422049 | 400A  | 44,722,000  |
| ATS422050 | 500A  | 75,070,000  |
| ATS422051 | 600A  | 75,747,000  |
| ATS422293 | 800A  | 147,716,000 |
| ATS422294 | 1000A | 170,841,000 |
| ATS422295 | 1250A | 172,193,000 |

### AUTOMATIC TRANSFER SWITCH MCCBs

#### 1 SET COMPOSED OF:

|                                      |         |
|--------------------------------------|---------|
| (1) Molded case circuit breaker MCCB | 2 items |
| (2) Bộ điều khiển motor              | 2 items |
| (3) Tiếp điểm phụ                    | 2 items |
| (4) Khóa liên động cơ khí            | 1 items |
| (5) Shunt trip                       | 2 items |
| (6) Bộ điều khiển ATS 422680         | 1 item  |



| Sản phẩm                             | Mã số  | Mô Tả                       | Giá        | Sản phẩm | Mã số  | Dòng điện                         | Giá       |
|--------------------------------------|--------|-----------------------------|------------|----------|--------|-----------------------------------|-----------|
| <b>BỘ ĐIỀU KHIỂN ATS VÀ PHỤ KIỆN</b> |        |                             |            |          |        |                                   |           |
|                                      | 422680 | BASIC 2 WAYS CONTROL UNIT   | 16,609,000 |          | 422688 | WIFI FRONT CONECTOR               | 9,059,000 |
|                                      | 422682 | ADVANCE 2 WAYS CONTROL UNIT | 21,825,000 |          | 422689 | RS485 EXPANSION MODULE            | 3,757,000 |
|                                      | 422683 | 2 SOURCES 3 BREAKERS C.U.   | 35,173,000 |          | 422690 | 4 STATIC OUTPUTS EXP. MOD..       | 2,440,000 |
|                                      | 422686 | DUAL SUPPLY MODULE          | 8,027,000  |          | 422691 | 2 RELAY OUTPUT 5A250V EXP. MOD. . | 2,640,000 |
|                                      |        |                             |            |          | 422692 | 2 DIGIT. IN 2 REL. OUT EXP.MOD    | 3,296,000 |
|                                      |        |                             |            |          | 422687 | USB FRONT CONECTOR                | 3,618,000 |

### Electrical energy meters

|  |        |                            |            |  |        |                         |            |
|--|--------|----------------------------|------------|--|--------|-------------------------|------------|
|  | 004670 | Counter 32A mono-1module   | 2,110,000  |  | 004681 | Mono direct PM 32A      | 3,676,000  |
|  | 004672 | Lexic single-phase         | 4,365,000  |  | 004680 | 63A TRI 4 modules RS845 | 8,701,000  |
|  | 004673 | Lexic single-phase         | 7,466,000  |  | 004682 | 63A TRI 4 modules MID   | 8,254,000  |
|  | 004674 | Lexic single-phase         | 6,546,000  |  | 004683 | 63A TRI 4mod. MID RS845 | 9,490,000  |
|  | 004675 | PMD DIN-rall impluse       | 6,670,000  |  | 004684 | 5A TRI 4 modules RS845  | 1,302,000  |
|  | 004676 | PMD DIN-rall RS485         | 9,016,000  |  | 004685 | 5A TRI 4 modules MID    | 1,302,000  |
|  | 004677 | 63A 2 modules RS845        | 5,929,000  |  | 004686 | 5A TRI 4 mod. MID RS845 | 1,302,000  |
|  | 004678 | 63A 2 modules MID          | 5,435,000  |  | 004689 | Gateway RS845/Ethernet  | 20,915,000 |
|  | 004679 | 63A 2 modules MID RS845    | 6,670,000  |  | 412000 | Energies Counter        | 10,342,000 |
|  | 004687 | Concentra 4 mod./8 entries | 22,109,000 |  |        |                         |            |
|  | 412002 | Current transformer        | 792,000    |  |        |                         |            |

### EMDX<sup>3</sup> multi-function measuring

|  |        |                        |            |  |        |                             |           |
|--|--------|------------------------|------------|--|--------|-----------------------------|-----------|
|  | 412052 | Access multi-function  | 9,881,000  |  | 412055 | RS845 communication mod.    | 2,586,000 |
|  | 412053 | Premium multi-function | 10,252,000 |  | 412056 | Memory RS845 mod.           | 6,620,000 |
|  |        |                        |            |  | 412057 | 2I + 2O modules             | 2,921,000 |
|  |        |                        |            |  | 412058 | 2 input temperature modules | 3,489,000 |
|  |        |                        |            |  | 412059 | 2 pulses outputs modules    | 1,322,000 |
|  |        |                        |            |  | 412060 | 2 analog outputs modules    | 2,964,000 |
|  |        |                        |            |  | 412061 | Harmonic analysis modules   | 3,952,000 |

| Sản phẩm                                                                          | Mã số  | Mô tả                   | Giá       | Sản phẩm                                                                           | Mã số     | Mô tả    | Giá     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------|
| Coloring colorless ( Packing 100 pcs )                                            |        |                         |           | Transcab cable ducting (1000mm)                                                    |           |          |         |
| Width x Height (mm)                                                               |        |                         |           | Width x Height (mm)                                                                |           |          |         |
|   | 032030 | 2,4 x 9,5               | 2,000     |  | 636095    | 15 x 25  | 38,000  |
|                                                                                   | 032031 | 2,4 x 140               | 3,000     |                                                                                    | 636096    | 15 x 40  | 40,000  |
|                                                                                   | 032032 | 2,4 x 180               | 3,000     |                                                                                    | 636100    | 25 x 25  | 42,000  |
|                                                                                   | 032037 | 3,5 x140                | 3,000     |                                                                                    | 636101    | 25 x 40  | 46,000  |
|                                                                                   | 032038 | 3,5 x 180               | 3,000     |                                                                                    | 636102    | 25 x 60  | 54,000  |
|                                                                                   | 032039 | 3,5 x 280               | 6,000     |                                                                                    | 636103    | 25 x 80  | 59,000  |
|                                                                                   | 032040 | 3,5 x 360               | 8,000     |                                                                                    | 636105    | 40 x 25  | 52,000  |
|                                                                                   | 032042 | 4,6 x 180               | 4,000     |                                                                                    | 636106    | 40 x 40  | 54,000  |
|                                                                                   | 032043 | 4,6 x 280               | 7,000     |                                                                                    | 636107    | 40 x 60  | 64,000  |
|                                                                                   | 032044 | 4,6 x 360               | 9,000     |                                                                                    | 636108    | 40 x 80  | 79,000  |
|                                                                                   | 032047 | 7,6 x 180               | 13,000    |                                                                                    | 636109    | 40 x 100 | 90,000  |
|                                                                                   | 032049 | 7,6 x 360               | 17,000    |                                                                                    | 636111    | 60 x 40  | 76,000  |
|                                                                                   | 032050 | 7,6 x 720               | 36,000    |                                                                                    | 636112    | 60 x 60  | 79,000  |
|                                                                                   | 032045 | 7,6 x 550               | 19,000    |                                                                                    | 636113    | 60 x 80  | 90,000  |
|                                                                                   | 032046 | 9,0 x 710               | 31,000    |                                                                                    | 636114    | 60 x 100 | 117,000 |
|                                                                                   | 032048 | 9,0 x 810               | 34,000    |                                                                                    | 636115    | 80 x 40  | 91,000  |
|                                                                                   | 032051 | 12,6 x 1030             | 72,000    |                                                                                    | 636116    | 80 x 60  | 97,000  |
| Cảm biến chuyển động                                                              |        |                         |           |                                                                                    | 636117    | 80 x 80  | 119,000 |
|  | 048941 | Gắn trần - 360°         | 1,100,000 |                                                                                    | 636118    | 80 x 100 | 134,000 |
|                                                                                   | 048942 | Gắn tường - 140°        | 1,320,000 |                                                                                    | 636119    | 100 x 40 | 126,000 |
|                                                                                   | 048943 | Gắn trần + tường - 360° | 1,700,000 |                                                                                    | 636120    | 100 x 60 | 128,000 |
|                                                                                   | 048806 | Gắn trần                | 4,980,000 |                                                                                    | 636121    | 100 x 80 | 153,000 |
|                                                                                   |        |                         |           | 636122                                                                             | 100 x 100 | 176,000  |         |
|                                                                                   |        |                         |           | 636124                                                                             | 120 x 60  | 166,000  |         |
|                                                                                   |        |                         |           | 636125                                                                             | 120 x 80  | 222,000  |         |
|                                                                                   |        |                         |           | 636123                                                                             | 150 x 100 | 260,000  |         |

## Prong-type supply busbars

|                                  |        |                      |           |
|----------------------------------|--------|----------------------|-----------|
| <b>Single pole + neutral</b>     |        |                      |           |
|                                  | 404926 | 1 row ( 13 devices ) | 41,000    |
|                                  | 404928 | 1 row ( 18 devices ) | 97,000    |
|                                  | 404937 | Meter ( 57 devices ) | 251,000   |
| <b>Single pole for auxiliary</b> |        |                      |           |
|                                  | 404933 | Meter ( 37 devices ) | 397,000   |
|                                  |        |                      |           |
| <b>Double pole</b>               |        |                      |           |
|                                  | 404938 | 1 row ( 6 devices )  | 113,000   |
|                                  | 404939 | Meter ( 28 devices ) | 645,000   |
| <b>Double pole balanced</b>      |        |                      |           |
|                                  | 404940 | 1 row ( 6 devices )  | 307,000   |
|                                  | 404941 | Meter ( 28 devices ) | 1,503,000 |
| <b>Three pole</b>                |        |                      |           |
|                                  | 404942 | 1 row ( 4 devices )  | 133,000   |
|                                  | 404943 | Meter ( 19 devices ) | 804,000   |
| <b>Three pole for auxiliary</b>  |        |                      |           |
|                                  | 404934 | Meter ( 16 devices ) | 1,077,000 |
|                                  |        |                      |           |
| <b>Four pole</b>                 |        |                      |           |
|                                  | 404944 | 1 row ( 3 devices )  | 259,000   |
|                                  | 404945 | Meter ( 14 devices ) | 1,344,000 |

## Modular distribution block

|                              |        |                      |           |
|------------------------------|--------|----------------------|-----------|
| <b>2P</b>                    |        |                      |           |
|                              | 004881 | 40A                  | 220,000   |
|                              | 004880 | 100A                 | 148,000   |
|                              | 004882 | 125A                 | 237,000   |
| <b>4P</b>                    |        |                      |           |
|                              | 004885 | 40A                  | 307,000   |
|                              | 004884 | 100A                 | 179,000   |
|                              | 004886 | 125A                 | 247,000   |
|                              | 004888 | 125A                 | 347,000   |
|                              | 004876 | Tetra mono 10 mod.   | 636,000   |
|                              | 004879 | 160A                 | 1,376,000 |
|                              | 004877 | Tetra mod. 250A      | 2,721,000 |
|                              |        |                      |           |
| <b>IP 2x Terminal blocks</b> |        |                      |           |
| <b>Distribution block</b>    |        |                      |           |
|                              | 004815 | 2 x 35 + 4 x 25 (mm) | 32,000    |
|                              |        |                      |           |
| <b>Terminal block blue</b>   |        |                      |           |
|                              | 004840 | 4 outputs            | 21,000    |
|                              | 004842 | 8 outputs            | 31,000    |
|                              | 004844 | 12 outputs           | 44,000    |
|                              | 004845 | 16 outputs           | 59,000    |
|                              | 004846 | 21 outputs           | 76,000    |
|                              | 004848 | 33 outputs           | 120,000   |

| Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá | Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá |
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|

### Spring return: non-illuminated head

|  |                                 |                      |        |
|--|---------------------------------|----------------------|--------|
|  | <b>Flush</b>                    |                      |        |
|  | 023800                          | ○ White              | 71,000 |
|  | 023801                          | ● Red                | 71,000 |
|  | 023802                          | ● Green              | 71,000 |
|  | 023803                          | ● Blue               | 71,000 |
|  | 023804                          | ● Yellow             | 71,000 |
|  | 023806                          | ● Black              | 71,000 |
|  | 023808                          | ● Red engraved "O"   | 71,000 |
|  | 023809                          | ● Green engraved "I" | 71,000 |
|  | <b>Flush with shroud - IP67</b> |                      |        |
|  | 023811                          | ● Red                | 88,000 |
|  | 023812                          | ● Green              | 88,000 |
|  | <b>Projecting</b>               |                      |        |
|  | 023821                          | ● Red                | 87,000 |
|  | 023822                          | ● Green              | 87,000 |
|  | <b>Mushroom head Ø40</b>        |                      |        |
|  | 023826                          | ● Black              | 87,000 |
|  | 023834                          | ● Red                | 94,000 |
|  | 023835                          | ● Green              | 94,000 |
|  | 023836                          | ● Black              | 94,000 |
|  | 023837                          | ● Yellow             | 94,000 |

### Spring return: illuminated head

|  |                   |          |         |
|--|-------------------|----------|---------|
|  | <b>Flush</b>      |          |         |
|  | 024000            | ○ White  | 75,000  |
|  | 024001            | ● Red    | 75,000  |
|  | 024002            | ● Green  | 75,000  |
|  | 024003            | ● Blue   | 75,000  |
|  | 024004            | ● Yellow | 75,000  |
|  | <b>Projecting</b> |          |         |
|  | 024011            | ● Red    | 101,000 |
|  | 024012            | ● Green  | 101,000 |

### Twin touch: illuminated head

|  |                         |               |         |
|--|-------------------------|---------------|---------|
|  | <b>Flush/Projecting</b> |               |         |
|  | 024073                  | ● Green ● Red | 312,000 |

### Stay-put mushroom heads illuminated head

|  |                                 |                     |         |
|--|---------------------------------|---------------------|---------|
|  | <b>Push-pull emergency stop</b> |                     |         |
|  | 024080                          | ● Red - Ø40         | 146,000 |
|  | 024082                          | ● Red - EN318 - Ø40 | 93,000  |
|  | <b>Push-turn emergency stop</b> |                     |         |
|  | 024091                          | ● Red - Ø40         | 116,000 |

### Stay-put mushroom heads non-illuminated head

|  |                                 |               |         |
|--|---------------------------------|---------------|---------|
|  | <b>Push-pull emergency stop</b> |               |         |
|  | 023872                          | ● Red - Ø40   | 129,000 |
|  | 023876                          | ● Black - Ø40 | 129,000 |
|  | <b>Push-turn emergency stop</b> |               |         |
|  | 023880                          | ● Red - Ø32   | 57,000  |
|  | 023881                          | ● Black - Ø32 | 57,000  |
|  | 023882                          | ● Red - Ø40   | 61,000  |
|  | 023883                          | ● Black - Ø40 | 61,000  |
|  | <b>Push-turn ISO 13850</b>      |               |         |
|  | 023885                          | ● Red - Ø40   | 294,000 |
|  | 023891                          | ● Red - Ø40   | 152,000 |
|  | <b>Emergency stop ISO 13850</b> |               |         |
|  | 023892                          | ● Red - Ø40   | 357,000 |

### Pilot light: illuminated head

|  |        |          |        |
|--|--------|----------|--------|
|  | 024160 | ○ White  | 43,000 |
|  | 024161 | ● Red    | 43,000 |
|  | 024162 | ● Green  | 43,000 |
|  | 024163 | ● Blue   | 43,000 |
|  | 024164 | ● Yellow | 43,000 |

### Selector switches - with standard handle non-illuminated

|  |                               |         |         |
|--|-------------------------------|---------|---------|
|  | <b>2 - stay-put - 45°</b>     |         |         |
|  | 023902                        | ● Green | 134,000 |
|  | 023903                        | ● Black | 134,000 |
|  | 023904                        | ● Grey  | 134,000 |
|  | <b>2 - spring-return- 45°</b> |         |         |
|  | 023909                        | ● Black | 187,000 |
|  | <b>2 - stay-put - 90°</b>     |         |         |
|  | 023915                        | ● Black | 117,000 |
|  | <b>3 - stay-put - 45°</b>     |         |         |
|  | 023921                        | ● Red   | 139,000 |
|  | 023922                        | ● Green | 139,000 |
|  | 023923                        | ● Black | 139,000 |
|  | 023924                        | ● Grey  | 139,000 |

### Selector switches - with standard handle: illuminated

|  |                                      |         |         |
|--|--------------------------------------|---------|---------|
|  | <b>2 - stay-put - 45°</b>            |         |         |
|  | 024031                               | ● Red   | 188,000 |
|  | 024032                               | ● Green | 188,000 |
|  | 024033                               | ● Black | 188,000 |
|  | <b>2 - stay-put - 90°</b>            |         |         |
|  | 024041                               | ● Red   | 195,000 |
|  | 024042                               | ● Green | 195,000 |
|  | 024043                               | ● Black | 195,000 |
|  | <b>3 - stay-put - 90°</b>            |         |         |
|  | 024051                               | ● Red   | 195,000 |
|  | 024052                               | ● Green | 195,000 |
|  | 024053                               | ● Black | 195,000 |
|  | <b>2-stay-put -long handle - 90°</b> |         |         |
|  | 024060                               | ● Black | 223,000 |
|  | <b>3-stay-put -long handle - 90°</b> |         |         |
|  | 024061                               | ● Black | 230,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá | Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá |
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|

### One-piece: illuminated head

|  |                                    |          |         |
|--|------------------------------------|----------|---------|
|  | <b>With intergrated Led - 24V</b>  |          |         |
|  | 024120                             | ○ White  | 188,000 |
|  | 024121                             | ● Red    | 180,000 |
|  | 024122                             | ● Green  | 179,000 |
|  | 024123                             | ● Blue   | 200,000 |
|  | 024124                             | ● Yellow | 191,000 |
|  | <b>With intergrated Led - 130V</b> |          |         |
|  | 024130                             | ○ White  | 213,000 |
|  | 024131                             | ● Red    | 196,000 |
|  | 024132                             | ● Green  | 206,000 |
|  | 024133                             | ● Blue   | 200,000 |
|  | 024134                             | ● Yellow | 217,000 |
|  | <b>With intergrated Led - 230V</b> |          |         |
|  | 024140                             | ○ White  | 258,000 |
|  | 024141                             | ● Red    | 188,000 |
|  | 024142                             | ● Green  | 225,000 |
|  | 024143                             | ● Blue   | 239,000 |
|  | 024144                             | ● Yellow | 261,000 |
|  | <b>For BA9S lamp</b>               |          |         |
|  | 024100                             | ○ White  | 107,000 |
|  | 024101                             | ● Red    | 110,000 |
|  | 024102                             | ● Green  | 109,000 |
|  | 024103                             | ● Blue   | 124,000 |
|  | 024104                             | ● Yellow | 109,000 |

### Block sub-assemblies: non-illuminated head

|  |                        |                          |         |
|--|------------------------|--------------------------|---------|
|  | <b>Screw terminals</b> |                          |         |
|  | 022961                 | NC+ 1 position clip      | 60,000  |
|  | 022962                 | NO+ 1 position clip      | 60,000  |
|  | 022965                 | NO/NC+ 3 position clip   | 227,000 |
|  | 022966                 | 2xNO/NC+ 3 position clip | 434,000 |
|  | 022971                 | NC+ 3 position clip      | 89,000  |
|  | 022972                 | NO+ 3 position clip      | 89,000  |
|  | 022973                 | 2NC+ 3 position clip     | 108,000 |
|  | 022974                 | 2NC+ 3 position clip     | 108,000 |
|  | 022976                 | NO+NC+ 3 position clip   | 108,000 |
|  | 022977                 | 2NO+NC+ 3 position clip  | 180,000 |
|  | 022978                 | NO+2NC+ 3 position clip  | 180,000 |

### Screw terminal for illuminated heads

|  |                                             |                     |         |
|--|---------------------------------------------|---------------------|---------|
|  | <b>With 3 position clip ( 12 - 24 V~/ )</b> |                     |         |
|  | 022980                                      | ○ White = - 2 NO/NC | 490,000 |
|  | 022981                                      | ● Red = - 2 NO/NC   | 479,000 |
|  | 022982                                      | ● Green = - 2 NO/NC | 479,000 |
|  | 023000                                      | ○ White = - NO      | 157,000 |
|  | 023001                                      | ● Red = - NO        | 146,000 |
|  | 023002                                      | ● Green = - NO      | 146,000 |
|  | 023003                                      | ○ White = NO + NC   | 207,000 |
|  | 023004                                      | ● Red = - NO + NC   | 196,000 |
|  | 023005                                      | ● Green = - NO + NC | 196,000 |
|  | <b>With 3 position clip ( 230V~ )</b>       |                     |         |
|  | 022990                                      | ○ White = - 2 NO/NC | 518,000 |
|  | 022991                                      | ● Red = - 2 NO/NC   | 504,000 |
|  | 022992                                      | ● Green = - 2 NO/NC | 510,000 |
|  | 023010                                      | ○ White = - NO      | 181,000 |
|  | 023011                                      | ● Red = - NO        | 167,000 |
|  | 023012                                      | ● Green = - NO      | 173,000 |
|  | 023013                                      | ○ White = NO + NC   | 234,000 |
|  | 023014                                      | ● Red = NO + NC     | 220,000 |
|  | 023015                                      | ● Green = NO + NC   | 226,000 |
|  | 023016                                      | ○ White = - 2NO     | 219,000 |
|  | 023017                                      | ● Red = - 2NO       | 205,000 |
|  | 023018                                      | ● Green = - 2NO     | 211,000 |

### Screw terminal for non-illuminated heads

|  |                                             |             |         |
|--|---------------------------------------------|-------------|---------|
|  | <b>Contact blocks</b>                       |             |         |
|  | 022901                                      | NC          | 29,000  |
|  | 022902                                      | NO          | 29,000  |
|  | 022903                                      | NO/NC       | 175,000 |
|  | <b>Screw terminal for illuminated heads</b> |             |         |
|  | <b>12 - 24 V~/</b>                          |             |         |
|  | 022910                                      | ○ White     | 105,000 |
|  | 022911                                      | ● Red       | 93,000  |
|  | 022912                                      | ● Green     | 93,000  |
|  | 022913                                      | ● Blue      | 152,000 |
|  | 022914                                      | ● Yellow    | 211,000 |
|  | <b>48 V~/</b>                               |             |         |
|  | 022920                                      | ○ White     | 201,000 |
|  | 022921                                      | ● Red       | 184,000 |
|  | <b>230 V~</b>                               |             |         |
|  | 022922                                      | ● Green     | 190,000 |
|  | 022923                                      | ● Blue      | 189,000 |
|  | 022924                                      | ● Yellow    | 194,000 |
|  | 022940                                      | ○ White     | 129,000 |
|  | 022941                                      | ● Red       | 116,000 |
|  | 022942                                      | ● Green     | 122,000 |
|  | 022943                                      | ● Blue      | 181,000 |
|  | 022944                                      | ● Yellow    | 187,000 |
|  | <b>Clips - Mouting</b>                      |             |         |
|  | 022960                                      | 1 position  | 4,000   |
|  | 022964                                      | 3 positions | 8,000   |
|  | 022968                                      | 5 positions | 96,000  |

Sản phẩm

Mã số

Mô tả

Giá

## Terminal blocks connecting

### 1 connection - 1 entry/1 outlet

2,5 mm

|        |        |        |
|--------|--------|--------|
| 037160 | Grey   | 10,000 |
| 037100 | Blue   | 12,000 |
| 037120 | Orange | 15,000 |
| 037130 | Red    | 15,000 |

4 mm

|        |        |        |
|--------|--------|--------|
| 037161 | Grey   | 11,000 |
| 037101 | Blue   | 14,000 |
| 037121 | Orange | 15,000 |
| 037131 | Red    | 16,000 |
| 037177 | Green  | 15,000 |

6 mm

|        |       |        |
|--------|-------|--------|
| 037162 | Grey  | 13,000 |
| 037102 | Blue  | 16,000 |
| 037178 | Green | 18,000 |

10 mm

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037163 | Grey | 18,000 |
| 037103 | Blue | 21,000 |

16 mm

|        |       |        |
|--------|-------|--------|
| 037164 | Grey  | 37,000 |
| 037104 | Blue  | 43,000 |
| 037198 | Green | 46,000 |

35 mm

|        |       |        |
|--------|-------|--------|
| 037165 | Grey  | 55,000 |
| 037105 | Blue  | 67,000 |
| 037199 | Green | 65,000 |

70 mm

|        |      |         |
|--------|------|---------|
| 037166 | Grey | 189,000 |
|--------|------|---------|

### 1 connection - 2 entries/2 outlets

4 mm

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037169 | Grey | 64,000 |
| 037109 | Blue | 73,000 |

### 2 connection on 2 levels

2,5 mm

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037167 | Grey | 29,000 |
| 037107 | Blue | 34,000 |

4 mm

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037168 | Grey | 26,000 |
| 037108 | Blue | 31,000 |

### 3 connection on 3 levels

2,5 mm

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037151 | Grey | 54,000 |
|--------|------|--------|

## Terminal blocks PNE (Phase/Neutral/Earth)

### 3 connection on 3 levels

2,5 mm

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037152 | Grey | 93,000 |
|--------|------|--------|

## Terminal blocks for protection conductor

### 1 connection - 1 entry/1 outlet

2,5 mm

|        |                |        |
|--------|----------------|--------|
| 037170 | Green / Yellow | 38,000 |
|--------|----------------|--------|

4 mm

|        |                |        |
|--------|----------------|--------|
| 037171 | Green / Yellow | 29,000 |
|--------|----------------|--------|

6 mm

|        |                |        |
|--------|----------------|--------|
| 037172 | Green / Yellow | 48,000 |
|--------|----------------|--------|

10 mm

|        |                |        |
|--------|----------------|--------|
| 037173 | Green / Yellow | 62,000 |
|--------|----------------|--------|

16 mm

|        |                |         |
|--------|----------------|---------|
| 037174 | Green / Yellow | 112,000 |
|--------|----------------|---------|

35 mm

|        |                |         |
|--------|----------------|---------|
| 037175 | Green / Yellow | 132,000 |
|--------|----------------|---------|

## Disconnect terminal blocks 1 connection

2,5 mm

Open

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037180 | Grey | 30,000 |
|--------|------|--------|

For fuse cartridge 5 x 20 with handle

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037181 | Grey | 44,000 |
|--------|------|--------|

For neutral circuit with handle

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037182 | Grey | 40,000 |
|--------|------|--------|

For standard circuit with handle

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037183 | Grey | 40,000 |
|--------|------|--------|

For standard circuit with mini

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037184 | Grey | 84,000 |
|--------|------|--------|

For circuit not broken with handle

|        |        |        |
|--------|--------|--------|
| 037185 | Orange | 44,000 |
|--------|--------|--------|

For circuit not broken with mini

|        |        |        |
|--------|--------|--------|
| 037186 | Orange | 61,000 |
|--------|--------|--------|

10 mm

For cartridge 5 x 20 with screwed

|        |      |         |
|--------|------|---------|
| 037187 | Grey | 125,000 |
|--------|------|---------|

## Function blocks

2,5 mm

1 connection - modular

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037153 | Grey | 44,000 |
|--------|------|--------|

1 connection - diode carrier

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037154 | Grey | 58,000 |
|--------|------|--------|

4 mm

2 connection on 2 levels - diode

|        |      |        |
|--------|------|--------|
| 037155 | Grey | 66,000 |
|--------|------|--------|

2 connection on 2 levels with led

|        |      |         |
|--------|------|---------|
| 037156 | Grey | 179,000 |
|--------|------|---------|

## Disconnect for measurement

1 connection - 2,5 mm

|        |      |         |
|--------|------|---------|
| 037192 | Grey | 209,000 |
|--------|------|---------|

| Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá | Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá |
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|

## Terminal blocks connecting

### 1 connection - 2 wires - 1 entry/1 outlet

|  |        |                                |        |
|--|--------|--------------------------------|--------|
|  | 037260 | 4 mm Grey                      | 15,000 |
|  | 037200 | 4 mm Blue                      | 15,000 |
|  | 037220 | 4 mm Orange                    | 15,000 |
|  | 037261 | 4 mm - built-in end cap Grey   | 17,000 |
|  | 037201 | 4 mm - built-in end cap Blue   | 18,000 |
|  | 037221 | 4 mm - built-in end cap Orange | 18,000 |
|  | 037262 | 6 mm - built-in end cap Grey   | 37,000 |
|  | 037202 | 6 mm - built-in end cap Blue   | 37,000 |
|  | 037263 | 10 mm - built-in end cap Grey  | 54,000 |
|  | 037203 | 10 mm - built-in end cap Blue  | 54,000 |
|  | 037264 | 16 mm - built-in end cap Grey  | 66,000 |
|  | 037204 | 16 mm - built-in end cap Blue  | 66,000 |

### 1 connection - 3 wires- 2 entries/2 outlets

|  |        |                              |        |
|--|--------|------------------------------|--------|
|  | 037240 | 4 mm Grey                    | 19,000 |
|  | 037241 | 4 mm Blue                    | 19,000 |
|  | 037242 | 4 mm Orange                  | 19,000 |
|  | 037243 | 4 mm - built-in end cap Grey | 23,000 |
|  | 037244 | 4 mm - built-in end cap Blue | 23,000 |

### 1 connection - 4 wires- 2 entries/2 outlets

|  |        |                              |        |
|--|--------|------------------------------|--------|
|  | 037246 | 4 mm Grey                    | 22,000 |
|  | 037247 | 4 mm Blue                    | 23,000 |
|  | 037269 | 4 mm - built-in end cap Grey | 26,000 |
|  | 037209 | 4 mm - built-in end cap Blue | 26,000 |

### 2 connection - 4 wires- 2 levels

|  |        |                              |        |
|--|--------|------------------------------|--------|
|  | 037267 | 4 mm Grey                    | 33,000 |
|  | 037207 | 4 mm Blue                    | 33,000 |
|  | 037268 | 4 mm - built-in end cap Grey | 38,000 |
|  | 037208 | 4 mm - built-in end cap Blue | 39,000 |

## Terminal blocks for protection conductor

### 1 connection - 2 wires - 1 entry/1 outlet

|  |        |                                         |         |
|--|--------|-----------------------------------------|---------|
|  | 037270 | 4 mm Green / Yellow                     | 61,000  |
|  | 037271 | 4 mm - built-in end cap Green / Yellow  | 73,000  |
|  | 037272 | 6 mm - built-in end cap Green / Yellow  | 92,000  |
|  | 037273 | 10 mm - built-in end cap Green / Yellow | 102,000 |
|  | 037274 | 16 mm - built-in end cap Green / Yellow | 118,000 |

### 1 connection - 3 wires - 1 entry/2 outlet

|  |        |                                        |        |
|--|--------|----------------------------------------|--------|
|  | 037210 | 4 mm Green / Yellow                    | 69,000 |
|  | 037211 | 4 mm - built-in end cap Green / Yellow | 83,000 |

### 1 connection - 4 wires - 2 entry/2 outlet

|  |        |                                        |        |
|--|--------|----------------------------------------|--------|
|  | 037212 | 4 mm Green / Yellow                    | 75,000 |
|  | 037279 | 4 mm - built-in end cap Green / Yellow | 86,000 |

## Disconnect terminal blocks 1 connection - 2 wires 2,5 mm

|  |        |                                                   |        |
|--|--------|---------------------------------------------------|--------|
|  | 037280 | Open Grey                                         | 31,000 |
|  | 037281 | For fuse cartridge 5 x 20 with handle Grey / Blue | 43,000 |
|  | 037282 | For neutral circuit with handle Grey              | 39,000 |
|  | 037283 | For standard circuit with handle Grey             | 39,000 |
|  | 037284 | For standard circuit with mini Grey               | 39,000 |
|  | 037285 | For circuit not broken with handle Orange         | 39,000 |
|  | 037286 | For circuit not broken with mini Orange           | 36,000 |

## Function blocks

### 4 mm

#### 1 connection - 4 wires 2 entry/2 outlets diode carrier

|  |        |      |        |
|--|--------|------|--------|
|  | 037254 | Grey | 32,000 |
|--|--------|------|--------|

#### 2 connection - 4 wires 2 level diode carrier

|  |        |      |        |
|--|--------|------|--------|
|  | 037255 | Grey | 42,000 |
|--|--------|------|--------|

#### 2 connection - 4 wires 2 level with led

|  |        |      |         |
|--|--------|------|---------|
|  | 037256 | Grey | 123,000 |
|--|--------|------|---------|

| Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá | Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá |
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|

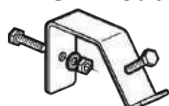
## Rail for cutting to length



### 2000 mm

|        |                                |         |
|--------|--------------------------------|---------|
| 037404 | Depth 7,5 mm                   | 114,000 |
| 037407 | Depth 15 mm                    | 185,000 |
| 047722 | Depth 7,5 mm with oblong holes | 120,000 |
| 047723 | Depth 15 mm with oblong holes  | 193,000 |

## 45° mouting bracket



|        |                                |        |
|--------|--------------------------------|--------|
| 039449 | Set of 2 supports for 45° rail | 46,000 |
|--------|--------------------------------|--------|

## Adaptor



|        |                     |        |
|--------|---------------------|--------|
| 036466 | For mouting on rail | 20,000 |
|--------|---------------------|--------|

## End stops



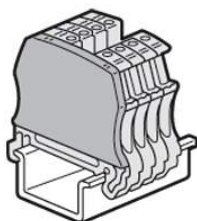
|        |             |        |
|--------|-------------|--------|
| 037510 | 6 mm pitch  | 24,000 |
| 037511 | 8 mm pitch  | 11,000 |
| 037512 | 10 mm pitch | 37,000 |
| 037513 | 12 mm pitch | 35,000 |

## Identification accessories



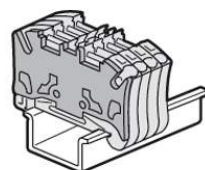
|        |                     |        |
|--------|---------------------|--------|
| 039596 | Label holdel        | 69,000 |
| 039597 | Label for engraving | 19,000 |
| 039598 | Black marker pen    | 36,000 |

## End caps ( Grey )



### For crew terminal blocks

|        |                            |        |
|--------|----------------------------|--------|
| 037550 | 5/6/8/10 mm pitch          | 3,000  |
| 037551 | 12/15 mm pitch             | 4,000  |
| 037552 | For block 2E/2EX           | 7,000  |
| 037553 | For block 2 levels         | 23,000 |
| 037554 | For block 3 levels         | 32,000 |
| 037555 | For block 5/6 mm pitch     | 4,000  |
| 037556 | Block catridg. fuse 5 x 20 | 37,000 |
| 037557 | For block viking 3         | 60,000 |



### For spring terminal block 5 mm

|        |                  |       |
|--------|------------------|-------|
| 037586 | 1 entry/1 outlet | 2,000 |
| 037587 | 1 entry/2 outlet | 3,000 |
| 037588 | 2 entry/2 outlet | 5,000 |
| 037589 | 2 levels         | 7,000 |

### For spring terminal block 6 mm

|        |                 |       |
|--------|-----------------|-------|
| 037586 | Disconnect type | 6,000 |
|--------|-----------------|-------|

## Equipotential bridging accessories



### Bridging for screw and spring

|        |                        |        |
|--------|------------------------|--------|
| 037500 | For 10 block/5 mm/blue | 43,000 |
| 037501 | For 10 block/5 mm/red  | 42,000 |
| 037502 | For 2 block/5 mm/blue  | 10,000 |
| 037503 | For 10 block/6 mm/blue | 49,000 |
| 037504 | For 10 block/6 mm/red  | 48,000 |
| 037505 | For 2 block/6 mm/red   | 12,000 |
| 037507 | For 3 block/8 mm/red   | 17,000 |
| 037508 | For 2 block/8 mm/red   | 15,000 |

### Bars for screw



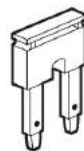
|        |                    |         |
|--------|--------------------|---------|
| 037540 | For 12 block/10 mm | 134,000 |
| 037542 | For 12 block/12 mm | 257,000 |
| 037544 | For 12 block/15 mm | 289,000 |

### Bridging for 3-levels screw



|        |                    |         |
|--------|--------------------|---------|
| 037546 | For 12 block/10 mm | 99,000  |
| 037547 | For 12 block/12 mm | 102,000 |

### Bridging for spring



|        |                   |        |
|--------|-------------------|--------|
| 037582 | For 2 block/10 mm | 26,000 |
| 037585 | For 2 block/12 mm | 32,000 |

## Accessories for disconnect blocks



### Blade type levers

|        |                          |        |
|--------|--------------------------|--------|
| 037515 | For catridg. fuse 5 x 20 | 15,000 |
| 037516 | Catridg. fuse blue       | 10,000 |
| 037517 | Catridg. fuse grey       | 11,000 |
| 037518 | For mini levers          | 11,000 |



### Joining rods

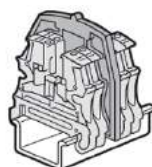
|        |              |        |
|--------|--------------|--------|
| 037521 | For 2 blocks | 10,000 |
| 037522 | For 3 block  | 14,000 |



### Blown fuse indicators

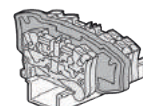
|        |                  |         |
|--------|------------------|---------|
| 037524 | 12/24/48 AV - DC | 142,000 |
| 037525 | 110/250 V~       | 143,000 |

## Separation and insulation dividers ( Grey )



### For crew terminal blocks

|        |                        |        |
|--------|------------------------|--------|
| 037560 | 5/6/8/10 mm pitch      | 4,000  |
| 037561 | 12/15 mm pitch         | 11,000 |
| 037562 | For block 5/6 mm pitch | 11,000 |
| 037563 | For block 2 levels     | 35,000 |
| 037564 | For block 3 levels     | 32,000 |



### For spring terminal block

|        |              |        |
|--------|--------------|--------|
| 037595 | 5/6 mm pitch | 9,000  |
| 037596 | 2 leves      | 10,000 |

| Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá | Sản phẩm | Mã số | Mô tả | Giá |
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|
|----------|-------|-------|-----|----------|-------|-------|-----|

## Shielding accessories



|        |                  |                          |         |
|--------|------------------|--------------------------|---------|
| 037530 | Shielding clamps | For cable Ø 3 to 8 mm    | 167,000 |
| 037531 |                  | For cable Ø 4 to 13,5 mm | 199,000 |
| 047532 |                  | For cable Ø 10 to 20 mm  | 270,000 |



|        |               |                          |         |
|--------|---------------|--------------------------|---------|
| 037534 | Shielding bar | Bar 10 x 3mm (length 1m) | 152,000 |
|--------|---------------|--------------------------|---------|

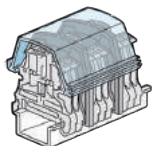


|        |               |                       |        |
|--------|---------------|-----------------------|--------|
| 037535 | Shielding bar | Bar 5/6/8/10 mm pitch | 71,000 |
|--------|---------------|-----------------------|--------|

## Protective screens



|        |          |                |        |
|--------|----------|----------------|--------|
| 037565 | 1 - Pole | 5/6 mm pitch   | 27,000 |
| 037566 |          | 8/10 mm pitch  | 29,000 |
| 047567 |          | 12/15 mm pitch | 29,000 |



|        |                    |                   |         |
|--------|--------------------|-------------------|---------|
| 037568 | Cut to length (1m) | 5/6/8/10 mm pitch | 369,000 |
| 037569 |                    | 12/15 mm pitch    | 544,000 |

## Measurement accessories



|        |                                      |                          |        |
|--------|--------------------------------------|--------------------------|--------|
| 037527 | For screw and spring terminal blocks | Ø4 mm for 5/6/8 mm pitch | 77,000 |
|--------|--------------------------------------|--------------------------|--------|



|        |                           |                             |         |
|--------|---------------------------|-----------------------------|---------|
| 037575 | For screw terminal blocks | Ø2 mm for 10 mm pitch       | 15,000  |
| 037576 |                           | Ø4 mm for 12/15 mm pitch    | 22,000  |
| 037577 |                           | Ø4 mm for disconnect blocks | 159,000 |



|        |                          |                  |         |
|--------|--------------------------|------------------|---------|
| 039445 | IP 2X safety tip adaptor | Viking test plug | 328,000 |
|--------|--------------------------|------------------|---------|

## Insulated aluminium/copper power terminal



|        |               |                              |           |
|--------|---------------|------------------------------|-----------|
| 039010 | Cable - cable | Al/Cu 35 - 120 / Cu 35 - 70  | 1,028,000 |
| 039011 |               | Al/Cu 75 - 300 / Cu 70 - 150 | 1,396,000 |



|        |                       |                       |         |
|--------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 039013 | Cable lug - cable lug | Al/Cu 95 - Al/Cu 95   | 583,000 |
| 039014 |                       | Al/Cu 150 - Al/Cu 150 | 626,000 |
| 039015 |                       | Al/Cu 300 - Al/Cu 300 | 824,000 |



|        |                   |                         |           |
|--------|-------------------|-------------------------|-----------|
| 039017 | Cable lug - cable | Al/Cu 150 / Cu 35 - 95  | 1,029,000 |
| 039018 |                   | Al/Cu 300 / Cu 70 - 150 | 1,541,000 |



|        |                   |                            |           |
|--------|-------------------|----------------------------|-----------|
| 039020 | Cable - cable lug | Al/Cu 35 - 120 / Al/Cu 120 | 1,013,000 |
| 039021 |                   | Al/Cu 70 - 300 / Al/Cu 300 | 1,355,000 |

## Insulation and protection accessories



|        |                     |                           |        |
|--------|---------------------|---------------------------|--------|
| 039477 | Separation barriers | For blocks 26 mm pitch    | 64,000 |
| 039478 |                     | For blocks 34/46 mm pitch | 86,000 |



|        |                   |                           |         |
|--------|-------------------|---------------------------|---------|
| 039486 | Protective covers | For 3 block - 46 mm pitch | 206,000 |
| 039488 |                   | For 4 block - 26 mm pitch | 139,000 |
| 039489 |                   | For 4 block - 46 mm pitch | 234,000 |

## Bare power terminal blocks



|        |                                             |                    |         |
|--------|---------------------------------------------|--------------------|---------|
| 039071 | Cable lug - cable lug for symmetrical rails | For busbars 35 mm  | 103,000 |
| 039072 |                                             | For busbars 70 mm  | 158,000 |
| 039073 |                                             | For busbars 120 mm | 182,000 |
| 039074 |                                             | For busbars 240 mm | 301,000 |



|        |                                              |                    |         |
|--------|----------------------------------------------|--------------------|---------|
| 039031 | Cable lug - cable lug for asymmetrical rails | For busbars 35 mm  | 100,000 |
| 039032 |                                              | For busbars 70 mm  | 156,000 |
| 039033 |                                              | For busbars 120 mm | 180,000 |
| 039034 |                                              | For busbars 240 mm | 305,000 |

## Equipotential bonding shunts



|        |                              |                               |         |
|--------|------------------------------|-------------------------------|---------|
| 039446 | Equipotential bonding shunts | For block with 36/42 mm pitch | 918,000 |
| 039447 |                              | For block with 55 mm pitch    | 900,000 |